

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN MASAN
MASAN GROUP CORPORATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 123 /2025
No.: _____/2025

Tp. HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2025
Ho Chi Minh City, 24 March 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
ORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh
To: State Securities Commission of Vietnam
Hanoi Stock Exchange
Ho Chi Minh Stock Exchange



1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Name of organization: Masan Group Corporation

Mã chứng khoán/Mã thành viên: MSN

Stock code/ Broker code: MSN

Địa chỉ: Số 23 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Address: No. 23 Le Duan, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City

Điện thoại liên hệ/Tel.: 28 6256 3862

Fax: 28 3827 4115

2. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên 2024.

Contents of disclosure: Annual Report 2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 24 /03/2025 tại đường dẫn <https://masangroup.com/vi/investor-relations.html>

This information was disclosed in the folder Corporate Announcements of section Investor Center on the Company's website on 24 March 2025 at <https://masangroup.com/investor-relations.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố như nêu tại Mục 2;

Documents related to disclosed information mentioned in Item 2.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
ORGANIZATION REPRESENTATIVE
Người được ủy quyền công bố thông tin
Authorized representative for information disclosure
LUẬT SƯ TRƯỞNG / GENERAL COUNSEL



TRẦN PHƯƠNG BÁC



TẬP ĐOÀN MASAN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024



MỤC LỤC

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.....	2
BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH.....	45
BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	91
THÔNG TIN DOANH NGHIỆP.....	92

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Cam kết phát triển bền vững

Tại Tập đoàn Masan (“Tập đoàn Masan”, “Masan”, “MSN” hoặc “Công ty”), phát triển bền vững không chỉ là một nghĩa vụ mà còn là động lực cốt lõi cho hoạt động kinh doanh của chúng tôi. Với triết lý “Doing well by doing good”, chúng tôi cam kết phục vụ người tiêu dùng với sứ mệnh rõ ràng, tạo ra những tác động bền vững vượt lên trên những thành công tài chính.

Là Tập đoàn Tiêu dùng-Bán lẻ hàng đầu Việt Nam, hoạt động trên nhiều lĩnh vực bao gồm hàng tiêu dùng nhanh (FMCG), bán lẻ thực phẩm và đồ uống, thịt có thương hiệu, dịch vụ tài chính và vật liệu công nghiệp công nghệ cao, chúng tôi theo đuổi một sứ mệnh rõ ràng: trở thành “Niềm tự hào Việt Nam” và hiện thực hóa điều này bằng cách nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho hơn 100 triệu người tiêu dùng Việt Nam và trên thế giới, mang đến khả năng tiếp cận các nhu yếu phẩm với giá cả hợp lý, các dịch vụ tiện ích, sản phẩm cao cấp và trải nghiệm tiêu dùng vượt trội, đồng thời đặt phát triển bền vững làm trọng tâm trong mọi hoạt động.

Khung phát triển bền vững

Khung phát triển bền vững của Masan Group được thiết kế để tích hợp các thực tiễn kinh doanh có trách nhiệm vào mọi khía cạnh hoạt động. Được xây dựng trên ba trụ cột chiến lược, khung này không chỉ phù hợp với các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs) mà còn tuân thủ các Tiêu chuẩn Hoạt động về Môi trường và Xã hội nghiêm ngặt của Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), nhằm thúc đẩy đổi mới, bảo vệ môi trường và công bằng xã hội.

Khung phát triển bền vững này định hướng các nỗ lực của Masan trong việc giảm phát thải khí nhà kính (GHG), nâng cao quản lý chất thải và tài nguyên nước, cung cấp các sản phẩm an toàn và lành mạnh, đồng thời hỗ trợ cộng đồng địa phương thông qua các phát kiến ý nghĩa như chương trình “Một Triệu bữa cơm có thịt”. Masan cam kết thúc đẩy đa dạng và hòa nhập, nâng cao phúc lợi cho nhân viên và duy trì các tiêu chuẩn quản trị vững chắc. Bên cạnh đó, Masan cũng nhấn mạnh tính bền vững trên toàn chuỗi giá trị,

từ việc tăng cường các phương thức thu mua có trách nhiệm đến hợp tác với các nhà cung cấp thực thi các phát kiến nhằm mang lại sự phát triển bền vững. Cách tiếp cận này đảm bảo rằng sự tăng trưởng của Masan không chỉ khả thi về mặt kinh tế mà còn có trách nhiệm với môi trường và toàn diện về mặt xã hội.

Bằng cách đưa phát triển bền vững vào chiến lược cốt lõi, Masan Group hướng đến đóng góp thiết thực, lâu dài vào sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, đồng thời góp phần giải quyết những thách thức bền vững trên toàn cầu.

Tầm nhìn của chúng tôi: Trở thành niềm tự hào của Việt Nam với sự tin yêu của người tiêu dùng, kiên định với triết lý "Doing well by doing good". Năm 2023, Masan Group đã thực hiện một quy trình toàn diện nhằm xác định các chủ đề trọng yếu trên toàn tập đoàn. Dựa trên nền tảng này, năm 2024, chúng tôi tập trung vào bốn lĩnh vực cốt lõi nhất: Kiểm kê phát thải khí nhà kính (GHG) hướng đến mục tiêu Net Zero; Sức khỏe và Dinh dưỡng, Quản lý chuỗi cung ứng; Giảm sử dụng nước; và Kinh tế tuần hoàn trong quản lý chất thải. Đối với từng lĩnh vực, chúng tôi triển khai các kế hoạch hành động chi tiết với những phát kiến trọng điểm, thúc đẩy tiến trình hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững một cách mạnh mẽ và hiệu quả.

Trụ cột 1 – Thúc đẩy đổi mới để tăng trưởng bền vững

- **Trọng tâm cốt lõi:** Đổi mới sáng tạo và tăng trưởng có trách nhiệm
- **Phù hợp với các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs):** Sức khỏe và cuộc sống tốt (SDG 3), Công nghiệp và cơ sở hạ tầng (SDG 9), Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm (SDG 12), Quan hệ đối tác vì mục tiêu chung (SDG 17).
- **Phù hợp với các Tiêu chuẩn Hiệu suất của IFC (IFC PS):** Quản lý rủi ro (PS 1), Lao động (PS 2), và Đa dạng sinh học (PS 3).
- **Các chủ đề trọng yếu:**
 - Sức khỏe, dinh dưỡng, an toàn thực phẩm và ghi nhãn sản phẩm
 - Quản lý chuỗi cung ứng

Trụ cột 2 – Quan tâm đến Môi trường và Cộng đồng

- **Trọng tâm cốt lõi:** Quản lý môi trường và phát triển cộng đồng.
- **Phù hợp với các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs):** Nước sạch và vệ sinh (SDG 6), Năng lượng sạch và giá rẻ (SDG 7), Thành phố và cộng đồng bền vững (SDG 11), Hành động vì khí hậu (SDG 13).
- **Phù hợp với các Tiêu chuẩn Hiệu suất của IFC (IFC PS):** Hiệu quả sử dụng tài nguyên (PS 3), Cộng đồng (PS 4), Tái định cư đất đai (PS 5), và Người bản địa (PS 7).
- **Các chủ đề trọng yếu:**
 - Biến đổi khí hậu
 - Bảo vệ môi trường
 - Phát triển cộng đồng

Trụ cột 3 – Nhân viên và Khách hàng tin yêu

- **Trọng tâm cốt lõi:** Công bằng xã hội, gắn kết khách hàng và quản trị đạo đức.
- **Phù hợp với các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs):** Bình đẳng giới (SDG 5), Công việc tốt và tăng trưởng kinh tế (SDG 8), Giảm bất bình đẳng (SDG 10).
- **Phù hợp với các Tiêu chuẩn Hiệu suất của IFC (IFC PS):** Quản lý rủi ro (PS 1) và Lao động (PS 2).
- **Các chủ đề trọng yếu:**
 - Nguồn nhân lực
 - Quản lý quan hệ khách hàng
 - Đạo đức kinh doanh và quản trị bền vững

Mục tiêu và tiến trình phát triển bền vững

Kể từ năm 2023, Tập đoàn đã thiết lập các mục tiêu và chỉ số đánh giá hiệu suất về phát triển bền vững, phù hợp với các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs) và Tiêu chuẩn Hiệu suất của IFC (IFC PSs). Cách tiếp cận này là một phần trong chiến lược phát triển bền vững dài hạn giai đoạn 2023-2030, được xây dựng dựa trên bối cảnh thị trường hiện tại, xu hướng toàn cầu, cũng như cơ hội và định hướng phát triển của

Tập đoàn. Đối với từng trụ cột chiến lược về phát triển bền vững và các chủ đề trọng yếu, các kế hoạch hành động cùng những sáng kiến cụ thể đã được triển khai trong năm 2024.

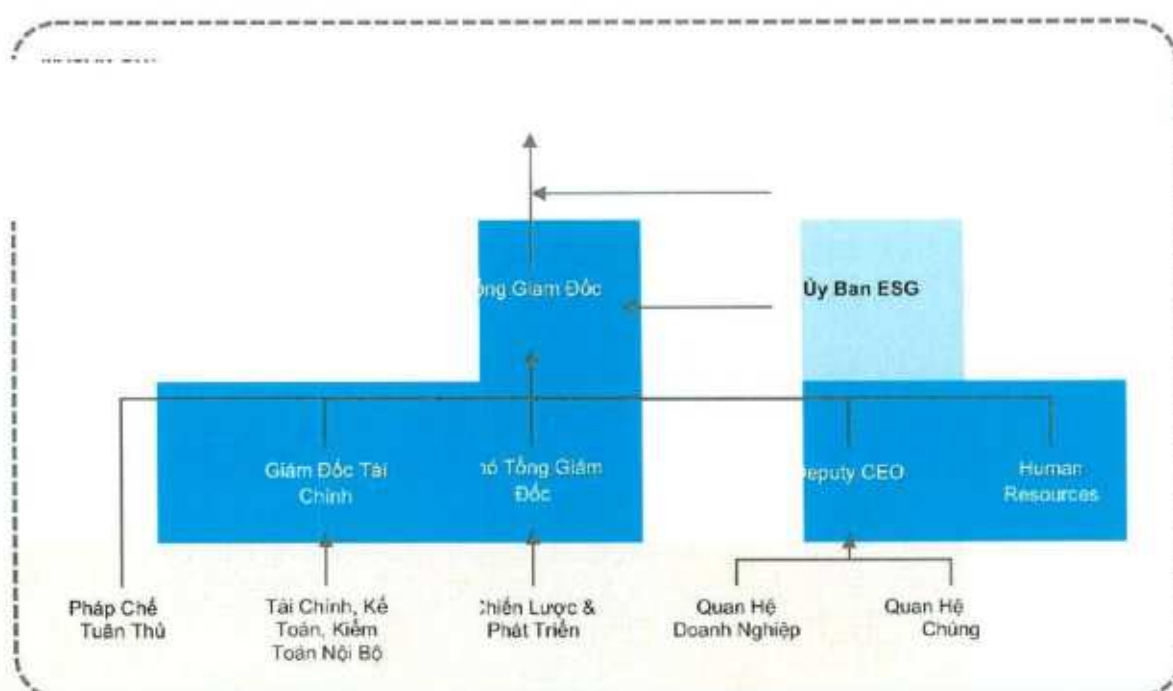
Mục tiêu phát triển bền vững của Masan Group (2023-2030)	Tiến độ năm 2024
Thúc đẩy đổi mới để tăng trưởng bền vững	
Sức khỏe, dinh dưỡng, an toàn thực phẩm và ghi nhãn sản phẩm	
Duy trì 100% tuân thủ an toàn sức khỏe và ghi nhãn sản phẩm.	Đã đạt
Tích hợp các sáng kiến “ Tốt cho sức khỏe ” vào quy trình R&D để phát triển thêm ít nhất 5 sản phẩm tốt hơn cho sức khỏe.	Đã đạt
Quản lý chuỗi cung ứng	
Phát triển các hướng dẫn trách nhiệm đối với mọi vấn đề ESG trọng yếu liên quan đến chuỗi cung ứng của MSN và áp dụng cho 50% nhà cung ứng quan trọng cấp 1 (Key Tier 1) vào năm 2025.	Đang triển khai
Quan tâm đến môi trường và cộng đồng	
Biến đổi khí hậu	
Giảm 15% lượng phát thải khí nhà kính (GHG) Phạm vi 1 và Phạm vi 2 vào năm 2030 và đạt Net Zero vào năm 2050, phù hợp với NDC (Đóng góp quốc gia tự quyết định) của Việt Nam.	Đang triển khai
Trách nhiệm bảo vệ môi trường	
Giảm 5-10% lượng nước sử dụng trên mỗi đơn vị sản xuất nhờ tái chế nước vào năm 2025.	Đang triển khai
Tăng 50% lượng rác thải được tái chế vào năm 2025 nhằm hỗ trợ Kế hoạch Hành động Quốc gia về Quản lý Rác thải Nhựa Đại dương đến năm 2030.	Đang triển khai
Phát triển cộng đồng	
Xây dựng các chương trình tập trung vào sức khỏe con người, khoa học thực phẩm và dinh dưỡng, phát triển nông nghiệp bền	Đã đạt

vững kết hợp công nghệ cho cộng đồng vào năm 2025, với các mục tiêu tác động và mức độ tham gia được xác định.	
Nhân viên và khách hàng tin yêu	
Nguồn nhân lực	
Duy trì mức độ hài lòng của nhân viên đạt ít nhất 70% mỗi năm.	Đã đạt
Duy trì tỷ lệ 38% nữ so với nam ở cấp bậc 3 trở lên, cao hơn mức trung bình của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương ¹ .	Đã đạt
Duy trì điểm số ít nhất 70% trong mục Đa dạng và Hòa nhập của khảo sát hài lòng nhân viên hàng năm.	Đã đạt
Quản lý quan hệ khách hàng	
Duy trì mức độ hài lòng của khách hàng ở mức 90% đến năm 2030 và xa hơn.	Đang triển khai
30 triệu thành viên, đáp ứng 80% nhu cầu tiêu dùng hằng ngày.	Đang triển khai
Đạo đức kinh doanh	
Thành lập Ủy ban ESG và đưa vào vận hành đầy đủ trong năm 2024.	Đã đạt
100% nhân viên được đào tạo hằng năm về Bộ quy tắc ứng xử của Masan, cùng các chủ đề khác như chống hối lộ, chống tham nhũng và các vấn đề bền vững trọng yếu vào năm 2025, đồng thời tất cả nhân viên mới hoàn thành đào tạo trong vòng sáu tháng kể từ ngày gia nhập.	Đang triển khai

¹ Lưu ý: Sau khi được đánh giá lại vào năm 2024, mục tiêu này đã được cập nhật. Mục tiêu điều chỉnh vẫn cao hơn mức trung bình của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, thể hiện cam kết bền vững của công ty đối với sự đa dạng giới và đại diện trong đội ngũ lãnh đạo.

Quản trị bền vững

Năm 2023, Tổng giám đốc (CEO) của Tập đoàn Masan đã bổ nhiệm và thành lập Ủy ban ESG toàn Tập đoàn để quản lý các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững. Ủy ban này chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện các chính sách, chiến lược và sáng kiến phát triển bền vững của Tập đoàn, đồng thời đảm bảo đạt được các mục tiêu đã đề ra.



Vai trò và trách nhiệm cụ thể trong quản trị phát triển bền vững được xác định như sau:

Masan Group – Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị

Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị (HĐQT) đóng vai trò then chốt trong việc định hướng chiến lược hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, phê duyệt và giám sát việc thực hiện chiến lược phát triển bền vững, cũng như theo dõi tiến độ đạt được các mục tiêu bền vững.

Masan Group – Ủy ban ESG

Ủy ban ESG bao gồm các lãnh đạo từ nhiều bộ phận và công ty trực thuộc, có nhiệm vụ tư vấn cho Tổng Giám đốc về chiến lược phát triển bền vững của công ty, cũng như các xu hướng, rủi ro và cơ hội liên quan đến ESG. Ủy ban chịu trách nhiệm thúc đẩy chương trình ESG ở cấp Tập đoàn, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các mảng kinh doanh và bộ phận chức năng nội bộ để triển khai và tích hợp chiến lược bền vững vào hoạt động kinh doanh, bao gồm chính sách, quy trình, sáng kiến, chương trình, và tham gia các hệ thống xếp hạng ESG cũng như các chương trình chứng nhận. Các thành viên Ủy ban ESG làm việc với các bộ phận liên quan và các chuyên gia ESG để thực hiện các sáng kiến theo kế hoạch hành động và mục tiêu bền vững, đồng thời thu thập dữ liệu để theo dõi tiến độ. Ủy ban ESG họp định kỳ hàng quý để đánh giá tiến độ và điều chỉnh kế hoạch hành động khi cần thiết.

Những Điểm Nhấn Về Phát Triển Bền Vững Năm 2024

Thúc đẩy đổi mới để phát triển bền vững

- **100%** nhà máy sản xuất được chứng nhận theo các tiêu chuẩn quốc tế – Hệ thống Chứng nhận An toàn Thực phẩm (FSSC) 22000, ISO 22000 và HACCP về Quản lý An toàn Thực phẩm.
- **100%** danh mục sản phẩm hoặc dịch vụ quan trọng được đánh giá về mức độ tuân thủ thông tin sản phẩm và ghi nhãn.
- Bộ quy tắc chuỗi cung ứng bền vững được ban hành và công bố, thiết lập các nguyên tắc và yêu cầu rõ ràng về thu mua có trách nhiệm và thực hành chuỗi cung ứng.

Bảo vệ môi trường và cộng đồng

- **25,26%** năng lượng tái tạo được sử dụng tại tất cả các nhà máy sản xuất của chúng tôi.
- Giảm được **2,76%** lượng phát thải khí nhà kính (GHG) phạm vi 1 và 2 so với mức cơ sở năm 2023.
- **Lộ trình khử carbon** đã được xây dựng cho MSN, bao gồm tất cả các lĩnh vực kinh doanh với các biện pháp giảm thiểu ưu tiên cho phát thải GHG phạm vi 1-2.
- Hơn **144 tỷ đồng** được đóng góp cho các sáng kiến phát triển cộng đồng.

Chiếm trọn niềm tin và trái tim của nhân viên và khách hàng

- Phụ nữ chiếm **62%** tổng số lượng nhân viên và **43%** các vị trí quản lý cấp trung trở lên.
- **2.555** lớp đào tạo được tổ chức hoặc phối hợp bởi Masan Growth Center trên toàn Tập đoàn, thu hút **58.654** người tham gia.
- **Không** phát sinh khiếu nại được xác minh liên quan đến quyền riêng tư của khách hàng.
- Chính sách An ninh Thông tin của Tập đoàn Masan được áp dụng đầy đủ.
- Bộ Quy tắc Ứng xử và Chính sách Phòng chống Rửa tiền, Hối lộ, Chống Tài trợ Khủng bố của Tập đoàn Masan được thực hiện đầy đủ.
- Chỉ phát sinh **1** khoản phạt hành chính phát sinh tại các công ty con do vi phạm không liên quan đến thuế.
- Chính sách Nhân quyền của Tập đoàn đã được xây dựng.

Thành tựu và giải thưởng về Bền vững trong năm 2024

Tập đoàn Masan

- Giải thưởng "Doanh nghiệp có môi trường làm việc bền vững" của HR Asia 2024.
- Giải thưởng "Đa dạng, Công bằng và Hòa nhập" HR Asia trong 2 năm liên tiếp (2023 và 2024).
- "Top 50 Doanh nghiệp Phát triển Bền vững" do Tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư bình chọn trong 2 năm liên tiếp (2023 và 2024), chiến thắng ở ba hạng mục: "Quản lý tài nguyên bền vững", "Chiến lược nhân sự vì phát triển bền vững", và "Quản trị doanh nghiệp xuất sắc".
- "Top 50 Công ty Kinh doanh Hiệu quả nhất Việt Nam" và "Doanh nghiệp Tỷ đô" do Tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư bình chọn, chiến thắng ở ba hạng mục: "Quản lý tài nguyên bền vững", "Chiến lược nhân sự vì phát triển bền vững", và "Quản trị doanh nghiệp xuất sắc".
- "Top 50 Doanh nghiệp Phát triển Bền vững tại Việt Nam" trong ba năm liên tiếp tính đến năm 2024.



Masan Consumer

- Trong 2 năm liên tiếp, Masan Consumer được công nhận là “Nơi làm việc tuyệt vời” bởi Great Place to Work – tổ chức toàn cầu uy tín chuyên đánh giá và công nhận văn hóa doanh nghiệp.
- “Top 2 Nhà tuyển dụng được yêu thích nhất” trong ngành FMCG, do Career Builder công nhận.
- Giải thưởng “Thương hiệu Vàng của giới trẻ 2023-2024” cho nhãn hàng CHIN-SU.
- “Top 5 Thương hiệu được lựa chọn nhiều nhất năm 2024” – Kantar Brand Footprint: CHIN-SU, Nam Ngư, Kokomi.
- “Thương hiệu Quốc gia” 2024-2026: Vinacafé Biên Hòa.
- WeChoice Awards – Dự án Vì Việt Nam Tôi: Chương trình “CHIN-SU Một triệu bữa cơm có thịt”; CHIN-SU Chili – Thương hiệu được giới trẻ yêu thích.

Masan High-Tech Materials

- Masan High-Tech Materials được vinh danh trong “Top 50 doanh nghiệp xuất sắc Việt Nam”, do Vietnam Report JSC bình chọn và trao tặng.
- “Top 10 Thương hiệu xuất sắc - Tiên phong đổi mới” do Vietnam Economic Times bình chọn và trao tặng.

- “Top 100 Doanh nghiệp Phát triển Bền vững” tại Việt Nam 2024 dành cho Masan High-Tech Materials, do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) bình chọn và trao tặng.
- “Great Place to Work Vietnam 2024”, được khảo sát và chứng nhận bởi Great Place to Work®.
- “Doanh nghiệp tiên phong vì phát triển bền vững”, được vinh danh bởi Vietnam Investment Review (VIR).
- “Top 100 Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt 2024”, do Trung ương Đoàn Thanh niên Việt Nam và Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam bình chọn và trao tặng.
- Bằng khen “Thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua”, do Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên trao tặng.
- Bằng khen “Thành tích xuất sắc trong Chuyển đổi số 2024”, do Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên trao tặng.
- Bằng khen “Đóng góp ý nghĩa cho các hoạt động nhân đạo và từ thiện tại huyện Đại Từ”, do Hội Chữ thập đỏ huyện Đại Từ trao tặng.

Masan MEATLife

- “MEATDeli – Top 10 Thương hiệu được người tiêu dùng tin dùng tại Việt Nam 2024”, thuộc các hạng mục Nông sản, Thực phẩm & Đồ uống, và Chuỗi bán lẻ, do Tạp chí Kinh tế Việt Nam bình chọn.

WinCommerce

- “Nhà bán lẻ nông sản của năm” do Asia Fruit Logistica & Tạp chí Asiafruit trao tặng.
- “Top 10 Thương hiệu nổi tiếng Việt Nam 2024 - Ngành Bán lẻ” do Hiệp hội Sở hữu Trí tuệ Việt Nam trao tặng.

Thúc đẩy đổi mới để tăng trưởng bền vững

Sức khỏe thực phẩm, dinh dưỡng, an toàn và ghi nhãn sản phẩm

Chất lượng và an toàn sản phẩm

Kiểm soát chất lượng nguyên liệu đầu vào

MSN cam kết cung cấp các sản phẩm an toàn cho sức khỏe người tiêu dùng. Để đảm bảo chất lượng, chúng tôi lựa chọn nguyên liệu đầu vào kỹ lưỡng và áp dụng các biện pháp kiểm soát chất lượng cụ thể cho từng loại nguyên liệu.

Tập đoàn duy trì hệ thống quản lý chất lượng tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật của Việt Nam và các tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời tham khảo hướng dẫn từ các tổ chức trong ngành. Chúng tôi ưu tiên thu mua nguyên liệu có trách nhiệm nhằm đảm bảo chuỗi cung ứng tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức và bền vững. Điều này bao gồm việc lựa chọn nguyên liệu tái tạo và tái chế khi có thể, giảm sự phụ thuộc vào tài nguyên không tái tạo. Các sáng kiến của chúng tôi bao gồm hợp tác với nhà cung ứng để nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên liệu, giảm thiểu rác thải bao bì và triển khai các chương trình tái chế.




Chúng tôi chủ động đánh giá và lựa chọn nhà cung ứng dựa trên các tiêu chí bền vững, đặc biệt là các tiêu chuẩn môi trường và chính sách lao động có đạo đức. Ngoài ra, chúng tôi thực hiện kiểm toán và đánh giá định kỳ để đảm bảo sự tuân thủ với các tiêu chí phát triển bền vững, thúc đẩy tính minh bạch và trách nhiệm trong toàn bộ chuỗi cung ứng. Thông qua các hoạt động thu mua có trách nhiệm này, chúng tôi hướng tới việc giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội, đồng thời đóng góp tích cực cho các cộng đồng mà chúng tôi phục vụ.



Tuân thủ các tiêu chuẩn về chất lượng và an toàn sản phẩm

Chúng tôi xây dựng văn hóa mạnh mẽ về chất lượng và an toàn thực phẩm. MSN tuân thủ tất cả các quy định về sức khỏe và an toàn áp dụng cho ngành của mình. Sản phẩm của chúng tôi được chứng nhận theo các tiêu chuẩn quốc tế như FSSC 22000, ISO 22000 và hệ thống quản lý an toàn thực phẩm HACCP. Quy trình sản xuất ở mọi giai đoạn đều được kiểm soát chặt chẽ bằng các biện pháp kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt.

Tại các nhà máy sản xuất và trang trại của Tập đoàn, chúng tôi đã thiết lập quy trình kiểm soát chất lượng chặt chẽ bao phủ mọi giai đoạn sản xuất. Quy trình này bao gồm kiểm

tra nội bộ nguyên liệu môi trường, giám sát chặt chẽ quá trình sản xuất và thực hiện các bài kiểm tra chất lượng đối với sản phẩm hoàn thiện. Toàn bộ quy trình được giám sát nghiêm ngặt bởi đội ngũ Đảm bảo chất lượng/Kiểm soát chất lượng (QA/QC) giàu kinh nghiệm. Những biện pháp này đảm bảo rằng tất cả sản phẩm đều tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn và chất lượng cao nhất.

Công ty thành viên	Chứng nhận đạt được
Masan Consumer 	Phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP) ISO 9001 (Quản lý chất lượng), ISO 22000 (An toàn thực phẩm), SA8000 (Trách nhiệm xã hội), Danh tiếng thương hiệu thông qua tuân thủ (BRC), Chương trình chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC), HALAL, ISO 14001 (Quản lý môi trường), ISO 45001 (An toàn và sức khỏe nghề nghiệp).
Masan MEATLife (MML) 	VietGAP, GLOBAL G.A.P, BRCS (Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm).
WinCommerce (WCM) 	Luật và quy định Việt Nam về an toàn thực phẩm.

Công ty thành viên	Chứng nhận đạt được
WinEco (WEC) 	Luật và quy định Việt Nam về an toàn thực phẩm Hữu cơ, GLOBAL G.A.P, VietGAP).
Phúc Long Heritage (PLH) 	Luật và quy định Việt Nam về an toàn thực phẩm Phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP).

Ghi nhãn sản phẩm

Masan Group đặt tính minh bạch trong hoạt động làm ưu tiên hàng đầu và đảm bảo rằng khách hàng có đầy đủ thông tin về sản phẩm để đưa ra quyết định mua hàng một cách sáng suốt. Để thực hiện cam kết này, MSN đã triển khai các sáng kiến sau:

- **Ghi nhãn sản phẩm chi tiết:** Mỗi sản phẩm đều có nhãn rõ ràng và đầy đủ thông tin, bao gồm thành phần, hướng dẫn sử dụng, nguồn gốc và các chứng nhận an toàn áp dụng, giúp khách hàng dễ dàng nắm bắt chính xác những gì họ đang mua.
- **Mã QR để tăng cường truy xuất nguồn gốc:** Trong ngành “chăn nuôi đến thực phẩm” (Feed to Food), công ty thành viên-Masan MEATLife đã triển khai thành công hệ thống truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm thịt gà, thịt heo và sản phẩm chế biến sẵn, cho phép khách hàng quét và truy cập thông tin về hành trình của sản phẩm từ khâu sản xuất đến phân phối, từ đó củng cố niềm tin vào sản phẩm của chúng tôi.
- **Đổi mới sản phẩm:** Đổi mới sản phẩm đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo thành công dài hạn của MSN. Các hoạt động đổi mới của Công ty bao gồm thu mua nguyên liệu, sản xuất thực phẩm và đồ uống, giúp nâng cao hiệu quả sản xuất, đảm bảo an toàn thực phẩm, đồng thời giảm thiểu tổn thất và lãng phí thực phẩm. Chúng tôi đã thành lập đội ngũ R&D Sức khỏe và Dinh dưỡng nhằm phát

triển các sản phẩm lành mạnh, giàu dinh dưỡng, thông qua việc cải tiến liên tục công thức sản phẩm, đảm bảo phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng và các quy định pháp lý.

Ngành thực phẩm và đồ uống

Masan Consumer (MCH)

Chúng tôi có bề dày kinh nghiệm trong việc đổi mới và phát triển các sản phẩm an toàn, hợp túi tiền, thơm ngon và tốt cho sức khỏe. Kể từ khi thành lập vào tháng 6 năm 2023, Trung tâm “Thấu hiểu người tiêu dùng” đã tích cực kết nối với cộng đồng “Consumers in Love” – Là nhóm khách hàng trung thành, tin yêu các sản phẩm của chúng tôi. Thông qua các buổi gặp gỡ và thảo luận, chúng tôi khám phá những ý tưởng mới và tìm ra cơ hội tiềm năng để đáp ứng nhu cầu của họ bằng những sản phẩm phù hợp hơn.

Ngoài ra, với động thái không ngừng cập nhật công nghệ và sở hữu đội ngũ chuyên gia hàng đầu trong nhiều lĩnh vực, chúng tôi đã đạt được những bước đột phá đáng kể trong công tác phát triển, đổi mới sản phẩm. Năm 2024, Masan Consumer (MCH) đã xây dựng bộ tiêu chí **“dinh dưỡng lành mạnh”** nhằm đánh giá mức độ cải thiện dinh dưỡng trong danh mục sản phẩm hiện có, bao gồm:

- Giảm hàm lượng muối (natri), chất béo bão hòa, chất béo chuyển hóa và đường.
- Bổ sung các dưỡng chất thiết yếu.
- Tăng cường sử dụng nguyên liệu tự nhiên và giảm chất bảo quản.

Trong năm 2023-2024, chúng tôi đã đặt mục tiêu và ra mắt 5 cải tiến sản phẩm trong nhiều danh mục khác nhau, bao gồm:

- Nước mắm Nam Ngư và nước mắm CHIN-SU (CHIN-SU Nước Mắm Cá Cơm Biển Đông, CHIN-SU Nước Mắm Vị Cá Hồi) đã giảm 20% hàm lượng muối.
- Ngũ cốc ăn liền B'Fast có lượng đường giảm 60% so với phiên bản truyền thống.
- Nước tăng lực EnerZ có lượng đường giảm 70% so với Compact (hương Cherry đỏ).

Ngành khai thác và chế biến vonfram

Masan High-Tech Material (MHT)

Masan High-Tech Materials vận hành trung tâm nghiên cứu tiên tiến hàng đầu đặt tại Việt Nam, tập trung vào phát triển công nghệ trong toàn bộ chuỗi chế biến khoáng sản và kim loại. Đây là nền tảng quan trọng giúp MHT thành công trong nhiều lĩnh vực kinh doanh, đồng thời đóng vai trò cốt lõi trong việc đảm bảo tính bền vững dài hạn. Với cam kết mạnh mẽ và đầu tư liên tục vào công nghệ và đổi mới trên toàn bộ chuỗi sản xuất, MHT giữ vững vị thế dẫn đầu trong ngành chế biến và sản xuất vonfram, fluorite, bismut, đồng và các vật liệu khác. Việc thực thi cam kết đổi mới này không chỉ giúp nâng cao tính bền vững của công ty, giảm tác động môi trường mà còn hỗ trợ quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh.

Kết quả hoạt động trong năm 2024

- Duy trì thành công 0 sự cố nghiêm trọng liên quan đến tuân thủ an toàn thực phẩm và ghi nhãn sản phẩm.
- Nâng cao quy trình kiểm tra và giám sát chất lượng sản phẩm tại tất cả các công ty con.
- Tiếp tục phát triển lộ trình sản phẩm "Tốt cho sức khỏe".

Quản lý chuỗi cung ứng

Năm 2024, Masan Group đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong việc nâng cao tính bền vững của chuỗi cung ứng bằng cách ban hành Bộ quy tắc chuỗi cung ứng bền vững. Bộ quy tắc này thiết lập các nguyên tắc và yêu cầu rõ ràng về thu mua có trách nhiệm và thực hành chuỗi cung ứng trên tất cả các công ty thành viên. Ngoài ra, Masan đã phát triển khung tiêu chí phân loại và đánh giá nhà cung ứng, điều chỉnh phù hợp với từng ngành để đảm bảo quản lý chuỗi cung ứng theo đúng mục tiêu bền vững của tập đoàn.

Những sáng kiến này khẳng định cam kết của Masan trong việc duy trì các tiêu chuẩn cao về chất lượng, đạo đức và phát triển bền vững trên toàn mạng lưới chuỗi cung ứng. Nhìn về năm 2025, chúng tôi đặt mục tiêu tăng cường quản lý nhà cung ứng thông qua việc phát triển và triển khai bộ tiêu chí phân loại nhà cung ứng trên tất cả các công ty trực thuộc. Masan sẽ hoàn thành việc phân loại nhà cung ứng để xác định nhà cung ứng quan trọng cấp 1 (Key Tier 1), đảm bảo cách tiếp cận có hệ thống trong việc giám

sát chuỗi cung ứng. Ngoài ra, chúng tôi hướng đến đánh giá nhà cung ứng quan trọng cấp 1 (Key Tier 1), với mục tiêu ít nhất 50% số nhà cung ứng quan trọng cấp 1 tuân thủ Bộ quy tắc chuỗi cung ứng bền vững của Masan vào cuối năm 2025.

Quan tâm đến Môi trường và Cộng đồng

Masan Group cam kết ưu tiên phát triển bền vững trong tất cả hoạt động sản xuất và kinh doanh. Chúng tôi nỗ lực đảm bảo rằng sản phẩm không chỉ đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng nghiêm ngặt mà còn góp phần bảo vệ môi trường, bằng cách tuân thủ các quy định pháp lý về khí thải, tối ưu hóa sử dụng năng lượng và thúc đẩy các biện pháp tái sử dụng và tái chế.

Biến đổi khí hậu

Phát thải Khí nhà kính (GHG)

Bắt đầu từ năm 2023, Tập đoàn đã phát triển hướng dẫn và công cụ tính toán phát thải khí nhà kính (GHG) phù hợp với phương pháp luận của GHG Protocol, nhằm đo lường phát thải trực tiếp (Scope 1) và phát thải gián tiếp (Scope 2). Đồng thời, chúng tôi đã tổng hợp dữ liệu để cung cấp cái nhìn tổng quan trên toàn Tập đoàn về tổng lượng phát thải GHG phạm vi 1-2.

Trong hoạt động sản xuất của Tập đoàn, phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp được tạo ra từ việc sử dụng và tiêu thụ xăng, khí tự nhiên, dầu diesel, dầu nhiên liệu và than cho phương tiện, thiết bị, lò hơi, máy phát điện dự phòng, hoạt động nổ mìn, sử dụng môi chất làm lạnh, hệ thống xử lý nước thải và các hoạt động nông nghiệp. Phát thải GHG gián tiếp phát sinh từ việc sử dụng điện và hơi nước mua vào cho tất cả các hoạt động sản xuất và vận hành tại các nhà máy thuộc các công ty thành viên của MSN.

Kết quả hoạt động năm 2024 của Tập đoàn được tóm tắt trong bảng dưới đây:

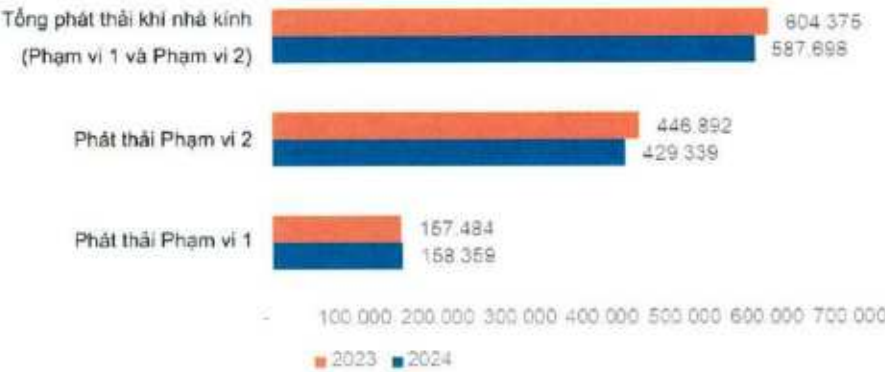
Chỉ số	2023	2024
Phát thải phạm vi 1 (tCO ₂ e) (tCO ₂ e)	157.484	158.359
Phát thải phạm vi 2 (tCO ₂ e)	446.892	429.339
Tổng lượng phát thải GHG (Phát thải phạm vi 1 và phạm vi 2) (tCO ₂ e)	604.375	587.698

(*) Thông tin chi tiết sẽ được cung cấp trong Báo cáo Phát triển Bền vững MSN 2024 sắp tới.

	2023	2024
Phát thải sinh học (tCO ₂ e)	167.165	150.519
Cường độ phát thải khí nhà kính (GHG) (tCO ₂ e/tỷ đồng)	7,72	3,43

So sánh kết quả hoạt động năm 2024 với mức cơ sở năm 2023

PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH CỦA MASAN (tCO₂e) (2023-2024)



Năm 2024, tổng lượng phát thải khí nhà kính (GHG) của MSN giảm 16.677 tấn CO₂eq so với mức cơ sở năm 2023, tương đương giảm 2,76%. Mức giảm này đến từ việc gia tăng sử dụng năng lượng tái tạo tại các đơn vị sản xuất, triển khai các sáng kiến nâng cao hiệu quả năng lượng và giảm hệ số phát thải của lưới điện quốc gia.

Hồ sơ phát thải khí nhà kính (GHG) của hệ sinh thái MSN 2023 - 2024

Các công ty của MSN	2023		2024	
	Phạm vi 1 (tCO ₂ e)	Phạm vi 2 (tCO ₂ e)	Phạm vi 1 (tCO ₂ e)	Phạm vi 2 (tCO ₂ e)
MCH	9.100	95.674	7.402	77.992
Masan Brewery	3.970	4.787	924	3.485
Masan MEATLife (MML)	59.181	40.347	65.492	38.213
WinCommerce (WCM)	26.392	155.198	44.149	166.892
WinEco (WEC)	17.742	6.951	15.451	7.491
Masan HighTech Materials (MHT)	37.503	137.072	6.932	126.937
Phúc Long Heritage (PLH)	3.547	6.785	13.652	8.323
MSN Head Office	48	78	4.357	6
Tổng lượng phát thải khí nhà kính (GHG) theo phạm vi (tCO ₂ e)	157.484	446.892	158.359	429.339
Tổng lượng phát thải phạm vi 1 và phạm vi 2 theo năm (tCO ₂ e)	604.375		587.698	

Năm 2024, công ty MHT của chúng tôi đã thực hiện tính toán sơ bộ dấu chân carbon của sản phẩm, tuân theo hướng dẫn của Ủy ban Liên chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC). Đánh giá này sẽ giúp MHT xác định các chiến lược quản lý phát thải khí nhà kính (GHG) cho từng sản phẩm khi xuất khẩu ra thị trường quốc tế. Dưới đây là kết quả tính toán dấu chân carbon của sản phẩm (phạm vi 1 và phạm vi 2) của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo ("NPMC") và Công ty Masan Tungsten (MTC), thuộc Masan High-Tech Materials: Dấu chân carbon của sản phẩm (Phạm vi 1 và Phạm vi 2) của NPMC và MTC

Dấu chân carbon trong các sản phẩm của NPMC				
Sản phẩm	WO ₃	CaF ₂	Bi	Cu
Đơn vị (tCO ₂ eq/tấn sản phẩm)	1.33	0.41	48.2	1.27
Dấu chân carbon trong các sản phẩm của MTC				
Sản phẩm	Sodium Tungsten (ST)	Ammonium Paratunstate (APT)	Oxit Tungsten Xanh (BTO)	Oxit Tungsten Vàng (YTO)
Đơn vị (tCO ₂ eq/mtu)	0.071	0.071	0.076	0.076

Tiêu thụ năng lượng – Sử dụng năng lượng tái tạo và hiệu quả năng lượng

Hiện tại, MSN chủ yếu sử dụng điện, xăng, dầu diesel và hơi nước làm nguồn năng lượng chính. Là một phần trong lộ trình khử carbon đến năm 2030, Masan Group đang tập trung chuyển đổi hoạt động sang nguồn năng lượng tái tạo. Hiện nay, hơn 25,39% tổng năng lượng tiêu thụ tại các cơ sở của Masan và các công ty con đến từ nguồn tái tạo, bao gồm sinh khối và nhiên liệu sinh học, đặc biệt là hơi nước được tạo ra từ sinh khối có nguồn gốc từ hoạt động sản xuất của chúng tôi và các nhà cung ứng.

Tiêu thụ năng lượng tại MSN trong hai năm

Loại năng lượng	Đơn vị	2023	2024	% Tiến độ
Năng lượng không tái tạo	GJ/năm	3.442.142	2.861.811	(-) 16,89%
Năng lượng tái tạo	GJ/năm	881.106	966.754	(+) 9,72%
Tổng tiêu thụ năng lượng	GJ/năm	4.323.248	3.827.565	(-) 11,47%
Cường độ tiêu thụ năng lượng	GJ/tỷ đồng	41.89	22,35	(-) 46,65%

Tiêu thụ năng lượng của các công ty của Masan trong năm 2023 và 2024

Loại năng lượng/ Công ty	Đơn vị	Năng lượng không tái tạo		Năng lượng tái tạo		Tổng năng lượng tiêu thụ	
		2023	2024	2023	2024	2023	2024
MCH	(GJ/year)	567.988	476.763	737.716	884.818	1.305.704	1.361.581
Masan Brewery	(GJ/year)	37.432	26.807	42.025	3.941	79.456	30.747
MML	(GJ/year)	287.978	295.688	101.366	81.936	389.344	377.623
MHT	(GJ/year)	863.645	998.088	0	0	863.645	998.088
WEC	(GJ/year)	46.430	51.986	0	0	46.430	51.986
WCM	(GJ/year)	829.324	888.583	0	0	829.324	888.583
PLH	(GJ/year)	38.179	48.247	0	0	38.179	48.247

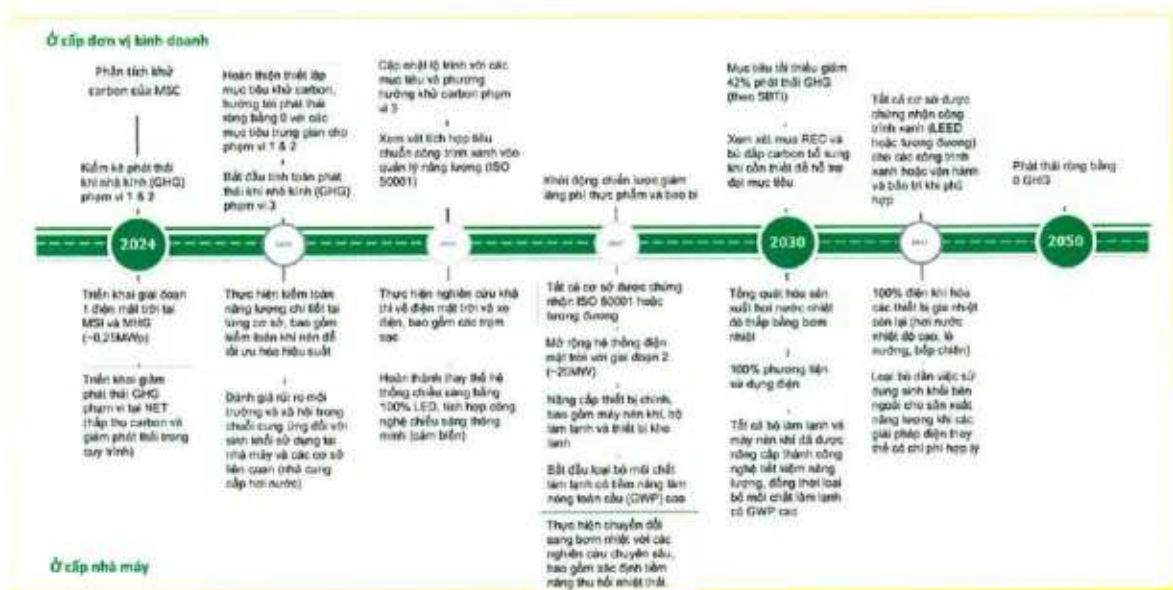
Lưu ý:

- *Năng lượng không tái tạo: Năng lượng được tạo ra từ quá trình đốt cháy nhiên liệu như than điện, xăng, dầu diesel, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí tự nhiên hóa lỏng (LNG).*
- *Năng lượng tái tạo: Năng lượng được tạo ra từ nguồn sinh khối (trấu, mùn cưa).*

Masan Group cam kết nâng cao quản lý năng lượng bằng cách giải quyết các vấn đề liên quan đến tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng và hiệu quả năng lượng. Chúng tôi đã áp dụng nhiều thực tiễn quản lý năng lượng nhằm đảm bảo sử dụng tài nguyên một cách hiệu quả. Một trong những nỗ lực quan trọng của chúng tôi là duy trì hệ thống quản lý hiệu quả năng lượng theo nguyên tắc của ISO 50001:2018. Tính đến nay, 93% nhà máy sản xuất của chúng tôi đã đạt chứng nhận ISO 50001:2018 về quản lý năng lượng trong ngành sản xuất hàng tiêu dùng.

Lộ trình hướng tới Net-Zero 2050 của Tập đoàn Masan

Khử carbon là một trọng tâm quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của Tập đoàn Masan. Tập đoàn cam kết đạt Net Zero vào năm 2050, phù hợp với Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam theo Hiệp định Paris về biến đổi khí hậu. Kể từ năm 2023, Tập đoàn Masan đã xây dựng lộ trình khử carbon cho cả Tập đoàn và từng công ty thành viên, đề ra các biện pháp giảm thiểu cụ thể để hướng tới phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Thành công của Tập đoàn trong việc giảm phát thải carbon phụ thuộc vào tiến độ khử carbon của từng công ty thành viên, với trách nhiệm triển khai kế hoạch khử carbon riêng và đảm bảo sự nhất quán với các mục tiêu phát triển bền vững chung của Tập đoàn.



Các hoạt động chính trong hệ sinh thái Tập đoàn Masan về giảm phát thải GHG và các phát kiến tiết kiệm năng lượng

Để củng cố cam kết của chúng tôi trong việc đạt mục tiêu giảm phát thải GHG và đóng góp vào các mục tiêu khí hậu, năm 2024, chúng tôi đã tích cực triển khai các sáng kiến giảm phát thải GHG, tập trung vào cải tiến quy trình và ứng dụng công nghệ carbon thấp.

Các sáng kiến tiêu biểu bao gồm:

Masan Consumer (MCH)

Chuyển đổi từ xe nâng chạy dầu diesel sang 100% xe nâng điện tại một trong các nhà máy sản xuất. Hoạt động này có thể giúp giảm 66% CO₂ từ việc sử dụng xe nâng điện, đồng thời tiết kiệm thực tế 173.425.521 đồng mỗi năm.

Masan High-Tech Materials (MHT)

Từ năm 2016, Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và Viện Độc lập về Vấn đề Môi trường UFU (Đức) đã hợp tác trong dự án trồng cây năng lượng tại khu vực khai thác mỏ Núi Pháo, nhằm hỗ trợ bảo vệ môi trường tại Việt Nam. Dự án kéo dài 8 năm, với mục tiêu xác định các loài cây phù hợp để phục hồi đất, giảm phát thải GHG

và đánh giá khả năng hấp thụ CO₂. Đến năm 2024, dự án đã xác định thành công keo lai và cỏ VA06 là những loài cây hiệu quả trong phục hồi môi trường và tăng cường đa dạng sinh học. Đáng chú ý, 1 ha keo lai (1.300 cây/ha) có thể hấp thụ khoảng 172 tấn CO₂ khi đạt 6 năm tuổi.

Masan MEATLife (MML)

Trang trại heo công nghệ cao của MML tại Nghệ An (Farm S1 và Farm S2) được xem là trang trại hiện đại nhất Việt Nam, có khả năng sản xuất và thu hồi khí sinh học (methane) từ chất thải chăn nuôi, sau đó chuyển hóa thành năng lượng phục vụ sản xuất. Năm 2024, ước tính ban đầu cho thấy khoảng 3.667.159 m³ khí sinh học được tạo ra từ quá trình phân hủy kỵ khí chất thải chăn nuôi, sử dụng để sản xuất điện. Quá trình này không chỉ giúp giảm lượng chất thải ra môi trường mà còn tạo ra nguồn năng lượng tái tạo bền vững, giúp giảm chi phí năng lượng cho trang trại.

Masan Group – Dự án Greening Our Workplace

Cam kết phát triển bền vững của chúng tôi bắt đầu ngay từ nội bộ, với trọng tâm là thực hành xanh tại nơi làm việc. Cụ thể, chúng tôi đã trồng cây xanh xung quanh nhà máy và các khu vực lân cận, với 20% diện tích nhà máy của Masan Consumer dành cho không gian xanh. Ngoài ra, các cơ sở chế biến thịt mát của Masan MEATLife đã đạt 24% - 31% diện tích phủ xanh. Chúng tôi cũng tích cực đầu tư vào việc trồng rừng và phủ xanh tại các cơ sở vận hành. Tại trang trại S1 Nghệ An, hơn 24 hecta đã được phủ xanh bằng cây keo, góp phần cải thiện chất lượng đất, tăng cường đa dạng sinh học và hấp thụ carbon lâu dài. Bên cạnh đó, tại trang trại S2 Nghệ An, khoảng 4 hecta đã được trồng lại với 21.920 cây, chủ yếu là cây keo, nhằm phục hồi đất thoái hóa và tăng cường khả năng phục hồi của hệ sinh thái.

Trách nhiệm bảo vệ môi trường

Chính sách và thực hành môi trường

Tập đoàn đặt mục tiêu vận hành và mở rộng hoạt động kinh doanh một cách có trách nhiệm bằng cách giảm thiểu tác động môi trường và thúc đẩy phát triển bền vững trong mọi hoạt động. Cách tiếp cận này bao gồm phát triển các hướng dẫn môi trường tuân

thủ luật pháp, quy định tại địa phương nơi các công ty thành viên hoạt động. Chiến lược này bao quát toàn bộ chuỗi giá trị, bao gồm hoạt động sản xuất, cơ sở kinh doanh, phân phối và logistics, quản lý bao bì và quản lý rác thải và tiêu thụ nước.

Quản lý tiêu thụ nước

Các cơ sở sản xuất của Tập đoàn Masan lấy nước từ hệ thống cấp nước địa phương, khai thác nước ngầm và nguồn nước sông. Nguồn nước này được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau, bao gồm hoạt động sản xuất, vận hành máy móc, tưới tiêu nông nghiệp, chăn nuôi và nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của nhân viên. Kể từ năm 2024, Tập đoàn đã thúc đẩy các chương trình tiết kiệm nước trên tất cả các công ty trực thuộc và nhà máy sản xuất thuộc phạm vi quản lý của Tập đoàn Masan. Chương trình này yêu cầu các công ty thành viên giám sát chặt chẽ lượng tiêu thụ nước theo tháng và năm bằng cách triển khai các sáng kiến sử dụng nước hiệu quả và giảm thiểu lãng phí nước trong hoạt động vận hành hàng ngày.

Dữ liệu tiêu thụ nước của Tập đoàn Masan qua các năm

Tổng lượng nước sử dụng (Megalit)		Giảm 27,36% lượng tiêu thụ nước so với năm 2023.
2023 ^(*)	2024	
24.627	17.889	

Tỷ lệ khai thác nước theo nguồn năm 2024

Nguồn nước	Tổng lượng nước ngọt tiêu thụ (ML)	% lượng nước ngọt tiêu thụ theo nguồn
Tổng lượng nước ngọt tiêu thụ (ML)	28.618	
Nước bề mặt	14.806	51,74%
Nước ngầm	2.733	9,55%
Nước sản xuất	8.049	28,13%
Nước từ bên thứ ba	2.871	10,58%

Nhìn về tương lai, mục tiêu dài hạn của chúng tôi là giảm tiêu thụ nước từ 5 đến 10% mỗi năm trên mỗi nhà máy sản xuất thông qua việc tăng cường các biện pháp tái sử dụng nước.

Nước thải

Về xử lý nước thải, tất cả các cơ sở sản xuất của Masan Consumer, Masan MEATLife và MHT đã đạt xếp hạng tuân thủ loại A, thể hiện sự tuân thủ đầy đủ các quy định quốc gia và vượt trên các tiêu chuẩn ngành. Hệ thống xử lý nước thải của MHT tại Thái Nguyên là một minh chứng cho cam kết của Tập đoàn Masan đối với sản xuất bền vững thông qua việc tái sử dụng nước đã qua xử lý. Bên cạnh đó, các tổ hợp chế biến thịt của MML tái chế toàn bộ nước thải từ sản xuất xúc xích để sử dụng trong các trang trại chăn nuôi heo. Ngoài ra, các tổ hợp chế biến này còn tự hào sở hữu chứng nhận môi trường ISO 14001, khẳng định cam kết của Masan đối với trách nhiệm bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên bền vững.

Quản lý chất thải

Tại Tập đoàn Masan, chúng tôi cam kết quản lý chất thải có trách nhiệm bằng cách giảm thiểu chất thải, tối đa hóa tái chế và áp dụng các giải pháp bao bì bền vững. Chúng tôi đảm bảo tuân thủ các quy định địa phương và các thông lệ quốc tế tốt nhất bằng cách thúc đẩy hiệu quả sử dụng tài nguyên và hợp tác với các đơn vị quản lý chất thải bền vững nhằm hỗ trợ kinh tế tuần hoàn và giảm tác động sinh thái.

Cách tiếp cận của chúng tôi đối với quản lý chất thải tập trung vào tối ưu hóa quy trình xử lý chất thải bằng cách giảm thiểu và tái định hướng chất thải trong hoạt động vận hành. Các thực tiễn quản lý chất thải của chúng tôi bao gồm các bước sau, đồng thời phù hợp với minh họa thứ bậc quản lý chất thải dưới đây.



1. **Ngăn ngừa (Prevent):** Xác định các loại chất thải khác nhau như chất thải rắn, lỏng, hữu cơ, hóa chất và các loại chất thải môi trường khác để triển khai các biện pháp ngăn chặn chất thải ngay từ nguồn.
2. **Giảm thiểu (Reduce):** Thiết lập hệ thống giám sát chất thải để theo dõi số lượng, chất lượng và thành phần chất thải, giúp xác định các cơ hội giảm thiểu chất thải trong quy trình sản xuất.
3. **Tái sử dụng (Reuse):** Khuyến khích tái sử dụng vật liệu khi có thể. Điều này có thể bao gồm phân tích dữ liệu thu thập được để tìm kiếm cơ hội tái sử dụng chất thải trong quy trình sản xuất hoặc các lĩnh vực khác của tổ chức.
4. **Tái chế (Recycle):** Thu gom và xử lý các vật liệu chưa sử dụng để tạo ra sản phẩm mới.
5. **Phục hồi (Recover):** Tận dụng chất thải hoặc vật liệu chưa sử dụng để chuyển đổi thành nguồn năng lượng có giá trị như điện.
6. **Xử lý (Dispose):** Áp dụng các phương pháp xử lý chất thải an toàn và có trách nhiệm để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Kết quả hoạt động trong năm 2024

Tại MCH, **81,72%** lượng chất thải, bao gồm chất thải thực phẩm, đã được tái sử dụng thay vì thải bỏ, phục vụ cho các mục đích khác (ví dụ: vụn cá, mì vụn).

Năm 2024, chúng tôi đã hợp tác với các công ty xử lý bùn thải để tái chế bùn thải thành phân bón. Trong năm nay, chúng tôi đã thu gom và chuyển đổi 4.241 tấn bùn thải thành phân bón, giúp nông dân và người làm vườn sử dụng, qua đó hỗ trợ các phương thức canh tác nông nghiệp bền vững.

Tại MHT, các sản phẩm phụ từ quá trình sản xuất thường giàu kim loại và được tái chế bởi các công ty khác để làm nguyên liệu đầu vào. Tỷ lệ tái chế tại nhà máy Goslar và Sarnia đạt trung bình 47%, trong khi nhà máy MTC đã đạt mức ấn tượng trên 70%.

Quản lý bao bì bền vững

Tập đoàn hướng đến mục tiêu giảm thiểu rác thải nhựa và bao bì đưa vào bãi chôn lấp bằng cách thúc đẩy kinh tế tuần hoàn thông qua sáng kiến “Giảm thiểu và Tái chế”. Cách tiếp cận trong quản lý bao bì của chúng tôi tập trung vào các mục tiêu chính:

- Giảm lượng nguyên liệu sử dụng trong bao bì, giúp tối ưu hóa chi phí vận hành.
- Tăng cường sử dụng vật liệu bao bì bền vững, bao gồm tăng tỷ lệ nhựa tái chế trong bao bì nhựa.
- Thiết kế bao bì có khả năng tái chế.

Nỗ lực này bao gồm hợp tác với các bên liên quan, bao gồm đối tác kinh doanh, khách hàng, tổ chức phi chính phủ (NGO), cộng đồng, cơ quan chính phủ và các tổ chức trong nước và quốc tế. Chúng tôi cũng đã thành lập đội ngũ Nghiên cứu và Phát triển (R&D) chuyên trách về Giải pháp Bao bì Bền vững và đầu tư vào hoạt động R&D để tạo ra bao bì xanh đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về sản phẩm thân thiện với môi trường.

Các sáng kiến của chúng tôi hướng đến toàn bộ vòng đời sản phẩm—from giai đoạn thiết kế đến thu mua nguyên liệu, ưu tiên sử dụng vật liệu tái tạo, tái sử dụng, có thể tái chế hoặc phân hủy sinh học. Ngoài ra, chúng tôi tham gia vào các dự án thiết kế sinh thái để tạo ra giải pháp bao bì bền vững, chẳng hạn như giảm trọng lượng phôi nhựa từ 13,5 gram xuống 12,15 gram đối với sản phẩm chai nhựa. Sáng kiến này giúp tối ưu hóa việc sử dụng nguyên liệu, giảm lượng tiêu thụ nhựa trên mỗi đơn vị sản phẩm, đồng thời đảm bảo chất lượng và tính toàn vẹn của sản phẩm.

Tại WinCommerce, chúng tôi nâng cao nhận thức của nhân viên, nhà cung ứng và khách hàng thông qua các chiến dịch truyền thông hiệu quả. Điều này bao gồm cung cấp thông tin chi tiết về lợi ích của túi phân hủy sinh học và túi tái sử dụng, không chỉ giúp giảm tác động tiêu cực đến môi trường mà còn tiết kiệm chi phí nhờ việc sử dụng túi trong dài hạn.

Tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường

Tập đoàn Masan cam kết tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường bằng cách triển khai hệ thống quản lý môi trường hiệu quả. Hệ thống này bao gồm chương trình đào tạo

nhân viên về quy định môi trường, thực hiện giám sát và đánh giá định kỳ để kiểm tra mức độ tuân thủ, đồng thời ứng dụng công nghệ tiên tiến nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Nhờ đó, các công ty của chúng tôi không gặp bất kỳ vi phạm nào liên quan đến quy định môi trường trong năm 2024.

Phát Triển Cộng Đồng và Trách Nhiệm Xã Hội

Năm 2024, Tập đoàn Masan đã đạt được những bước tiến quan trọng trong trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR) thông qua các sáng kiến có tác động mạnh mẽ, tập trung vào phát triển kinh tế, cơ sở hạ tầng, y tế và dinh dưỡng, giáo dục và hỗ trợ cộng đồng, với tổng đóng góp tài chính ước tính hơn 144 tỷ đồng. Những nỗ lực này không chỉ góp phần vào sự phát triển địa phương mà còn cung cấp hỗ trợ tài chính và hiện vật đáng kể cho các cộng đồng trên khắp Việt Nam.

Các dự án trọng điểm đóng góp vào phát triển địa phương

Phát triển kinh tế

Quỹ vay phục hồi kinh tế: MHT đã giải ngân 1,2 tỷ đồng cho 24 hộ gia đình nhằm hỗ trợ mô hình phát triển kinh tế hộ, thúc đẩy tự chủ tài chính và sinh kế bền vững.

Phát triển cơ sở hạ tầng

- **Dự án xây cầu:** MCH và Quỹ Nam Phương đã khánh thành cây cầu thứ 8 tại tỉnh Bạc Liêu, nằm trong sáng kiến dài hạn trị giá hơn 1 tỷ đồng nhằm cải thiện giao thông nông thôn và cơ sở hạ tầng tại Đồng bằng sông Cửu Long.
- **Dự án tưới tiêu nông nghiệp:** MCH đã đầu tư 1 tỷ đồng để mở rộng hệ thống tưới tiêu tại huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, đảm bảo nông dân địa phương có nguồn nước giá rẻ phục vụ hoạt động sản xuất nông nghiệp.
- **Nâng cấp hạ tầng nông thôn:** Masan đã đóng góp 100 tỷ đồng cho tỉnh Lào Cai trong khuôn khổ sáng kiến quốc gia nhằm xóa bỏ nhà tạm, nhà dột nát. Chương trình có tên "Mái ấm cho đồng bào tôi", do Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức. Ngoài ra, MHT đã hoàn thành 5 dự án trọng điểm tại các xã Tân Linh và Phúc Linh, góp phần nâng cao tiêu chuẩn nông thôn mới nâng cao và cải thiện chất lượng cuộc sống người dân địa

phương. MHT cũng hỗ trợ lắp đặt hệ thống cấp nước sạch và chi trả chi phí nước sinh hoạt cho 71 hộ dân/310 người tại thôn Suối Cát, xã Hà Thượng.

Chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng

- **Sáng kiến "Một triệu bữa cơm có thịt":** Tiếp nối chương trình do CHIN-SU phối hợp cùng Quỹ Trò Nghèo Vùng Cao thực hiện, sáng kiến này nhằm cung cấp dinh dưỡng thiết yếu cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, với ngân sách 10 tỷ đồng cho giai đoạn 2024-2025. Chương trình đã được vinh danh tại We Choice Awards 2024
- **Chương trình phẫu thuật tim:** Hợp tác với Hội Bảo trợ Bệnh nhân nghèo TP.HCM, Masan Consumer đã tài trợ 35 ca phẫu thuật tim trong năm 2024 cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại TP.HCM, đóng góp hơn 5 tỷ đồng vào các sáng kiến chăm sóc sức khỏe.

Giáo dục

- **Chương trình học bổng cho con em ngư dân:** Phối hợp với Bộ Tư lệnh Vùng 4 Hải quân, Masan Consumer đã trao học bổng trị giá 500 triệu đồng để hỗ trợ con em ngư dân có hoàn cảnh khó khăn dọc bờ biển từ Phú Yên đến Bình Thuận.
- **Chương trình đào tạo cộng đồng:** MHT đã tổ chức 19 chương trình đào tạo cho 3.000 học sinh và người dân, với nội dung về an toàn, bảo vệ môi trường và kỹ năng mềm. Các chương trình này giúp nâng cao nhận thức và trang bị kiến thức thiết yếu cho cộng đồng địa phương nhằm hướng tới phát triển bền vững.

Hỗ trợ cộng đồng

- **Hỗ trợ Tết Nguyên đán:** MCH đã quyên góp 3 tỷ đồng để hỗ trợ hơn 3.000 gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại tỉnh Nghệ An, đảm bảo họ có thể đón Tết ấm áp và tràn đầy niềm vui. MCH cũng đã trao tặng 10.000 chai nước mắm CHIN-SU, 2.000 thùng mì Omachi và 1.000 lẩu tự sôi Omachi cho cộng đồng tại Trường Sa, đồng thời gửi 80.000 chai nước mắm Nam Ngư ớt tỏi Lý Sơn đến người dân trên đảo Lý Sơn, góp phần tạo không khí lễ hội với các sự kiện nấu ăn truyền

thống và hoạt động văn hóa. Ngoài ra, phối hợp cùng Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, WCM đã tổ chức chương trình “Gửi quà – Trao Tết”, khuyến khích đóng góp từ khách hàng và nhân viên. Tổng cộng 165 suất quà thiết yếu (gồm gạo, dầu ăn, nước mắm, v.v.) đã được Hội Chữ thập đỏ mua từ WinMart/WinMart+/WiN, với tổng giá trị tương đương 82,5 triệu đồng.

- **Cứu trợ thiên tai do bão Yagi:** Để ứng phó với bão Yagi, Masan đã đóng góp 2 tỷ đồng cho Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (VFF) nhằm hỗ trợ những người bị ảnh hưởng bởi lũ lụt. Bên cạnh đó, nhân viên Masan cũng đóng góp hơn 2 tỷ đồng từ quỹ công đoàn để hỗ trợ đồng nghiệp tại các khu vực chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão Yagi. Ngoài ra, MCH đã cung cấp hàng cứu trợ trị giá 5 tỷ đồng, bao gồm nước uống, sữa, mì ăn liền và lẩu tự sôi, hỗ trợ các cộng đồng bị ảnh hưởng tại các tỉnh miền núi phía Bắc như Lào Cai, Lạng Sơn, Hà Giang và Thái Nguyên. MHT cũng trao tặng 1.000 gói nhu yếu phẩm trị giá 300 triệu đồng cho các hộ gia đình tại huyện Đại Từ và tỉnh Thái Nguyên, giúp đỡ những người bị ảnh hưởng nặng nề bởi bão và lũ lụt. WCM đã triển khai chương trình tặng 10 tấn thực phẩm cho tỉnh Thái Nguyên, bao gồm 950 thùng mì Kokomi, 950 gói (mỗi gói 4 lốc) sữa ngũ cốc B'Fast, và 950 gói (mỗi gói 6 chai) nước Vivant 500ml, với tổng giá trị tương đương 200 triệu đồng. Bên cạnh đó, WCM cũng dành 1,28 tỷ đồng để trao quà trực tiếp và hỗ trợ các gia đình nhân viên bị ảnh hưởng bởi bão và lũ lụt.

Đóng góp tài chính và tác động có thể đo lường được

Lĩnh vực hỗ trợ	Công ty thành viên	Sáng kiến	Đóng góp tài chính	Tác động có thể đo lường được
Phát triển kinh tế	MHT	Quỹ vay phục hồi kinh tế	1,2 tỷ đồng	24 hộ gia đình nhận hỗ trợ tài chính để tự chủ kinh tế.
Phát triển cơ sở hạ tầng	MHT	Cải thiện cơ sở hạ tầng nông thôn	100 tỷ đồng	Hỗ trợ khoảng 150.000 hộ gia đình có thu nhập thấp và gặp khó khăn về nhà ở nhằm xóa bỏ nhà tạm, nhà dột nát vào năm 2025.

Lĩnh vực hỗ trợ	Công ty thành viên	Sáng kiến	Đóng góp tài chính	Tác động có thể đo lường được
	MCH	Xây cầu	Hơn 1 tỷ đồng	Cây cầu thứ 8 được xây dựng tại Bạc Liêu, góp phần cải thiện giao thông tại Đồng bằng sông Cửu Long.
	MCH	Tưới tiêu nông nghiệp	1 tỷ đồng	Hệ thống tưới tiêu được mở rộng, giúp nông dân địa phương tiếp cận nguồn nước giá rẻ.
	MHT	Dự án cơ sở hạ tầng trọng điểm	N/A	Cải thiện chất lượng sống nông thôn tại các xã Tân Linh và Phúc Linh.
	MHT	Dự án lọc nước	459 triệu đồng	Hỗ trợ lắp đặt hệ thống cấp nước sạch và chi trả chi phí nước sinh hoạt cho các hộ gia đình tại thôn Suối Cát, xã Hà Thượng.
Chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng	MCH	Chương trình phẫu thuật tim	5 tỷ đồng	35 ca phẫu thuật tim được tài trợ cho trẻ em nghèo.
	MCH	"Một triệu bữa cơm có thịt"	10 tỷ đồng (2024-2025)	Cung cấp dinh dưỡng thiết yếu cho trẻ em nghèo; được vinh danh tại We Choice Awards 2024.
Giáo dục	MCH	Chương trình học bổng cho con em ngư dân	500 triệu đồng	Học bổng được trao cho con em ngư dân từ Phú Yên đến Bình Thuận.
	MHT	Chương trình đào tạo cộng đồng	N/A	Đào tạo 3.000 học sinh và người dân về an toàn, bảo vệ môi trường và kỹ năng mềm.
Hỗ trợ cộng đồng	MCH	Hỗ trợ cộng đồng cư dân Trường Sa		10.000 chai nước mắm CHIN-SU, 2.000 thùng mì Omachi, 1.000 lẩu tự sôi Omachi được quyên tặng.
	MCH	Hỗ trợ Tết Nguyên đán với người dân đảo Lý Sơn	N/A	80.000 chai nước mắm tỏi ớt Nam Ngư Lý Sơn được tặng cho các hoạt động lễ hội và văn hóa địa phương.
	MSN	Cứu trợ thiên tai	2 tỷ đồng	Đóng góp 2 tỷ đồng cho Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (VFF)

Lĩnh vực hỗ trợ	Công ty thành viên	Sáng kiến	Đóng góp tài chính	Tác động có thể đo lường được
				để hỗ trợ những người bị ảnh hưởng bởi lũ lụt.
	MCH	Cứu trợ thiên tai	5 tỷ đồng	Hàng cứu trợ thiết yếu được cung cấp cho các tỉnh miền núi phía Bắc sau bão Yagi.
	MHT	Cứu trợ thiên tai	300 triệu đồng	1.000 gói quà thiết yếu được phân phát tại huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên sau bão Yagi.
	WCM	Cứu trợ thiên tai	200 triệu đồng	950 thùng mì Kokomi, 950 gói sữa B'Fast và 950 gói nước Vivant 500ml được quyên tặng cho tỉnh Thái Nguyên.
	MCH	Hỗ trợ Tết Nguyên đán	3 tỷ đồng	Hỗ trợ hơn 3.000 gia đình nghèo tại Nghệ An trong dịp Tết.
	WCM	Hỗ trợ Tết Nguyên đán	82,5 triệu đồng	165 gói quà thiết yếu (bao gồm gạo, dầu ăn, nước mắm, v.v.) được quyên tặng.
	PLH	Hỗ trợ cộng đồng	4,5 tỷ đồng	Tặng hơn 33.000 chiếc bánh trung thu cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

Những nỗ lực CSR toàn diện này nhấn mạnh cam kết của Tập đoàn Masan cho triết lý "Doing well by doing good", góp phần phát triển và mang đến những đóng góp thiết thực cho cộng đồng trên khắp Việt Nam.

Nhân viên và Khách hàng tin yêu

Nguồn nhân lực

Tại Tập đoàn Masan, chúng tôi tin rằng thành công đến từ một đội ngũ đa dạng và tài năng, tuy có những khác biệt nhưng đều cùng chung một khát vọng – phụng sự người tiêu dùng và kiến tạo giá trị cho nền kinh tế, cho môi trường và xã hội. Chúng tôi cam kết thúc đẩy một văn hóa hòa nhập, nơi mọi người đều cảm thấy được trân trọng, mang đến cơ hội công bằng không phân biệt chủng tộc, quốc tịch, tôn giáo, giới tính, độ tuổi hay khả năng.

Cam kết và hành động của chúng tôi đã được các tổ chức uy tín quốc tế công nhận vào năm 2024, khi Tập đoàn Masan một lần nữa được vinh danh là “Nơi làm việc tốt nhất Châu Á”, đánh dấu năm thứ hai liên tiếp nhận giải thưởng quốc tế danh giá này. Thêm vào đó, Masan cũng nhận được hai giải thưởng đặc biệt: Giải thưởng “Đa dạng, Công bằng và Hòa nhập” và Giải thưởng “Nơi làm việc Bền vững” của HR Asia. Những danh hiệu này phản ánh nỗ lực liên tục của Masan trong việc tạo ra một môi trường làm việc bình đẳng, đa dạng và bền vững.

Cơ cấu nhân sự

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn Masan có tổng cộng 33.713 nhân viên chính thức và 1.793 nhân viên tạm thời và bán thời gian, trong đó phụ nữ chiếm hơn 62% tổng số lao động và 43% nhân viên ở các cấp quản lý. Tổng số nhân viên năm 2024 giảm nhẹ 1% so với năm 2023.

Ảnh: Cơ cấu nhân viên chính thức theo cấp bậc

Quản lý cấp cao	Quản lý cấp trung	Nhân viên
182	709	32.822

Ảnh: Cơ cấu nhân viên chính thức theo giới tính

Nam	Nữ
37,6%	62,4%

Ảnh: Cơ cấu nhân viên chính thức theo độ tuổi

Dưới 30 tuổi	Từ 30 đến 50 tuổi	Hơn 50 tuổi
17.688	15.242	783
52,5%	45,2%	2,3%

Figure: Cơ cấu nhân viên chính thức theo quốc tịch

Việt Nam	Mỹ	Ấn Độ/Anh	Hàn Quốc/Úc	Nước khác
33.677	8	3	18	7

Trong năm 2025, chúng tôi đặt mục tiêu duy trì tỷ lệ 38% phụ nữ so với nam giới ở các cấp quản lý, vượt qua mức trung bình của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Đào tạo nhân viên và phát triển tài năng

Masan Group ghi nhận những đóng góp quý giá của nhân viên và cam kết nâng cao năng lực cho họ - nguồn tài sản quý giá của Tập đoàn. Chúng tôi đầu tư vào các chương trình giáo dục và đào tạo liên tục cho nhân viên có trình độ và/hoặc năng lực phù hợp. Những chương trình này tạo cơ hội cho nhân viên nâng cao kỹ năng và kiến thức chuyên môn của họ, đảm bảo họ luôn sẵn sàng đối mặt với tương lai trong một môi trường kinh doanh năng động.

Ra mắt vào năm 2023, Masan Growth Center là biểu tượng cho cam kết của Tập đoàn Masan đối với sự phát triển của nhân viên, tạo ra một nền tảng quan trọng để khai phá tiềm năng cá nhân và nuôi dưỡng tài năng sẵn sàng cho tương lai. Kể từ khi thành lập, trung tâm đã tổ chức hàng nghìn buổi đào tạo, trở thành trung tâm phát triển chuyên môn tại Masan.

Vào năm 2024, trung tâm đã tổ chức 2.555 lớp đào tạo cho toàn bộ Tập đoàn và công ty thành viên với các chủ đề đa dạng như Lãnh đạo, Lập kế hoạch chiến lược, Marketing, Dịch vụ khách hàng, Quản lý cửa hàng, Nhân sự và Quan hệ nhân viên. Các chương trình này đã thu hút 58.654 người tham gia, giúp họ nâng cao kỹ năng và kiến thức trên nhiều lĩnh vực khác nhau.

Bảng: Số lượng các lớp đào tạo cho nhân viên toàn Tập đoàn Masan năm 2024

Danh mục	Số lớp đào tạo
Tập đoàn	10
Hàng tiêu dùng nhanh (FMCG)	322
Bán lẻ	405
Khai khoáng và vật liệu	1.383
Nông nghiệp và sản xuất thực phẩm	252
Thực phẩm và đồ uống	183
Tổng cộng	2.555

Mục tiêu của chúng tôi cho năm 2025 là 100% nhân viên liên quan đến việc triển khai ESG và những nhân viên ở các cấp quản lý sẽ nhận được đào tạo hàng năm về Bộ quy tắc ứng xử của Tập đoàn Masan.

Sức khỏe, an toàn và phúc lợi của nhân viên

Tại Tập đoàn Masan, nhân viên là tài sản quý giá nhất của chúng tôi, và sức khỏe của họ là ưu tiên hàng đầu. Chúng tôi đầu tư vào đào tạo an toàn nghề nghiệp và liên tục cải tiến quy trình sản xuất để duy trì các tiêu chuẩn an toàn cao nhất. Cam kết của chúng tôi còn thể hiện qua việc cung cấp thiết bị bảo vệ, thực hiện nghiêm ngặt các quy trình an toàn và vệ sinh, và đảm bảo điều kiện làm việc thoải mái. Các nhà máy của Masan đều được chứng nhận với các tiêu chuẩn quốc tế như HACCP, ISO 9001, ISO 22000, SA8000, FSSC, HALAL và ISO 45001, đảm bảo quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, và sức khỏe nghề nghiệp và an toàn lao động trong tất cả các hoạt động.

Chính sách và quy trình an toàn

Mỗi đơn vị của Masan tuân thủ các quy định an toàn và sức khỏe nghề nghiệp (OHS) riêng biệt phù hợp với môi trường làm việc của mình, đồng thời đảm bảo tuân thủ các luật pháp Việt Nam. Trong các lĩnh vực có rủi ro cao như sản xuất và khai thác mỏ, chúng tôi chủ động xác định các rủi ro và triển khai các biện pháp an toàn đạt chuẩn quốc tế.

- Tại MHT, hệ thống quản lý sức khỏe và an toàn nghề nghiệp bao quát đầy đủ công nhân, hoạt động và nơi làm việc. Nhân viên mới nhận được đào tạo an toàn bắt buộc, và đánh giá rủi ro được thực hiện hàng năm và trước khi bắt đầu công việc. Kiểm tra hàng ngày tại công trường và quy trình 5S được thực hiện nghiêm ngặt, kèm theo các cuộc họp an toàn định kỳ. Năm 2024, MHT đã cập nhật Hướng dẫn PPE, thiết lập quy định rõ ràng về thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) cho nhân viên, khách và nhà thầu, nhằm tăng cường an toàn tại nơi làm việc.
- Tại MCH, hệ thống quản lý OHS đã được thiết kế và triển khai tại tất cả các cơ sở, hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu pháp lý của Việt Nam, tiêu chuẩn ISO 45001, và hệ thống Quản lý Sức khỏe, An toàn và Môi trường (SHE) của Masan Consumer. Hệ thống quản lý OHS được thiết kế để xác định và giảm thiểu các mối nguy và rủi ro liên quan đến công việc, theo phương pháp Đánh giá Rủi ro được quy định trong ISO 45001 và Quy trình Đánh giá Rủi ro. Đến cuối năm 2024, hơn 60% nhà máy sản xuất của Masan Consumer đã đạt chứng nhận ISO 45001.
- Tại MML, hệ thống quản lý OHS đã được triển khai theo khung pháp lý và quy định, cùng với quy trình OHS riêng của MML. Đặc biệt, ba nhà máy hoạt động theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018. MML sử dụng quy trình được thiết lập để xác định và đánh giá các yếu tố môi trường, mối nguy và rủi ro đồng nhất tại các nhà máy và cơ sở của mình.
- Tại PLH, hệ thống quản lý OHS đã được thiết lập tuân thủ các khung pháp lý của Việt Nam. Hệ thống áp dụng trên toàn bộ các khu vực sản xuất, bao gồm cả nhân viên chính thức, công nhân tạm thời và nhà thầu bên ngoài. PLH đã phát hành quy định về an toàn nơi làm việc, yêu cầu an toàn đối với nhà thầu và nhà cung cấp, quy trình phản ứng khẩn cấp và hướng dẫn vận hành nghiêm ngặt đối với các thiết bị có nguy cơ cao. PLH cũng tổ chức khám sức khỏe hàng năm cho tất cả nhân viên theo yêu cầu pháp lý.
- Tại WCM, hệ thống quản lý OHS đã được triển khai phù hợp với khung pháp lý của Việt Nam, áp dụng cho tất cả nhân viên. Quy trình an toàn nghề nghiệp bao gồm xác định mối nguy và đánh giá rủi ro, tập trung vào các cảnh báo an toàn và biện pháp phòng ngừa. Khám sức khỏe hàng năm được cung cấp với dịch vụ y

tế mở rộng, và tư vấn sức khỏe bảo mật được cung cấp bởi các bệnh viện đối tác.

Đào tạo về an toàn và sức khỏe

Để thúc đẩy văn hóa ý thức an toàn trên toàn Tập đoàn Masan và các đơn vị, công ty cung cấp đào tạo toàn diện về sức khỏe và an toàn cho tất cả nhân viên. Các chương trình đào tạo bao gồm từ đào tạo an toàn cơ bản cho nhân viên mới đến các buổi đào tạo chuyên biệt nhằm vào các mối nguy cụ thể trong công việc.

Năm 2024, tại các đơn vị của Tập đoàn Masan, đào tạo về an toàn nghề nghiệp và vệ sinh đã được thực hiện đầy đủ cho nhân viên, tuân thủ các quy định của Việt Nam. Bên cạnh đó, các khóa học chuyên ngành phù hợp với nhu cầu đặc thù của từng công ty thành viên cũng đã được cung cấp, bao gồm:

- MCH: Chương trình giới thiệu Quản lý Sức khỏe, An toàn và Môi trường (SHE) cho tất cả nhân viên, bao gồm cả nhân viên không phải là nhân viên chính thức; Cuộc họp an toàn hàng ngày do trưởng ca phụ trách.
 - MHT: Giới thiệu An toàn Chung; Nhận thức về Mối nguy; Quản lý Rủi ro; An toàn Hóa học; Làm việc ở độ cao; An toàn Cháy nổ; Quy tắc Giao thông; An toàn Mỏ; Vận hành Thiết bị; An toàn Điện cao áp và các khóa học khác.
 - MML: Nhận thức về sức khỏe và vệ sinh nghề nghiệp cho nhân viên mới; Đào tạo định kỳ về các mối nguy và rủi ro trong quá trình làm việc; Đào tạo nghề cho nhân viên vận hành thiết bị có yêu cầu an toàn và sức khỏe nghiêm ngặt.
- WCM: Cảnh báo An toàn nội bộ, bao gồm xử lý sự cố; Tuân thủ OHS; và các biện pháp an toàn mùa vụ.

Những chương trình đào tạo này giúp nhân viên chuẩn bị tốt, duy trì tiêu chuẩn an toàn, và đóng góp vào môi trường làm việc an toàn, hiệu quả và năng suất.

Quản lý quan hệ khách hàng

Khách hàng đóng vai trò then chốt và là trọng tâm trong hoạt động kinh doanh bền vững của chúng tôi. Sứ mệnh cao nhất của Masan Group là cung cấp các dịch vụ chất lượng phù hợp với nhu cầu của khách hàng, cam kết luôn đảm bảo sức khỏe, an toàn và quyền

riêng tư dữ liệu của khách hàng. Chúng tôi tin rằng duy trì mối quan hệ bền chặt với khách hàng là điều cần thiết để hiện thực hóa tầm nhìn và sứ mệnh của Tập đoàn.

Nhận thức được tầm quan trọng của an ninh thông tin trong bối cảnh kỹ thuật số hiện nay, Tập đoàn Masan đã triển khai các biện pháp nghiêm ngặt để bảo vệ dữ liệu của khách hàng và các bên liên quan. Hiểu rõ các rủi ro liên quan đến quản lý dữ liệu, Masan đã ban hành Chính sách An ninh Thông tin toàn diện, phù hợp với luật pháp Việt Nam và tiêu chuẩn ISO/IEC 27001:2022. Chính sách này không chỉ điều chỉnh các thực hành bảo mật dữ liệu, mà còn củng cố cam kết của Tập đoàn Masan trong việc bảo vệ dữ liệu khách hàng, nâng cao mức độ hài lòng và thích ứng với các nhu cầu người tiêu dùng đang thay đổi.

Trong năm 2024, Tập đoàn Masan tiếp tục ghi nhận không có bất kỳ khiếu nại xác thực nào liên quan đến vi phạm quyền riêng tư của khách hàng, chứng tỏ cam kết của Tập đoàn đối với minh bạch và trách nhiệm giải trình. Các công ty trực thuộc của Tập đoàn Masan đã triển khai hệ thống phản hồi khách hàng riêng biệt, kết hợp cả kênh kỹ thuật số và kênh vật lý để giải quyết hiệu quả các vấn đề về sản phẩm và dịch vụ. Các kênh kỹ thuật số, bao gồm website công ty, hotline, email, fanpage, và tài khoản chính thức Zalo, là các nền tảng chính để tương tác với khách hàng. Trong khi đó, các kênh phản hồi vật lý có sẵn tại các đơn vị có địa điểm cố định, chẳng hạn như PLH và WCM, đảm bảo tương tác trực tiếp với khách hàng. Đặc biệt, WCM đã phát triển và triển khai Point-of-Life, một hệ sinh thái kỹ thuật số tiêu dùng tích hợp từ offline sang online, kết nối ba yếu tố chính: sản phẩm và dịch vụ đa dạng của Masan, hệ thống thương mại của WinCommerce, liên kết tất cả các đối tác trong hệ sinh thái, và nền tảng công nghệ sử dụng Trí tuệ Nhân tạo (AI) và Học Máy (ML), nâng cao trải nghiệm người tiêu dùng thông qua việc tích hợp liền mạch công nghệ, con người và tổ chức Masan.

Trong năm 2025, chúng tôi dự định ra mắt phiên bản mới của chương trình hội viên Win nhằm tích hợp tất cả các sản phẩm, dịch vụ của Tập đoàn Masan, mang đến trải nghiệm liền mạch, nhiều khuyến mãi hấp dẫn cho khách hàng trong toàn bộ hệ sinh thái của chúng tôi.



Đạo đức kinh doanh

Tập đoàn Masan kiên định trong cam kết duy trì đạo đức kinh doanh và thúc đẩy cạnh tranh công bằng trên tất cả các thị trường mà Tập đoàn hoạt động. Vào năm 2024, Tập đoàn Masan đã củng cố cam kết của mình đối với đạo đức kinh doanh bằng cách giới thiệu các chính sách và thực tiễn quan trọng nhằm nâng cao các tiêu chuẩn đạo đức và sáng kiến bền vững trong toàn tổ chức. Xây dựng trên nền tảng của Chính sách Quản lý Rủi ro hiện có và đặt nền móng cho Bộ quy tắc Chuỗi cung ứng Bền vững, Masan đã ban hành một Bộ quy tắc ứng xử mới toàn diện, đóng vai trò là khung cơ bản hướng dẫn hoạt động cho Tập đoàn và các công ty thành viên. Bộ quy tắc ứng xử này quy định các quy tắc thiết yếu và nguyên tắc hành động, đảm bảo rằng mọi hoạt động đều phù hợp với các giá trị cốt lõi của Masan và thúc đẩy tuân thủ trong các hoạt động kinh doanh, cả nội bộ và trong các quan hệ đối tác. Bộ Quy tắc ứng xử năm 2024 được xây dựng dựa trên tám quy tắc cốt lõi:

1. **Tuân thủ pháp luật và cạnh tranh lành mạnh:** Masan hoạt động kinh doanh một cách trung thực, minh bạch và tuân thủ mọi quy định pháp luật tại các thị trường mà Tập đoàn có mặt. Masan cam kết tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền, đồng thời áp dụng chính sách không khoan nhượng đối với hành vi tham ô, tham nhũng hay hối lộ.
2. **Trách nhiệm với cộng đồng và xã hội:** Masan luôn ý thức rõ vai trò và trách nhiệm của mình đối với cộng đồng, xã hội và môi trường. Tập đoàn cam kết hỗ trợ các tiêu chuẩn phát triển bền vững thông qua việc đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả, đồng thời bảo vệ môi trường tự nhiên, an toàn lao động, bình đẳng giới, quyền lợi người lao động, an toàn thực phẩm, quyền lợi người tiêu dùng và phúc lợi cộng đồng.
3. **Trách nhiệm đối với đối tác kinh doanh:** Masan cam kết xây dựng quan hệ hợp tác bình đẳng với tất cả các đối tác, hướng đến lợi ích hài hòa cho các bên. Masan kỳ vọng đối tác tôn trọng và thực hiện các nguyên tắc kinh doanh minh bạch, trung thực và cạnh tranh công bằng của Tập đoàn.
4. **Tính chính xác và trung thực trong hồ sơ và tài liệu:** Mọi nhân sự Masan đều có trách nhiệm đối với thông tin, hồ sơ và tài liệu mà họ cung cấp, bao gồm nhưng không giới hạn ở báo cáo, thuyết trình và sổ sách.

5. **Truyền thông với báo chí và nhà đầu tư:** Masan đảm bảo cung cấp thông tin minh bạch, chính xác và công bằng đến truyền thông, công chúng, nhà đầu tư và cổ đông theo đúng quy định của pháp luật.
6. **Bảo vệ dữ liệu và thông tin:** Masan đảm bảo quá trình thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân (bao gồm thông tin của nhân viên, khách hàng và người tiêu dùng) tuân thủ các tiêu chuẩn ngành và quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu.
7. **Đối xử công bằng và xây dựng môi trường làm việc an toàn:** Masan cam kết tạo dựng môi trường làm việc an toàn, hòa nhập và tôn trọng, mang đến cơ hội phát triển bình đẳng cho mọi nhân sự, đồng thời ghi nhận và tôn trọng sự khác biệt cá nhân.
8. **Xung đột lợi ích:** Nhân sự Masan không được sử dụng thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch cá nhân, bao gồm giao dịch cổ phiếu niêm yết của Masan. Đồng thời, nhân sự không được tham gia vào các hoạt động kinh doanh có thể gây xung đột lợi ích với Masan hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của họ đối với Tập đoàn.

Trong năm 2024, Masan đã ban hành Chính sách Phòng chống Rửa tiền, Chống Hối lộ và Tài trợ Khủng bố, quy định các nguyên tắc chung, nghĩa vụ và hành vi bị nghiêm cấm đối với mọi hoạt động và giao dịch liên quan.

Năm 2024, toàn bộ các công ty thành viên của Masan chỉ phát sinh một khoản phạt hành chính trong lĩnh vực F&B do biển quảng cáo vượt quá kích thước đăng ký. Biện pháp khắc phục đã được triển khai kịp thời. Việc giảm đáng kể các vi phạm trong năm 2024 so với năm 2023 phản ánh cam kết mạnh mẽ của Masan trong việc tuân thủ quy định và cải tiến liên tục.

Hướng đến năm 2025, Masan đặt mục tiêu thành lập Ủy ban Rủi ro, tổ chức đào tạo nhân sự về chính sách chống hối lộ và tham nhũng, đồng thời duy trì số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phù hợp tại các công ty đại chúng, nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và củng cố niềm tin từ các bên liên quan.

Hướng đến tương lai

Tại Masan, phát triển bền vững không chỉ là một cam kết mà còn là nguyên tắc cốt lõi định hướng chiến lược kinh doanh của chúng tôi. Với triết lý "Doing well by doing good", chúng tôi tích hợp chặt chẽ Trách nhiệm bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội và thành

công trong kinh doanh. Dựa trên những thành tựu đạt được trong năm 2024, chúng tôi sẵn sàng nâng cao hiệu suất bền vững, đưa các thực hành bền vững vào mọi khía cạnh của hoạt động. Hướng tới năm 2025, Tập đoàn Masan sẽ đẩy mạnh chương trình nghị sự về phát triển bền vững, tiếp tục tạo dấu ấn trên ba trụ cột chiến lược: Thúc đẩy đổi mới để tăng trưởng bền vững, Quan tâm đến môi trường và cộng đồng, Nhân viên và khách hàng tin yêu.

Trong khuôn khổ Thúc đẩy đổi mới để tăng trưởng bền vững, chúng tôi sẽ đẩy mạnh tập trung vào an toàn thực phẩm và dinh dưỡng bằng cách tích hợp các sáng kiến “Tốt cho sức khỏe” vào hoạt động nghiên cứu và phát triển. Đồng thời, chúng tôi sẽ nâng cao hơn nữa quản lý chuỗi cung ứng nhằm đảm bảo tính liên chính trong kinh doanh và đánh giá mức độ tuân thủ Bộ quy tắc chuỗi cung ứng bền vững.

Trong khuôn khổ Bảo vệ môi trường và cộng đồng, chúng tôi sẽ đẩy mạnh lộ trình giảm phát thải carbon bằng cách tiếp tục theo dõi lượng phát thải Phạm vi 1 và Phạm vi 2, đồng thời mở rộng nỗ lực để định lượng Phạm vi 3. Là một phần trong lộ trình hướng đến Net Zero, chúng tôi sẽ nâng cao tính minh bạch trong các công bố liên quan đến khí hậu, đồng thời cải thiện chiến lược quản lý nước và chất thải. Cam kết tạo tác động xã hội của chúng tôi cũng sẽ được mở rộng với các sáng kiến hướng đến cộng đồng như “Một triệu bữa cơm có thịt”, cùng với sự hỗ trợ mạnh mẽ hơn dành cho ngành nông nghiệp Việt Nam.

Để hiện thực hóa khuôn khổ Nhân viên và khách hàng tin yêu, chúng tôi tiếp tục khẳng định cam kết đối với phát triển nhân tài, đa dạng và hòa nhập. Những ưu tiên hàng đầu bao gồm nâng cao phúc lợi nhân viên, tăng tỷ lệ lãnh đạo nữ, và thúc đẩy văn hóa xuất sắc. Để nâng cao trải nghiệm khách hàng, chúng tôi sẽ ra mắt chương trình Hội viên mới, tích hợp tất cả các sản phẩm và dịch vụ trong hệ sinh thái của Tập đoàn nhằm mang đến trải nghiệm tiêu dùng vượt trội. Củng cố quản trị doanh nghiệp vẫn là ưu tiên hàng đầu với việc thành lập Ủy ban quản lý rủi ro, triển khai đào tạo chống hối lộ và chống tham nhũng, đồng thời tăng số lượng thành viên độc lập trong Hội đồng Quản trị.

Với cam kết nhất quán về tính minh bạch, Masan sẽ tiếp tục nâng cao công tác báo cáo phát triển bền vững, khẳng định vai trò tiên phong và cập nhật rõ ràng những tiến bộ của Tập đoàn đến các bên liên quan. Hướng về tương lai, Masan kiên định theo đuổi sứ

mệnh thúc đẩy tăng trưởng bền vững, tạo dựng giá trị dài hạn và đóng góp thiết thực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Tổng quan Kinh tế Vĩ mô

Năm 2024, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng mạnh mẽ bất chấp những bất ổn toàn cầu đang diễn ra. Nền kinh tế toàn cầu vẫn biến động do căng thẳng địa chính trị, lãi suất cao tại các nền kinh tế lớn và đứt gãy chuỗi cung ứng. Các xung đột kéo dài ở khu vực Đông Âu và Trung Đông cũng làm gia tăng biến động giá hàng hóa và tâm lý né tránh rủi ro, ảnh hưởng đến dòng chảy thương mại và tâm lý đầu tư chung trên toàn cầu. Đồng thời, kết quả các cuộc bầu cử quan trọng trên thế giới cũng làm gia tăng rủi ro địa chính trị, góp phần khiến bối cảnh thương mại toàn cầu thêm bất ổn. Xu hướng lãi suất cao kéo dài trên toàn cầu, kết hợp với lạm phát cao ở Mỹ, tiếp tục tác động tiêu cực lên thị trường vốn thế giới, gia tăng áp lực cho các hoạt động kinh doanh.

Trong bối cảnh đầy thách thức như vậy, đổi mới sáng tạo tiếp tục là động lực mạnh mẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhờ cải thiện năng suất. Năm 2024, những đột phá về công nghệ trong lĩnh vực máy học (Machine Learning) và trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence) đã đánh dấu một thời kỳ mới, buộc giới lãnh đạo doanh nghiệp phải tư duy lại về kế hoạch phát triển dài hạn. Theo Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế (International Data Corporation), chi tiêu toàn cầu cho AI được dự báo đạt 632 tỷ USD vào năm 2028, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) 29,0% trong giai đoạn 2024 – 2028. Mức độ gia tăng đầu tư này sẽ thúc đẩy quá trình chuyển đổi dựa trên AI rộng khắp trên nhiều lĩnh vực, tái định hình hoạt động kinh doanh, nâng cao tự động hóa và đẩy nhanh đổi mới với tốc độ chưa từng có trong tiền lệ.

Là nền kinh tế dựa vào xuất khẩu, Việt Nam đã và đang đối mặt nhiều thách thức do nhu cầu suy giảm từ các đối tác thương mại lớn như Mỹ và Liên minh Châu Âu (EU). Sản lượng sản xuất bị ảnh hưởng tiêu cực trong các ngành dệt may, giày dép và điện tử. Bên cạnh đó, lo ngại của người dân đối với ổn định việc làm, cùng với sự giảm sút trong tăng trưởng thu nhập thực tế, cũng tác động không tốt đến niềm tin tiêu dùng và khả năng chi tiêu.

Bất chấp những áp lực từ bên ngoài, nền kinh tế Việt Nam vẫn thể hiện sự bền bỉ mạnh mẽ khi đạt tốc độ tăng trưởng GDP ước tính **7,1% trong năm tài chính 2024**, tăng so với mức 5,05% của năm 2023. Kết quả này có được nhờ dòng vốn đầu tư trực tiếp nước

ngoài (FDI) mạnh mẽ, sự phục hồi trong thương mại và các biện pháp kích thích kinh tế mang mục tiêu cụ thể từ Chính phủ.

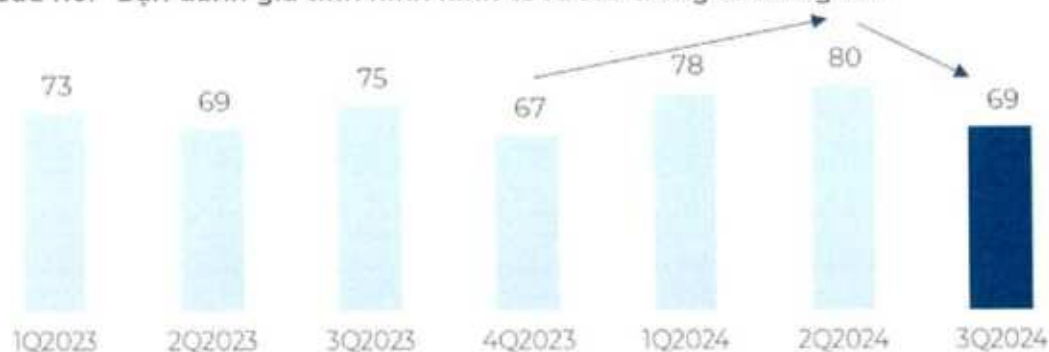
- **Dòng vốn FDI mạnh mẽ:** Việt Nam đã thu hút 38,2 tỷ USD vốn đầu tư nước ngoài mới, một trong những mức tăng trưởng FDI cao nhất kể từ năm 2020. FDI giải ngân cũng đạt mức kỷ lục 25,3 tỷ USD, khẳng định sức hút của Việt Nam trong vị thế trung tâm sản xuất và chuỗi cung ứng quan trọng tại châu Á. Sản xuất và bất động sản tiếp tục là hai lĩnh vực chủ đạo, trong đó FDI đổ vào bất động sản tăng 18,8% so với cùng kỳ năm trước.
- **Phục hồi thương mại:** Kim ngạch thương mại Việt Nam lần lượt tăng 14,3% (xuất khẩu) và 24,2% (nhập khẩu) so với cùng kỳ năm trước, phản ánh sự phục hồi của hoạt động thương mại. Nguyên liệu sản xuất tiếp tục chiếm ưu thế, chiếm 94% tổng kim ngạch nhập khẩu, trong khi nhập khẩu hàng tiêu dùng tăng 16,4% so với cùng kỳ năm trước, cho thấy nhu cầu tiêu dùng nội địa đang dần phục hồi.
- **Hỗ trợ chính sách từ Chính phủ:** Chính phủ Việt Nam đã triển khai nhiều sáng kiến nhằm ổn định nền kinh tế, bao gồm đẩy mạnh giải ngân đầu tư công và tiến hành ưu đãi thuế cho doanh nghiệp. Giải ngân đầu tư công đã đạt 52% kế hoạch năm tính đến tháng 10/2024, và dự kiến sẽ tăng gấp đôi trong năm tài chính 2025 nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Chi tiêu của người tiêu dùng tuy được cải thiện nhưng còn chậm do bất ổn thu nhập và áp lực lạm phát. Cụ thể, nhu cầu đối với hàng tiêu dùng yếu hơn so với mảng dịch vụ và đã chững lại vào cuối năm 2024 do tác động của bão Yagi đến lòng tin của người tiêu dùng.

- **Tăng trưởng doanh thu bán lẻ:** Tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ đạt 22,5 tỷ USD trong tháng 12, tăng 9,3% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng doanh thu hàng tháng trung bình thấp hơn 17,0% so với năm 2023, phản ánh tâm lý chi tiêu thận trọng. Ngành du lịch, dịch vụ và lưu trú tiếp tục là động lực chính thúc đẩy doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ.
- **Chính sách can thiệp từ Chính phủ:** Chính phủ đã triển khai các biện pháp như giảm thuế VAT, cắt giảm phí và tăng 30% lương cơ bản cho nhân viên khu vực công nhằm thúc đẩy sức mua của các hộ gia đình trong năm 2025.

- **Kiểm soát lạm phát:** Bất chấp những biến động kinh tế vĩ mô, lạm phát vẫn được kiểm soát, với CPI tăng 2,8% so với cùng kỳ năm trước. Giá xăng dầu trong nước giảm giúp dịu bớt áp lực chi phí cho các hộ gia đình.
- **Tác động tiêu cực ngắn hạn của thiên tai:** Bão Yagi đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh tế của các khu vực nông thôn ở miền Bắc, gây ra suy giảm lòng tin tiêu dùng ngắn hạn trong quý 4/2024.

Câu hỏi "Bạn đánh giá tình hình kinh tế ra sao trong 12 tháng tới?"



Nguồn: Kantar

Ngành bất động sản giữ vai trò chủ đạo trong ổn định kinh tế năm 2024 và được kỳ vọng sẽ giúp thúc đẩy sự phục hồi tiêu dùng trong năm 2025. Việt Nam đã thu hút 6,3 tỷ USD vốn FDI vào bất động sản, tăng 19% so với cùng kỳ năm trước, củng cố cho đà phục hồi của toàn ngành. Thị trường bất động sản nhà ở ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ, với 81.000 bất động sản niêm yết, tăng 40% so với cùng kỳ năm trước, và hơn 47.000 giao dịch thành công trong năm tài chính 2024. Đồng thời, các ngân hàng nhà nước đã cắt giảm lãi suất thế chấp cố định xuống khoảng 6%, mức thấp nhất trong một thập kỷ qua, giảm từ mức ~10% của năm 2023. Động thái này được kỳ vọng sẽ kích thích nhu cầu mua nhà và thúc đẩy sự phục hồi kinh tế toàn diện.

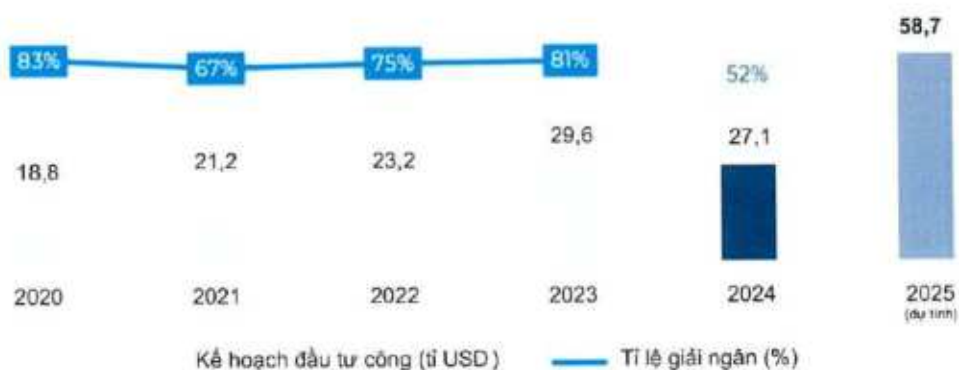
Trong tương lai gần, triển vọng kinh tế của Việt Nam vẫn rất lạc quan, với việc Ngân hàng Thế giới (World Bank) dự báo Việt Nam sẽ đạt tăng trưởng GDP 6,8% vào năm 2025. Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP danh nghĩa từ 8,0% trở lên trong năm 2025, tạo nền tảng cho tăng trưởng hai chữ số từ năm 2026 trở đi. Nếu đạt được các mục tiêu này, GDP của Việt Nam sẽ chạm mốc 500 tỷ USD, với GDP bình quân đầu

người đạt 5.000 USD, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng cho nhiều lĩnh vực, đặc biệt là ngành tiêu dùng và bán lẻ.

Những yếu tố ủng hộ cho quỹ đạo tăng trưởng tích cực này:

- **Mở rộng đầu tư công nghiệp và hạ tầng:** Chính phủ đặt mục tiêu thu hút thêm FDI vào bất động sản công nghiệp, tập trung vào các vùng và khu vực như Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh và Bình Phước.
- **Cải cách quy định:** Luật Đất đai sửa đổi, Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh Bất động sản, có hiệu lực từ tháng 8/2024, được kỳ vọng sẽ tăng cường niềm tin của nhà đầu tư và nâng cao tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh.
- **Đẩy mạnh đầu tư công:** Kế hoạch đầu tư công của Chính phủ sẽ tăng hơn gấp đôi, đạt 58,7 tỷ USD vào năm 2025, tập trung vào nâng cấp cơ sở hạ tầng và các biện pháp kích thích kinh tế.

Việt Nam vẫn tiếp tục là một trong những nền kinh tế năng động nhất Đông Nam Á, với nền tảng vững chắc, môi trường đầu tư ổn định cùng nhiều sáng kiến do chính phủ hỗ trợ, tạo động lực tăng trưởng kinh tế bền vững cho nhiều năm tới.



Nguồn: GSO

Ban lãnh đạo Tập đoàn Masan đã theo dõi sát sao các xu hướng vĩ mô nêu trên và xác định các trọng tâm chiến lược trong trung và dài hạn nhằm tối đa hóa giá trị cho cổ đông: (i) tập trung mạnh mẽ vào các mảng kinh doanh tiêu dùng bán lẻ cốt lõi để đón đầu bước ngoặt tiêu dùng tại Việt Nam, (ii) giảm đòn bẩy tài chính và đơn giản hóa cơ cấu doanh

ngành nhằm tối ưu hóa chi phí vốn trong môi trường lãi suất cao, và (iii) tiếp tục đầu tư vào công nghệ để đảm bảo tính bền vững cho doanh nghiệp trong tương lai.

Trong bối cảnh thị trường tiêu dùng dần cải thiện trong năm 2024, các mảng kinh doanh tiêu dùng bán lẻ cốt lõi của Tập đoàn Masan đều ghi nhận mức tăng trưởng đáng kể, với EBIT (Lợi nhuận hoạt động) tăng 1.878 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế sau phân bổ cổ đông thiểu số (NPAT post-MI) của công ty tăng mạnh lên 1.999 tỷ đồng trong năm tài chính 2024, tương ứng mức tăng trưởng 377,5% so với cùng kỳ năm trước, được thúc đẩy bởi mức tăng gấp 14 lần lợi nhuận quý 4/2024 so với cùng kỳ năm trước, đạt 691 tỷ đồng. Bất chấp sự chậm lại tạm thời trong quý 4/2024, Masan Consumer Corporation (MCH) vẫn đạt mức tăng trưởng lợi nhuận hai chữ số so với cùng kỳ năm trước, nhờ vào chiến lược cao cấp hóa và đổi mới sản phẩm liên tục. Chiến lược "Go Global" đã giúp doanh thu xuất khẩu của MCH tăng lên 1.299 tỷ đồng, tăng 22,4% so với cùng kỳ năm trước. WinCommerce (WCM) và Masan MEATLife (MML) đều đạt lợi nhuận trong năm tài chính 2024, đóng góp 993 tỷ đồng vào lợi nhuận sau phân bổ cổ đông thiểu số (post-MI). Hai mảng kinh doanh này đã chuyển đổi thành nguồn lợi nhuận quan trọng của công ty trong tương lai. Phúc Long Heritage (PLH) ghi nhận tăng trưởng cả về doanh thu và lợi nhuận, nhờ vào quá trình cải tiến chiến lược kinh doanh và nâng cấp mô hình hoạt động. Masan High-Tech Materials (MHT) đã hoàn tất thương vụ bán H.C. Starck cho Mitsubishi Materials và cải thiện hiệu quả tài chính nhờ nhiều sáng kiến vận hành, bao gồm tăng sản lượng bán đồng và ký hợp đồng dịch vụ khai thác & khoan nổ mìn mới. Techcombank (TCB), công ty liên kết của Masan, đóng góp 4.348 tỷ đồng lợi nhuận trong năm 2024, tăng 13,3% so với cùng kỳ năm trước, bất chấp khoản chi phí một lần liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng với Manulife.

Hướng đến năm 2025, công ty có cái nhìn rõ ràng hơn về sự phục hồi tiêu dùng và triển vọng dài hạn khi GDP bình quân đầu người của Việt Nam được dự báo sẽ vượt mốc 5.000 USD. Tập đoàn Masan tiếp tục cam kết thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận bền vững thông qua các mảng kinh doanh tiêu dùng bán lẻ cốt lõi, vốn đã thể hiện khả năng thích ứng mạnh mẽ và hiệu suất cao. Công ty sẽ tận dụng hơn nữa hệ sinh thái "Point of Life" (POL) để mở rộng dấu ấn số, đặc biệt là thông qua chương trình hội viên WiN, giúp nâng cao mức độ tương tác trực tiếp với người tiêu dùng và tạo điều kiện để công ty cung cấp các sản phẩm và dịch vụ mới.

Tổng quan về kết quả hoạt động và triển vọng tăng trưởng

Kết quả hợp nhất

Doanh thu thuần của Tập đoàn Masan trong năm 2024 đạt 83.178 tỷ đồng, tăng 6,3% so với cùng kỳ năm trước, so với 78.252 tỷ đồng trong năm 2023.

Đóng góp vào con số tích cực của doanh thu là đà tăng trưởng bền vững của mảng kinh doanh tiêu dùng bán lẻ cốt lõi và nghĩa vụ hợp đồng đã hoàn thành của MHT đối với đối tác, giúp bù đắp lại cho định hướng chiến lược của MML trong việc tái cấu trúc mảng gà trang trại.

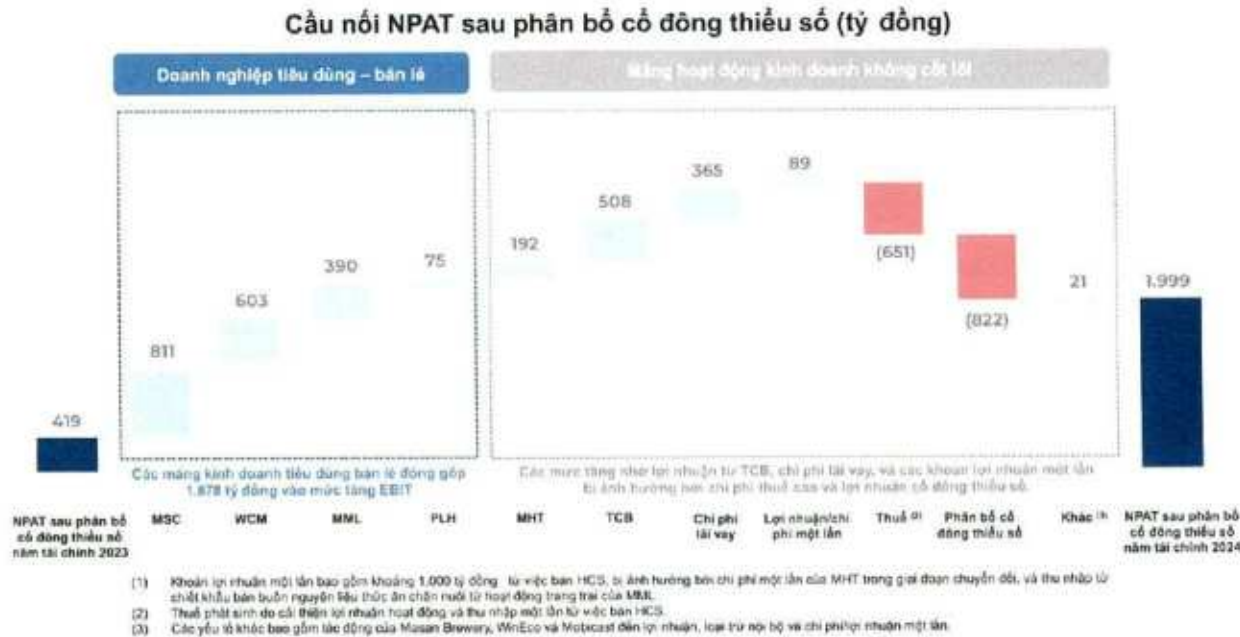
EBITDA của MSN trong năm 2024 tăng 19,3% so với cùng kỳ năm trước, đạt 15.921 tỷ đồng, được thúc đẩy bởi đà tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ trên tất cả các mảng kinh doanh tiêu dùng - bán lẻ.

Lợi nhuận sau thuế sau phân bổ cổ đông thiểu số (NPAT Post-MI) đạt 1.999 tỷ đồng trong năm 2024, tăng 377,5% so với cùng kỳ năm trước, hoàn thành 200% kế hoạch cơ sở đã được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Mức tăng trưởng này được thúc đẩy bởi đà tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ trên tất cả các mảng kinh doanh tiêu dùng - bán lẻ, chi phí tài chính thuần giảm 365 tỷ đồng nhờ tối ưu hóa chi phí lãi vay, cùng với khoản lợi nhuận một lần 89 tỷ đồng. Đây là tổng hợp lợi nhuận ròng từ việc bán HCS cùng với khoản thu nhập từ chiết khấu bán buôn đối với nguyên liệu đầu vào từ hoạt động kinh doanh trang trại của MML, bù trừ với các khoản chi phí một lần trong giai đoạn chuyển đổi của MHT, và 100 tỷ đồng chi phí từ thiện một lần. Ngoài ra, MSN cũng ghi nhận khoản giảm 288 tỷ đồng lợi nhuận do chi phí một lần của TCB từ việc chấm dứt hợp đồng với Manulife. Sự tăng trưởng tích cực và ổn định của tất cả các mảng kinh doanh cốt lõi từ đầu năm 2024 đã củng cố niềm tin của ban lãnh đạo vào quá trình chuyển đổi thành nền tảng tiêu dùng - bán lẻ của Tập đoàn Masan. Về bảng cân đối kế toán hợp nhất, tổng nợ tài chính giảm còn 65.549 tỷ đồng tính đến ngày 31/12/2024, so với 69.572 tỷ đồng vào năm 2023. Công ty tiếp tục duy trì chiến lược phân bổ vốn chặt chẽ, tập trung vào cải thiện dòng tiền tự do (FCF) và huy động vốn thông qua phát hành cổ phần cũng như thoái vốn các tài sản. Kết quả, FCF cải thiện đáng kể lên 9.580 tỷ đồng trong năm 2024, tăng mạnh so với 7.454 tỷ đồng vào năm 2023. Tỷ lệ Nợ ròng trên EBITDA 12 tháng gần nhất (LTM EBITDA) giảm xuống 2,9x vào



cuối năm 2024, so với mức 3,9x vào cuối năm 2023, phản ánh kết quả rõ ràng của chiến lược giảm đòn bẩy tài chính, giúp tỷ lệ Nợ ròng trên EBITDA 12 tháng gần nhất xuống dưới 3,5x. Sự vượt trội trong lợi nhuận và cải thiện bảng cân đối kế toán là kết quả của chiến lược dài hạn nhất quán và tập trung mạnh mẽ vào thực thi, nhằm tối đa hóa giá trị cho cổ đông. Những điểm nổi bật bao gồm:



EBIT của các mảng kinh doanh tiêu dùng bán lẻ cốt lõi của chúng tôi tăng 1.878 tỷ đồng, chủ yếu nhờ vào tăng trưởng lợi nhuận hai chữ số của MCH và bước ngoặt mang về lợi nhuận của WCM và MML.

- Bất chấp tốc độ phục hồi chậm hơn của ngành hàng tiêu dùng và một quý 4/2024 đầy thách thức, MCH vẫn tăng trưởng EBITDA 11,0% so với cùng kỳ năm trước, đạt 8.333 tỷ đồng, và NPAT sau phân bổ cổ đông thiểu số tăng 10,1% so với cùng kỳ năm trước, đạt 7.803 tỷ đồng, nhờ vào chiến lược cao cấp hóa, ra mắt sản phẩm mới, mở rộng thị trường quốc tế ("Go Global") và tối ưu hóa chi phí bán hàng. MCH ghi nhận doanh thu gộp từ các sản phẩm mới đạt 2.281 tỷ đồng trong năm 2024, tăng 62% so với cùng kỳ năm trước, khẳng định động lực tăng trưởng doanh thu bền vững trong dài hạn. Những sản phẩm đổi mới nổi bật bao gồm BupNon Tea365 (Đồ uống), Chanté (HPC), và các sản phẩm lẩu tự sôi, lẩu cầm tay Omachi (Thực phẩm tiện lợi).

- Năm 2024 đánh dấu một cột mốc quan trọng về lợi nhuận đối với cả WCM và MML khi hai doanh nghiệp này lần đầu tiên ghi nhận lợi nhuận dương. Kết quả này đến từ việc kiên trì thực thi chiến lược dài hạn nhằm xác định các mô hình kinh doanh có lợi nhuận và có thể mở rộng cho những mảng kinh doanh mới trong hệ sinh thái Tập đoàn Masan, qua đó củng cố niềm tin của ban lãnh đạo vào triển vọng tăng trưởng bền vững của WCM và MML. Cụ thể, trong năm 2024, WCM đã đẩy mạnh tăng trưởng like-for-like (LFL) lên mức 7,5% trên toàn hệ thống và tối ưu hóa chi phí hao hụt hàng hóa thông qua các sáng kiến cải thiện chuỗi cung ứng. Trong khi đó, MML gia tăng tỷ trọng doanh thu từ mảng thịt chế biến có biên lợi nhuận cao và hưởng lợi từ việc tối ưu hóa hoạt động chăn nuôi.

MSN đã đạt những kết quả tích cực trong cam kết giảm đòn bẩy tài chính và tối ưu hóa cơ cấu doanh nghiệp.

- Trong quý 2/2024, MSN đã huy động thành công 250 triệu USD từ Bain Capital. Vào ngày 18 tháng 12 năm 2024, MHT công bố hoàn tất thương vụ bán 100% cổ phần tại H.C. Starck Holding GmbH ("HCS") cho Mitsubishi Materials Corporation với giá trị giao dịch 134,5 triệu USD. Thỏa thuận này bao gồm hợp đồng bao tiêu dài hạn đối với APT và oxit vonfram giữa MHT và HCS, đảm bảo lợi ích bền vững cho cả hai bên và cung cấp cho MHT nền tảng vững chắc để tối đa hóa khối lượng đơn hàng. Khoản tiền thu được từ thương vụ này sẽ giúp MHT giảm nợ từ khoảng 670 triệu USD xuống còn 490 triệu USD. Kết hợp với dòng tiền tự do từ hoạt động kinh doanh được cải thiện, các sáng kiến này đã giúp MSN giảm tỷ lệ đòn bẩy tài chính, đưa tỷ lệ Nợ ròng trên EBITDA 12 tháng gần nhất (LTM EBITDA) từ 3,9x vào cuối năm 2023 xuống còn 2,9x vào cuối năm 2024, khẳng định cam kết của ban lãnh đạo trong việc duy trì tỷ lệ này dưới 3,5x.

Đầu tư vào công nghệ để số hóa nền tảng tiêu dùng - bán lẻ và chuẩn bị cho các ứng dụng AI trong tương lai.

- Tập đoàn Masan tiếp tục đầu tư vào công nghệ và chuyển đổi số nhằm nâng cao nền tảng tiêu dùng - bán lẻ, tối ưu hóa vận hành chuỗi cung ứng và tạo nền tảng cho các ứng dụng AI trong tương lai.
- Chương trình hội viên WiN tiếp tục là trụ cột quan trọng trong chiến lược số của Tập đoàn Masan, giúp kết nối trực tiếp với người tiêu dùng và hiểu sâu hơn về hành vi mua sắm. Thông qua việc thu thập và phân tích dữ liệu hành vi, Masan tối ưu hóa cách tiếp cận cá nhân hóa, tinh chỉnh danh mục sản phẩm và tăng cường lòng trung thành của khách hàng. Tính đến cuối năm 2024, với 10 triệu thành viên, chương trình Hội viên WiN đóng góp 53% tổng doanh thu của WCM, khẳng định vai trò ngày càng quan trọng trong chiến lược bán lẻ đa kênh của Tập đoàn Masan. Không chỉ giới hạn trong ngành hàng tiêu dùng nhanh (grocery), chương trình Hội viên WiN đang mở rộng để kết nối các thương hiệu với nhóm khách hàng mục tiêu, đồng thời giới thiệu các sản phẩm phi thực phẩm có giá trị gia tăng, thúc đẩy sự tích hợp sâu hơn trong hệ sinh thái Tập đoàn Masan. Tập đoàn Masan cũng đẩy nhanh việc tối ưu hóa chuỗi cung ứng bằng AI tại MCH và WCM, giúp nâng cao hiệu quả quản lý hàng tồn kho, dự báo nhu cầu và tối ưu hóa vận hành. Những sáng kiến này sẽ giúp hệ sinh thái Tập đoàn Masan sẵn sàng cho tương lai, củng cố lợi thế cạnh tranh dài hạn trong bối cảnh thị trường tiêu dùng Việt Nam đang không ngừng phát triển.

Phụ thuộc vào các quy trình phê duyệt nội bộ, điều kiện kinh tế vĩ mô và sự phục hồi của thị trường tiêu dùng, Tập đoàn Masan dự báo doanh thu thuần hợp nhất năm tài chính 2025 (FY2025) sẽ dao động từ 80.000 tỷ đồng đến 85.500 tỷ đồng, tương ứng với tăng trưởng like-for-like (LFL) từ 7% đến 14% so với cùng kỳ năm trước, sau khi điều chỉnh do việc không còn hợp nhất HCS. Trong năm tài chính 2025, tổng doanh thu hợp nhất (không bao gồm MHT) dự kiến nằm trong khoảng 74.013 tỷ đồng đến 78.013 tỷ đồng tương ứng với mức tăng 8% đến 13% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế trước phân bổ cổ đông thiểu số (NPAT Pre-MI) được dự báo đạt 4.875 tỷ đồng đến 6.500 tỷ đồng, tăng trưởng mạnh từ 14% đến 52%, so với 4.272 tỷ đồng trong năm tài chính 2024.

Masan Consumer

Năm 2024, MCH đạt mức tăng trưởng doanh thu tốt ở mức 9,4% so với cùng kỳ trong khi vẫn duy trì tốc độ mở rộng EBITDA ở mức hai chữ số, với doanh thu thuần đạt 30.897 tỷ đồng và EBITDA đạt 8.333 tỷ đồng. Kết quả này so với cùng kỳ năm trước được thúc đẩy bởi tăng trưởng mạnh mẽ trong các ngành hàng chủ chốt:

- Gia vị (+7,2% so với cùng kỳ năm trước) và Thực phẩm tiện lợi (+9,1% so với cùng kỳ năm trước) duy trì mức tăng trưởng ổn định, mặc dù nhu cầu tiêu dùng chậm lại trong Quý 4/2024 và việc cắt giảm khuyến mãi thương mại tạm thời làm chậm tốc độ tăng trưởng doanh thu.
- Ngành hàng Đồ uống: Tăng 14,7% so với cùng kỳ năm trước, được thúc đẩy bởi các sản phẩm đổi mới thành công và mở rộng thị phần.
- Xuất khẩu: Tăng 22,4% so với cùng kỳ năm trước, phản ánh thành công của chiến lược "Go Global" của MCH.

Trong khi đó, ngành hàng Chăm sóc gia đình & cá nhân (HPC) chỉ tăng nhẹ 3,5% so với cùng kỳ năm trước bất chấp mức tăng trưởng tốt của thương hiệu Chanté, ảnh hưởng một phần từ việc MCH tái cơ cấu kênh bán hàng cho NET như một phần chiến lược tích hợp sau M&A. Mặc dù tác động tạm thời này ảnh hưởng đến tăng trưởng, MCH vẫn tập trung vào củng cố danh mục sản phẩm và nâng cao năng lực phân phối để thúc đẩy tăng trưởng từng ngành hàng trong tương lai.

Chiến lược Cao Cấp Hóa & Đổi Mới Sản Phẩm thúc đẩy tăng trưởng của MCH trong năm 2024

Năm 2024, chiến lược cao cấp hóa tiếp tục là động lực tăng trưởng chính cho cả ngành hàng Thực phẩm tiện lợi và Gia vị. Tốc độ tăng trưởng của các sản phẩm cao cấp trong hai ngành hàng này cao hơn 2x so với tốc độ tăng trưởng tổng doanh thu của ngành hàng từ năm 2023 đến 2024. MCH tận dụng hiểu biết sâu sắc về người tiêu dùng và công nghệ tiên tiến để ra mắt thành công các sản phẩm như Chanté (HPC), BupNon Tea365 (Đồ uống), lẩu cầm tay Omachi (Thực phẩm tiện lợi) và Wake-up Mekong (Cà phê). Để đẩy nhanh quá trình tiếp nhận sản phẩm mới, MCH khai thác mạng lưới bán lẻ ngoại tuyến của WinCommerce (WCM) và chương trình Hội viên Win, tối ưu hóa lộ trình tiếp cận thị trường trước khi mở rộng trên toàn quốc thông qua hệ thống phân phối bán

lễ truyền thống (GT). Thành công của Chanté là một minh chứng điển hình cho cách tiếp cận này, giúp rút ngắn thời gian đưa sản phẩm ra thị trường và nâng cao tỷ lệ thành công khi ra mắt.

Chiến lược “Go Global” giữ vững đà tăng trưởng

Chiến lược Go Global của MCH đạt mức tăng trưởng 22,4% so với cùng kỳ năm trước, với doanh thu đạt 1.299 tỷ đồng. Các thị trường trọng điểm như Mỹ, Đài Loan, Hàn Quốc và Nhật Bản ghi nhận nhu cầu mạnh mẽ đối với thực phẩm và đồ uống Việt Nam, củng cố vai trò của MCH như một đại sứ cho ẩm thực Việt trên bình diện toàn cầu.

Mở rộng biên lợi nhuận & Tái đầu tư chiến lược

Mặc dù bị ảnh hưởng nhẹ bởi chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng trong quý 4/2024, MCH vẫn duy trì biên lợi nhuận gộp cao ở mức 46,6% trong năm 2024, tăng xấp xỉ 70 điểm cơ bản (bps) so với cùng kỳ năm trước, nhờ tối ưu hóa danh mục sản phẩm và sở hữu các thương hiệu mạnh. Ban lãnh đạo đã tái đầu tư một phần lợi nhuận gia tăng vào quảng cáo và tiếp thị số, nhằm củng cố giá trị thương hiệu trong dài hạn, đồng thời giảm bớt các chương trình khuyến mãi để chuyển hướng sang xây dựng thương hiệu và mở rộng kênh phân phối. Nhờ đó, biên EBITDA cải thiện lên 27,0% trong năm 2024, so với 26,6% trong năm 2023.

Chuẩn bị cho tương lai bằng chuyển đổi số

MCH đang đẩy mạnh đầu tư vào chuyển đổi số dựa trên AI/ML, cho phép theo dõi dữ liệu theo thời gian thực, sản xuất thông minh hơn và tối ưu hóa quản lý hàng tồn kho. Trong dài hạn, MCH có kế hoạch chuyển đổi mô hình phân phối theo hướng bán lẻ trực tiếp đến người tiêu dùng (Direct to Customer), thông qua kênh trực tuyến hoặc đối tác GT của Tập đoàn Masan, giúp khai thác sâu hơn hiểu biết về hành vi người tiêu dùng và nâng cao mức độ tương tác theo thời gian thực. Những bước tiến này không chỉ giúp MCH duy trì tăng trưởng bền vững, củng cố vị thế dẫn đầu tại Việt Nam, mà còn đẩy nhanh quá trình mở rộng ra thị trường quốc tế.

WinCommerce

WCM Đạt Tăng Trưởng Doanh Thu 9,7% so với cùng kỳ năm trước và Ghi Nhận Lợi Nhuận Cả Năm

Năm 2024 đánh dấu bước ngoặt quan trọng của ngành bán lẻ hiện đại và là cột mốc đáng nhớ đối với WCM khi đạt lợi nhuận dương. Khi thị trường tiêu dùng phục hồi và ngành bán lẻ hiện đại thoát khỏi suy thoái năm 2023, WCM đã chuyển hướng chiến lược từ mở rộng quy mô cửa hàng sang cải tạo hệ thống và nâng cao hiệu quả vận hành, ưu tiên tăng trưởng lợi nhuận hơn là mở rộng số lượng. Nhờ chiến lược này, WCM ghi nhận doanh thu 32.961 tỷ đồng, tăng 9,7% so với cùng kỳ năm trước, cùng với lợi nhuận ròng 6 tỷ đồng. Trong khi ban lãnh đạo WCM cam kết đạt lợi nhuận dương trong quý 1/2025 thông qua tăng trưởng LFL² bền vững và tối ưu hóa chi phí, công ty đã tăng trưởng LFL lên 7,5% trong năm 2024 và cải thiện đáng kể chi phí hao hụt hàng hóa, giúp WCM ghi nhận lợi nhuận dương trong cả quý 3 và quý 4 năm 2024.

Về lợi nhuận, biên lợi nhuận gộp đã cải thiện 60 điểm cơ bản so với cùng kỳ trong năm tài chính 2024, nhờ quản lý hao hụt hiệu quả hơn. Nhờ đó, EBITDA tăng mạnh 604 tỷ đồng so với cùng kỳ, đạt biên lợi nhuận 3,9% cho cả năm, phản ánh sự cải thiện trong hiệu quả chi phí và tối ưu vận hành. Lợi nhuận sau thuế (NPAT) đạt con số dương cho cả năm, với biên lợi nhuận trước lợi ích cổ đông thiểu số (Pre-MI) đạt 2,4% trong Quý 4/2024, đánh dấu bước ngoặt lợi nhuận tích cực so việc lỗ trong năm tài chính 2023.

Mở rộng mạng lưới cửa hàng để tăng trưởng bền vững

Tính đến cuối năm 2024, WinCommerce (WCM) đang vận hành 3.828 điểm bán trên toàn quốc sau khi mở rộng thêm 195 cửa hàng mới. Chiến lược mở rộng quy mô mạng lưới được đẩy mạnh trở lại kết hợp cùng việc áp dụng các mô hình cửa hàng mới phù hợp cho cả khu vực thành thị và nông thôn đã giúp WCM nâng cao khả năng thâm nhập vào các thị trường nông thôn kém phát triển, nơi mà sự nhạy cảm về giá trước đây từng là rào cản đối với các nhà bán lẻ với chiến lược tập trung vào nhóm khách hàng có thu nhập cao. Việc mở rộng chiến lược này đã củng cố vị thế dẫn đầu của WCM trong thị

² Tăng trưởng LFL của WCM được tính dựa trên nhóm cửa hàng ổn định, khai trương trước năm 2023 và vẫn đang hoạt động

trường bán lẻ hiện đại, định vị công ty là điểm đến mua sắm hàng ngày hấp dẫn cho số đông, cung cấp sản phẩm chất lượng cao với giá cả phải chăng.

Hệ thống siêu thị ("WinMart" hay "WMT") duy trì đà tăng trưởng ổn định

WMT ghi nhận doanh thu 9.248 tỷ đồng trong năm tài chính 2024 (FY2024), tăng 2,5% so với cùng kỳ năm trước, được thúc đẩy bởi sự phục hồi của nhu cầu tiêu dùng và hiệu quả vận hành được nâng cao. Tăng trưởng LFL của WMT đạt 5,6% so với cùng kỳ năm trước trong cả năm 2024, tăng lên 8,7% so với cùng kỳ năm trước trong quý 4/2024, nhờ lưu lượng khách hàng và giá trị giỏ hàng cải thiện.

Việc cải tạo thành công WinMart Nguyễn Văn Cừ, một siêu thị theo mô hình thành thị phục vụ người tiêu dùng thành phố, đã đem lại sự cải thiện mạnh mẽ về doanh thu, lưu lượng khách và lợi nhuận, tạo tiền đề cho việc chuyển đổi hàng loạt cửa hàng WinMart trong năm tài chính 2025. Những cải thiện hiệu suất chính sau cải tạo: Những kết quả tích cực sau công tác cải tạo.

- +30% Tăng Trưởng Doanh Thu & Lưu Lượng Khách: Mô hình mới đã thu hút nhiều khách hàng hơn và gia tăng chi tiêu của người tiêu dùng.
- +10,2% Tăng Trưởng Tỷ Trọng Hàng Tươi Sống: Nâng cao danh mục sản phẩm tươi sống giúp tăng mức độ tương tác của người mua sắm.
- +10,6% Biên EBIT Cửa Hàng: Cửa hàng sau cải tạo đạt biên EBIT cao hơn đáng kể, so với +5,0% của các cửa hàng WinMart truyền thống trong quý 4/2024.



Thành công ban đầu của quá trình chuyển đổi mô hình thành thị khảng định khả năng của WinMart trong việc nâng cao trải nghiệm mua sắm, tối ưu hóa bố cục cửa hàng và củng cố danh mục sản phẩm. Sự thay đổi chiến lược này sẽ định hướng cho kế hoạch mở rộng và cải tạo thêm các địa điểm WMT trong năm tài chính 2025, tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận và củng cố vị thế dẫn đầu trong ngành bán lẻ hiện đại tại Việt Nam.

Hệ thống Minimart (“WinMart+” hay “WMP”) dẫn dắt tăng trưởng với hiệu suất LFL ấn tượng

WMP ghi nhận doanh thu thuần 23.185 tỷ đồng trong năm tài chính 2024, tăng 12,6% so với cùng kỳ năm trước, được thúc đẩy bởi tăng trưởng LFL cao hơn và việc mở rộng hoạt động của các cửa hàng mới. Tăng trưởng LFL của WMP đạt 8,4% so với cùng kỳ năm trước, tăng lên 9,6% so với cùng kỳ năm trước trong quý 4/2024, phản ánh tác động tích cực từ cải tạo cửa hàng, nâng cấp danh mục sản phẩm và các phát kiến tăng cường tương tác với khách hàng. Trong năm tài chính 2024, các mô hình cửa hàng WIN và WinMart+ của WCM đóng vai trò quan trọng trong việc đạt lợi nhuận cả năm, với tăng

trường LFL hai chữ số và biên lợi nhuận ròng (NPAT) mạnh mẽ tại cả thị trường khu vực thành thị và nông thôn.

Tăng trưởng LFL được đẩy mạnh nhờ vào cải tạo cửa hàng và tối ưu hóa danh mục sản phẩm, khi mô hình cửa hàng nông thôn (phục vụ người tiêu dùng khu vực nông thôn) và mô hình cửa hàng WIN (phục vụ người tiêu dùng thành thị) lần lượt đạt mức tăng trưởng 11,7% so với cùng kỳ năm trước và 8,8% so với cùng kỳ năm trước trong năm 2024, so với 6,2% so với cùng kỳ năm trước của mô hình cửa hàng truyền thống. Trong năm 2024, WCM đã mở 195 cửa hàng mới nâng tổng số cửa hàng lên 3.828 điểm bán vào cuối năm 2024. Đồng thời, WCM tối ưu hóa hoạt động chuỗi cung ứng nhằm giảm số ngày tồn kho và chi phí hao hụt hàng hóa, giúp chu kỳ chuyển đổi tiền mặt rút ngắn 5 ngày và chi phí hao hụt trên doanh thu cải thiện 92 điểm cơ bản (bps).



Phúc Long Heritage (PLH) ghi nhận mức tăng trưởng doanh thu 5,6% so với cùng kỳ năm trước trong năm tài chính 2024, được thúc đẩy bởi việc mở thêm 33 cửa hàng mới so với năm trước. Ban lãnh đạo tập trung vào mở rộng bền vững và tối ưu hóa lợi nhuận, dẫn đến mở rộng 10 cửa hàng ngoài hệ thống WCM trong quý 4/2024, nâng tổng số cửa hàng PLH ngoài WCM lên 184 điểm bán trên toàn quốc. Trong khi đó, số lượng cửa hàng nằm trong hệ thống WCM được tái cơ cấu, giảm xuống 56 cửa hàng vào cuối năm nhằm nâng cao hiệu suất lợi nhuận.

Nhờ những điều chỉnh chiến lược này, lợi nhuận sau thuế trước phân bổ cổ đông thiểu số (NPAT Pre-MI) của PLH tăng mạnh 97 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, trong đó riêng quý 4/2024 đóng góp 28 tỷ đồng. EBITDA cũng được cải thiện đáng kể, phản ánh hiệu quả vận hành cao hơn và quản lý chi phí tốt hơn.

Cải tạo cửa hàng thúc đẩy tăng trưởng doanh thu

Các khoản đầu tư vào cải tạo cửa hàng đã cho thấy hiệu quả rõ rệt trong việc tăng cường hiệu suất doanh số. Một nhóm thử nghiệm gồm 11 cửa hàng được cải tạo ghi nhận mức tăng 13,4% trong doanh thu trung bình hàng ngày từ khách dùng tại chỗ, đạt 22,1 triệu đồng, so với 19,5 triệu đồng trước khi cải tạo. Kết quả này khẳng định hướng đi đúng đắn của PLH trong việc hiện đại hóa mô hình cửa hàng, nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng và tối ưu hóa năng suất doanh thu.

Định vị tăng trưởng bền vững

Với mạng lưới cửa hàng được tối ưu hóa, tiếp tục mở rộng ngoài hệ thống WCM, và tập trung vào tối ưu hóa lợi nhuận, PLH đang nắm giữ vị thế vững chắc để duy trì tăng trưởng bền vững trong năm 2025, củng cố vị thế dẫn đầu trong phân khúc trà và cà phê cao cấp tại Việt Nam.

Masan MEATLife

Sự Chuyển Dịch Chiến Lược Sang Ngành Thịt Chế Biến Giúp MML Cải Thiện Lợi Nhuận

Năm 2024, MML đạt tăng trưởng doanh thu 9,5% so với cùng kỳ năm trước, được thúc đẩy bởi mức tăng 14,8% so với cùng kỳ năm trước trong mảng thịt và thịt chế biến, khẳng

định chiến lược tập trung vào các sản phẩm có giá trị gia tăng và biên lợi nhuận cao hơn. Sự chuyển đổi này là kết quả của chiến lược giảm sự phụ thuộc vào hoạt động chăn nuôi đầy biến động thông qua việc cắt giảm số lượng trang trại gà, dẫn đến doanh số từ thịt gà bán giảm 7,3%.

Thịt heo tươi tiếp tục là động lực tăng trưởng chính, nhờ tích hợp sâu hơn vào chương trình hội viên WIN, giúp tăng sản lượng bán ra. Nhờ đó, doanh số thịt heo tươi trung bình trên mỗi cửa hàng WCM tăng khoảng 26% so với cùng kỳ năm trước, được hỗ trợ bởi các chiến lược giá. Trong khi đó, mảng thịt chế biến tiếp tục mở rộng đóng góp, tăng từ 32,9% tổng doanh thu năm 2023 lên 34,6% trong năm 2024, phù hợp với chiến lược của MML trong việc tập trung vào các sản phẩm có giá trị cao hơn.

Doanh số thịt chế biến tăng mạnh 14,5% so với cùng kỳ năm trước, với hai thương hiệu nổi bật Heo Cao Bồi và Ponnie vượt 200 tỷ đồng doanh thu hàng tháng vào cuối năm, củng cố vị thế dẫn đầu của hai thương hiệu này trong thị trường đang phát triển. Bên cạnh đó, công tác sản phẩm mớicũng đóng vai trò quan trọng, đóng góp 538 tỷ đồng vào doanh thu thịt chế biến, thể hiện cam kết của MML trong việc mở rộng các cơ hội tiêu dùng và tăng cường độ phủ thị trường.

Chiến lược tối ưu hóa danh mục sản phẩm và nâng cao hiệu suất vận hành một cách kỷ luật sẽ tiếp tục hỗ trợ cải thiện lợi nhuận trong năm 2025, giúp MML duy trì vị thế dẫn đầu trong ngành thịt tại Việt Nam.

MML x WCM: Tăng Cường Hợp Tác để Thúc Đẩy Tăng Trưởng

Quan hệ đối tác chiến lược giữa Masan MEATLife (MML) và WinCommerce (WCM) tiếp tục mang lại kết quả tích cực trong năm 2024, củng cố vị thế của MML với vị thế là nhà cung cấp thịt tươi và thịt chế biến hàng đầu trong chuỗi bán lẻ hiện đại lớn nhất Việt Nam. Doanh thu hàng ngày trên mỗi cửa hàng WCM do MML đóng góp tăng trưởng ổn định, đạt tỷ lệ tăng trưởng gộp hàng quý (CQGR) +6,3% trong giai đoạn này. Tính đến quý 4/2024, doanh thu hàng ngày trên mỗi cửa hàng WCM của MML đạt 1.957.000 đồng, phản ánh sự gia tăng ổn định trong nhu cầu tiêu dùng đối với các sản phẩm thịt tươi và thịt chế biến. Mức tăng trưởng này được hỗ trợ bởi sự mở rộng mạng lưới cửa hàng, với số lượng điểm bán WCM có sản phẩm của MML tăng lên 3.820 cửa hàng vào cuối năm, so với 3.441 cửa hàng vào quý 1/2023. Tăng trưởng doanh thu ổn định được thúc đẩy

bởi nhu cầu ngày càng tăng đối với thịt tươi, cùng với sự đóng góp ngày càng lớn từ các sản phẩm thịt chế biến, phù hợp với xu hướng tiêu dùng hướng đến sự tiện lợi và các sản phẩm giá trị gia tăng. Trong thời gian tới, MML và WCM sẽ tiếp tục tận dụng sức mạnh hợp tác để tối ưu hóa nguồn cung sản phẩm, mở rộng danh mục cao cấp và nâng cao hiệu suất triển khai tại cửa hàng, qua đó củng cố vị thế dẫn đầu trong ngành bán lẻ hiện đại tại Việt Nam.

MML đạt lợi nhuận sau thuế cả năm với cải thiện đáng kể về biên lợi nhuận gộp

Năm 2024, lợi nhuận của MML tăng mạnh nhờ cải thiện đáng kể biên lợi nhuận gộp trên các phân khúc chính, dẫn đến lợi nhuận sau thuế trước phân bổ cổ đông thiểu số (NPAT Pre-MI) đạt 25,3 tỷ đồng. Kết quả này được thúc đẩy bởi việc nâng cao hiệu suất sản xuất, giảm chi phí thức ăn chăn nuôi và tăng cường tận dụng các sản phẩm phụ từ thịt heo nhằm bù đắp chi phí đầu vào gia tăng. Các yếu tố chính thúc đẩy biên lợi nhuận:

- Biên lợi nhuận gộp từ chăn nuôi heo cải thiện đáng kể, tăng khoảng 2.620 điểm cơ bản (bps) so với cùng kỳ năm trước, nhờ nâng cao hiệu suất sản xuất và giảm chi phí thức ăn chăn nuôi.
- Biên lợi nhuận từ thịt gà tăng khoảng 660 bps so với cùng kỳ năm trước, nhờ các sản phẩm cao cấp mang nhãn hàng MEATDeli & 3F.
- Biên lợi nhuận thịt heo tươi giảm khoảng 170 bps so với cùng kỳ năm trước do giá heo hơi tăng cao. Tuy nhiên, các cải tiến trong tối ưu hóa sản phẩm phụ từ thịt heo đã giúp lợi nhuận gộp mảng B2B tăng khoảng 32%, góp phần giảm áp lực chi phí.
- Biên lợi nhuận gộp từ thịt chế biến tăng khoảng 560 bps so với cùng kỳ năm trước, nhờ các sản phẩm mới và chiến lược cao cấp hóa.
- Tỷ lệ sử dụng heo thịt cho sản xuất thịt chế biến đạt 6,7%, tăng 130 bps so với cùng kỳ năm trước, phù hợp với chiến lược nâng cao tích hợp chuỗi giá trị của MML.

Kết quả là biên EBIT của MML tăng +540 bps, đạt 2,2% trong năm tài chính 2024. Những cải tiến trong vận hành và điều chỉnh chiến lược này giúp củng cố lộ trình tăng trưởng lợi nhuận dài hạn của MML, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững trong những năm tới.

Nâng Cao Hiệu Quả Hoạt Động trong Màng Chăn Nuôi và Chế Biến Thịt

Năm 2024, MML đã tối ưu hóa hiệu suất sản xuất trong các hoạt động chăn nuôi, giúp giảm đáng kể chi phí và nâng cao hiệu suất sử dụng heo thịt trong sản xuất thịt chế biến. Những cải tiến này đã góp phần tăng cường lợi nhuận và khả năng vận hành linh hoạt của công ty, bất chấp sự biến động của chi phí đầu vào. Những cải thiện hiệu suất chính bao gồm:

- Chi phí sản xuất trên mỗi đơn vị tại trang trại heo giảm 8,5% so với cùng kỳ năm trước, phản ánh hiệu quả cao hơn trong quản lý thức ăn chăn nuôi và năng suất trang trại.
- Chi phí sản xuất trên mỗi đơn vị tại trang trại gà giảm 10,0% so với cùng kỳ năm trước, nhờ vào tối ưu hóa hoạt động chăn nuôi và nâng cao hiệu quả logistics trong chuỗi cung ứng.
- Chi phí chuyển đổi trên mỗi đơn vị thịt heo tươi giảm 2,1% so với cùng kỳ năm trước, nhờ cải thiện hiệu suất chế biến và triển khai các sáng kiến giảm thiểu lãng phí.
- Tỷ lệ tối ưu heo thịt cho sản xuất thịt chế biến đạt 6,7% trong quý 4/2024, tăng từ 5,4% trong quý 4/2023, củng cố chiến lược tích hợp chuỗi giá trị của MML và khả năng tối ưu hóa nguyên liệu đầu vào.

Những cải tiến nâng cao hiệu suất này đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố lợi thế cạnh tranh của MML, giúp công ty cung cấp các sản phẩm thịt chất lượng cao với chi phí tối ưu, đồng thời mở rộng thị phần trong cả thị trường thịt tươi và thịt chế biến.

Masan High-Tech Materials

Doanh thu của Masan High-Tech Materials đạt 3.868 tỷ đồng trong quý 4/2024 và đạt 14.336 tỷ đồng trong năm tài chính 2024, tăng lần lượt 21,3% và 1,7% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù phải đối mặt với những thách thức trong vận hành, bao gồm gián đoạn dịch vụ nổ mìn tại Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và ảnh hưởng của bão Yagi đến năng suất khai thác, khiến quá trình tiếp cận quặng tại các khu vực khai thác lộ thiên bị trì hoãn, MHT vẫn ghi nhận sự cải thiện đáng kể trong quý 4/2024. Sản lượng của tất cả các sản phẩm đều tăng so với quý trước, cho thấy sự phục hồi và

khả năng thích ứng tốt của công ty trước các khó khăn vận hành. Doanh thu bán đồng trong năm tài chính 2024 đạt 1.442 tỷ đồng, ghi nhận mức cải thiện đáng kể. Việc gia tăng doanh số bán hàng cho khách hàng nội địa đã đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện dòng tiền tự do (free cash flow) và giảm nợ tồn đọng của công ty. Trong khuôn khổ chương trình "Fit for Future", MHT đã hoàn tất việc kí kết hợp đồng mới với nhà thầu khai thác mỏ và khoan nổ mìn, giúp giảm tới 10% chi phí khai thác so với các thỏa thuận trước đó. MHT cũng đang đánh giá các cơ hội tối ưu hóa chi phí tương tự cho các hợp đồng quan trọng khác. Vào ngày 18/12/2024, MHT công bố hoàn tất việc bán 100% cổ phần tại H.C. Starck Holding GmbH ("HCS") cho Mitsubishi Materials Corporation với giá trị cổ phần đạt 134,5 triệu USD. Thỏa thuận này bao gồm hợp đồng bao tiêu dài hạn đối với APT và oxit vonfram giữa MHT và HCS, đảm bảo lợi ích lâu dài cho cả hai bên và giúp MHT có nền tảng vững chắc để tối đa hóa khối lượng đơn hàng. Khoản tiền thu được từ thương vụ này sẽ giúp MHT giảm nợ từ khoảng 670 triệu USD xuống còn 490 triệu USD.

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh hiện tại của Tập đoàn Masan chủ yếu tập trung tại Việt Nam, và hiệu suất cũng như chất lượng tài sản của tập đoàn phụ thuộc lớn vào nền kinh tế Việt Nam. Do đó, trong tương lai, môi trường kinh tế tại Việt Nam có thể ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động của Tập đoàn Masan, bên cạnh các yếu tố bên ngoài, bao gồm diễn biến kinh tế tại châu Á và trên toàn cầu. Ngoài ra, các yếu tố kinh tế vĩ mô khác như mức chi tiêu cá nhân, xu hướng tiêu dùng, lạm phát, lãi suất, giá hàng hóa, gánh nặng nợ của người tiêu dùng và doanh nghiệp, cũng như khả năng tiếp cận tín dụng có thể tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Masan. Bên cạnh đó, các yếu tố bất ổn như dịch bệnh, chiến tranh quy mô lớn, khủng bố hoặc các sự kiện xã hội, địa lý, chính trị bất lợi khác cũng có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của tập đoàn.

Thị trường tiêu dùng tại Việt Nam được dự báo sẽ dần phục hồi vào năm 2025, nhờ dòng vốn FDI mạnh mẽ, các biện pháp kích thích kinh tế của chính phủ và sự cải thiện của các điều kiện kinh tế vĩ mô. Mặc dù chi tiêu tiêu dùng trong năm 2024 vẫn ở mức thấp, với tăng trưởng doanh số bán lẻ hàng tháng giảm 17%, nhưng các chỉ số đầu năm 2025 cho thấy tín hiệu phục hồi tiềm năng khi nền tảng kinh tế tiếp tục được củng cố. Chính sách

tài khóa của chính phủ, bao gồm gia hạn giảm thuế VAT, cắt giảm thuế và tăng 30% lương cơ sở cho khu vực công, được kỳ vọng sẽ kích thích nhu cầu trong nước vào năm 2025. Bên cạnh đó, sự tăng trưởng của thị trường bất động sản (+18,8% so với cùng kỳ năm trước năm 2024) là tín hiệu tích cực cho niềm tin tiêu dùng gia tăng, có thể dẫn đến mức chi tiêu cao hơn cho các mặt hàng không thiết yếu. Mặc dù các bất ổn kinh tế toàn cầu và xuất khẩu suy yếu vào cuối năm 2024, môi trường lạm phát thấp tại Việt Nam (CPI chỉ tăng 2,8% vào tháng 12/2024) vẫn hỗ trợ tăng trưởng thực tế của thu nhập và sức mua. Nếu thị trường lao động ổn định, tâm lý người tiêu dùng có thể cải thiện, thúc đẩy sự tăng trưởng mạnh mẽ hơn trong ngành bán lẻ và dịch vụ vào năm 2025. Dù vẫn còn nhiều thách thức, nhưng với mức thu nhập tăng, quá trình đô thị hóa và sự số hóa trong lĩnh vực bán lẻ, Việt Nam đang được định vị là một trong những thị trường tiêu dùng tiềm năng nhất tại Đông Nam Á trong năm 2025 và xa hơn nữa.

Về dài hạn, tiêu dùng tại Việt Nam được kỳ vọng sẽ tăng trưởng mạnh mẽ nhờ vào tầng lớp trung lưu trẻ và ngày càng am hiểu công nghệ. Nhóm người tiêu dùng này đang định hình những hành vi mới trong những gì họ tiêu dùng, nơi họ mua sắm và cách họ tiếp cận hàng hóa.

Cụ thể, ba xu hướng vĩ mô đang thay đổi bối cảnh tiêu dùng gồm:

- Cao cấp hóa sản phẩm & dịch vụ – Khách hàng tiêu thụ gì;
- Sự dịch chuyển nhanh chóng từ kênh bán lẻ truyền thống sang kênh bán lẻ hiện đại – Khách hàng mua sắm ở đâu;
- Tiếp cận sản phẩm & dịch vụ đa kênh – Khách hàng tiếp cận hàng hóa ra sao.

Để biết thêm thông tin về nền kinh tế Việt Nam và tác động của nó đến hoạt động kinh doanh hiện tại của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần "Tổng Quan Kinh Tế Vĩ Mô" trong Báo Cáo Của Ban Điều Hành.

Các phần sau đây cung cấp cái nhìn tổng quan và cập nhật về các lĩnh vực, ngành nghề mà Tập đoàn Masan cùng các đơn vị liên kết đang hoạt động.

Ngành Hàng Tiêu Dùng Nhanh (FMCG) của Việt Nam

Cơ Hội và Xu Hướng Chính trong Thị Trường FMCG tại Việt Nam

Theo Frost & Sullivan, thị trường hàng tiêu dùng nhanh (FMCG) tại Việt Nam đang trên đà tăng trưởng mạnh mẽ, được thúc đẩy bởi sự phát triển kinh tế vững chắc, thu nhập khả dụng gia tăng và sự thay đổi trong hành vi tiêu dùng. Ngành FMCG dự kiến sẽ đạt 58,4 tỷ USD vào năm 2029, với tốc độ tăng trưởng CAGR 9,7% từ năm 2024.

Sự mở rộng này được thúc đẩy bởi xu hướng cao cấp hóa, đô thị hóa, gia tăng tiêu dùng tại các thành phố cấp thấp hơn, sự ưa chuộng ngày càng tăng đối với các thương hiệu nội địa, dân số trẻ am hiểu công nghệ và xu hướng chuyển dịch sang tiêu dùng ngoài gia đình.

Người tiêu dùng ngày càng có xu hướng nâng cấp trải nghiệm đối với sản phẩm, dịch vụ yêu thích. Họ sẵn sàng chi trả cao hơn cho các thương hiệu đáng tin cậy, sản phẩm hướng đến sức khỏe, nguyên liệu có nguồn gốc rõ ràng và bao bì chất lượng cao. Xu hướng này được nhận thấy rõ rệt ở các ngành hàng gia vị, thực phẩm tiện lợi và đồ uống. Bên cạnh đó, tốc độ thị hóa nhanh chóng càng thúc đẩy xu hướng tiêu dùng mới này, khi lối sống năng động tại các thành phố làm gia tăng nhu cầu về sự tiện lợi, đa dạng sản phẩm phục vụ tiêu dùng ngoài gia đình và khả năng tiếp cận dễ dàng hơn của người tiêu dùng thông qua sự phát triển của các kênh bán lẻ hiện đại.

Một yếu tố khác, góp phần vào xu hướng tiêu dùng mới là sự tác động của thu nhập. Theo đó, ở các khu vực ngoài các trung tâm kinh tế truyền thống như Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, sự phân bổ thu nhập ngày càng gia tăng đã thúc đẩy xu hướng cao cấp hóa. Tại các khu vực còn lại trên cả nước (ngoại trừ Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh), thu nhập trung bình hàng tháng đã gần như tăng gấp đôi trong 5 năm qua, dẫn đến mức chi tiêu của người tiêu dùng cũng gia tăng đáng kể. Sự chuyển dịch này đặc biệt được thể hiện rõ nét trong ngành hàng chăm sóc gia đình và cá nhân, khi tỷ trọng doanh thu của các sản phẩm nước giặt trong tổng phân khúc chất tẩy rửa đã tăng mạnh từ dưới 1% lên khoảng 16% trong năm 2024.

Sự phát triển của tiếp thị số và thương mại điện tử cũng đang tái định hình hành vi mua sắm, giúp các thương hiệu kết nối hiệu quả hơn với nhóm người tiêu dùng trẻ. Bên cạnh đó, xu hướng tiêu dùng bền vững và quan tâm đến sức khỏe cũng đã và đang thúc đẩy hoạt động đổi mới sản phẩm, với việc các doanh nghiệp ngày càng tập trung vào bao bì thân thiện với môi trường, nguyên liệu tự nhiên và các sản phẩm chức năng để đáp ứng kỳ vọng ngày càng cao của người tiêu dùng.

Thị Trường Gia Vị: Xu hướng cao cấp hóa và những thay đổi trong thói quen tiêu dùng

Thị trường gia vị tại Việt Nam đang trải qua một giai đoạn chuyển đổi mạnh mẽ, với xu hướng cao cấp hóa và những thay đổi trong thói quen tiêu dùng đang định hình lại ngành. Năm 2024, quy mô thị trường ước đạt 1,3 tỷ USD, với tốc độ tăng trưởng dự báo CAGR 10,7% đến năm 2029. Nước mắm vẫn là phân khúc chiếm ưu thế, chiếm 44,9% tổng doanh số gia vị, nhưng nước tương, dầu hào và các loại sốt ớt đang ngày càng phổ biến, nhờ vào nhu cầu gia tăng của người tiêu dùng đối với các lựa chọn bữa ăn đa dạng và đậm đà hơn. Xu hướng cao cấp hóa đang trở nên rõ rệt khi người tiêu dùng chuyển sang các loại gia vị chất lượng cao và sản xuất thủ công, đặc biệt trong các phân khúc nước mắm và sốt ớt. Các thương hiệu nước mắm truyền thống hiện đang giới thiệu các sản phẩm ủ chượp lâu năm và không chứa phụ gia, thu hút người tiêu dùng quan tâm đến sức khỏe và nhóm khách hàng có thu nhập trung bình. Trong khi đó, sốt ớt và các loại gia vị cay đang trở thành sự lựa chọn ưa thích mới, đặc biệt trong giới trẻ và các hộ gia đình thành thị. Sự thay đổi này được thúc đẩy bởi sự tiếp cận ngày càng rộng rãi với ẩm thực quốc tế và xu hướng ưa chuộng thực phẩm cay đang gia tăng tại Việt Nam.

Sự gia tăng của xu hướng nấu ăn tiện lợi và gia vị hoàn chỉnh đang trở thành một động lực tăng trưởng quan trọng. Các loại sốt ướp, gia vị dạng lỏng và hỗn hợp gia vị pha sẵn ngày càng được ưa chuộng khi người tiêu dùng tìm kiếm giải pháp chế biến món ăn nhanh hơn mà vẫn đảm bảo hương vị thơm ngon. Các thương hiệu như Cholimex, Masan Consumer và Lee Kum Kee đang mở rộng danh mục sản phẩm với các loại sốt xào cay, nước chấm và gia vị kết hợp, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về sự đa dạng trong nấu nướng tại gia.

Thực Phẩm Tiện Lợi: Xu hướng cao cấp hóa và đổi mới trong thực phẩm thay thế bữa ăn tại nhà

Thị trường thực phẩm tiện lợi tại Việt Nam đang mở rộng nhanh chóng, được thúc đẩy bởi sự thay đổi lối sống, quá trình đô thị hóa gia tăng và nhu cầu ngày càng lớn đối với các sản phẩm ăn liền và thực phẩm thay thế bữa ăn tại nhà (Home Meal Replacement). Quy mô thị trường đạt 2,6 tỷ USD vào năm 2024 và dự kiến tăng trưởng với CAGR 10,6%

trong giai đoạn 2024 – 2029. Đặc biệt, phân khúc mì ăn liền cao cấp được dự báo tăng trưởng 12,7% mỗi năm từ 2024 đến 2029, vượt xa phân khúc phổ thông và đạt 1,4 tỷ USD vào năm 2029. Xu hướng cao cấp hóa trong phân khúc này đang trở nên rõ rệt, khi người tiêu dùng dần chuyển sang các lựa chọn thực phẩm lành mạnh hơn, chất lượng cao hơn và sáng tạo hơn. Phân khúc cao cấp, bao gồm mì ăn liền hữu cơ, bữa ăn đông lạnh giàu protein và thực phẩm thay thế bữa ăn ít carb, đang thu hút sự quan tâm đáng kể. Các thương hiệu hàng đầu như Masan Consumer (Omachi, Kokomi), Acecook (Hào Hào) và Uniben (3 Miền) đang đáp ứng xu hướng này bằng cách ra mắt các dòng mì cao cấp với topping thịt thật, nguyên liệu nhập khẩu và công thức không chứa bột ngọt.

Phân khúc thực phẩm thay thế bữa ăn tại nhà là một lĩnh vực tăng trưởng quan trọng, với các sản phẩm như bữa ăn đông lạnh lấy cảm hứng từ nhà hàng, lẩu tự sôi và bữa ăn sẵn ướp lạnh ngày càng trở nên phổ biến. Người tiêu dùng đang tìm kiếm giải pháp bữa ăn nhanh chóng nhưng vẫn đảm bảo chất lượng cao, thúc đẩy các doanh nghiệp đầu tư vào đổi mới công nghệ thực phẩm như bao bì tiết trùng giúp kéo dài thời gian bảo quản, bộ kit bữa ăn tươi đóng gói chân không và dinh dưỡng cá nhân hóa ứng dụng công nghệ AI. Nhìn về tương lai, các tiến bộ công nghệ trong chế biến thực phẩm sẽ thúc đẩy làn sóng đổi mới tiếp theo. Việc ứng dụng các công nghệ như sấy thăng hoa, tiết trùng áp suất cao (HPP) và phát triển protein có nguồn gốc thực vật sẽ đáp ứng sự thay đổi trong xu hướng ăn uống, đặc biệt là nhóm người tiêu dùng trẻ quan tâm đến sức khỏe.

Đồ Uống: Mở rộng nhu cầu tiêu dùng cho nước tăng lực, trà đóng chai và nước đóng chai

Nước tăng lực

Thị trường nước tăng lực tại Việt Nam vẫn là một trong những phân khúc đồ uống phát triển nhanh nhất, dự kiến đạt 2,6 tỷ USD vào năm 2029, với tốc độ tăng trưởng CAGR 7,3%. Phân khúc này được thúc đẩy bởi nhu cầu ngày càng tăng từ giới trẻ, bao gồm nhân viên văn phòng, sinh viên và vận động viên, những người tìm kiếm nguồn năng lượng nhanh chóng. Các thương hiệu lớn như Red Bull, Warrior và Sting chiếm ưu thế trên thị trường, với các hương vị địa phương, biến thể không đường và công thức bổ sung vitamin trở thành những xu hướng chủ đạo.

Cạnh tranh trong phân khúc này đang ngày càng gay gắt, với các thương hiệu mới tập trung vào dòng nước uống chức năng lành mạnh, chứa nhân sâm, collagen và phức hợp vitamin B. Sự phát triển của thương mại điện tử và mô hình bán hàng trực tiếp đến người tiêu dùng cũng đang thay đổi cách thức tiếp thị và phân phối nước tăng lực, tạo ra những cơ hội mới và thách thức lớn hơn cho các thương hiệu.

Trà đóng chai (Ready to Drink)

Thị trường trà đóng chai (RTD tea) tại Việt Nam đang phục hồi mạnh mẽ khi người tiêu dùng tìm kiếm các lựa chọn lành mạnh hơn so với nước ngọt có ga. Các thương hiệu dẫn đầu phân khúc như Tân Hiệp Phát (Dr. Thanh), Suntory PepsiCo (Tea+) và Coca-Cola (Fuzetea) đang tập trung vào các dòng trà ít đường, trà thảo mộc và trà chức năng. Các loại trà đóng chai có nền tảng từ trà xanh và trà ô long đặc biệt được ưa chuộng, phù hợp với xu hướng tiêu thụ sản phẩm giàu chất chống oxy hóa tự nhiên và có tác dụng thanh lọc cơ thể. Thị trường trà đóng chai đạt 2,2 tỷ USD vào năm 2024 và dự kiến tăng trưởng với CAGR 11,5% trong giai đoạn 2024 – 2029.

Nước đóng chai

Thị trường nước đóng chai đạt quy mô 625 triệu USD vào năm 2024 và dự kiến tăng trưởng với CAGR 16,1% trong giai đoạn 2024 – 2029. Thị trường đang trải qua sự cao cấp hóa đáng kể, với nhu cầu ngày càng tăng đối với nước khoáng tăng cường và nước bổ sung điện giải. Các thương hiệu hàng đầu như La Vie (Nestlé), Aquafina (PepsiCo) và I-on Life đang giới thiệu nước kiềm và các công thức tăng cường miễn dịch nhằm thu hút người tiêu dùng quan tâm đến sức khỏe. Tính bền vững cũng là một trọng tâm quan trọng, với các doanh nghiệp đầu tư vào bao bì có thể tái chế và công nghệ lọc nước tiên tiến.

Cà phê: Xu hướng đổi mới sản phẩm đang tăng trưởng mạnh mẽ

Cà phê là một phần không thể thiếu trong văn hóa Việt Nam, và Việt Nam hiện là nước sản xuất cà phê lớn thứ hai thế giới. Các loại cà phê truyền thống như cà phê phin, cà phê sữa đá và cà phê trứng đã trở thành biểu tượng không thể thay thế, trong khi cà phê hòa tan ngày càng được ưa chuộng như một lựa chọn tiện lợi, đặc biệt đối với người trẻ

bận rộn và sinh viên. Sự phổ biến của cà phê như một hoạt động xã hội cũng đang góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng của thị trường. Các nhà sản xuất đang đổi mới sản phẩm để đáp ứng thị hiếu đa dạng của người tiêu dùng. Dòng sản phẩm cà phê hòa tan với hương vị cappuccino, latte, mocha và caramel đã giúp cà phê hòa tan trở nên hấp dẫn hơn với nhiều đối tượng khách hàng, đặc biệt là thế hệ trẻ. Đồng thời, việc tùy chỉnh hương vị theo sở thích vùng miền cũng đang được các thương hiệu chú trọng. Nhận thức về sức khỏe của người tiêu dùng Việt Nam ngày càng tăng, kéo theo nhu cầu cao hơn đối với các sản phẩm cà phê lành mạnh, chẳng hạn như cà phê hòa tan không đường hoặc ít calo. Một số nhà sản xuất đã giới thiệu cà phê hòa tan cao cấp, bổ sung các thành phần chức năng như vitamin, khoáng chất hoặc adaptogen, nhằm thu hút người tiêu dùng quan tâm đến sức khỏe, những người tìm kiếm đồ uống vừa hỗ trợ thể chất vừa tăng cường năng lượng. Khi thu nhập tăng lên, người tiêu dùng ngày càng sẵn sàng chi tiêu nhiều hơn cho các sản phẩm cà phê cao cấp, chẳng hạn như cà phê đặc sản rang xay (R&G) hoặc cà phê pha tươi. Cà phê không còn chỉ là một thức uống đơn thuần mà đang dần trở thành một sản phẩm xa xỉ, gắn liền với phong cách sống tinh tế. Với nhận thức về sức khỏe ngày càng gia tăng trong người tiêu dùng Việt Nam, nhu cầu đối với các lựa chọn cà phê lành mạnh—chẳng hạn như cà phê hòa tan không đường hoặc ít calo—đang tăng trưởng mạnh. Một số nhà sản xuất đang giới thiệu các sản phẩm cà phê hòa tan cao cấp, được bổ sung các thành phần chức năng như vitamin, khoáng chất hoặc adaptogen, nhằm thu hút người tiêu dùng quan tâm đến sức khỏe, những người tìm kiếm đồ uống hỗ trợ thể chất và tăng cường năng lượng. Cà phê đang dần chuyển mình từ một loại đồ uống đơn giản thành một sản phẩm cao cấp, được thưởng thức như một phần quan trọng của lối sống tinh tế. Thị trường cà phê hòa tan tại Việt Nam đạt 584 triệu USD vào năm 2024 và dự kiến sẽ tăng trưởng với CAGR 6,7% trong giai đoạn 2024 – 2029.

Chăm Sóc Gia Đình & Cá nhân: Sản phẩm giá phải chăng thúc đẩy tăng trưởng

Thị trường hàng tiêu dùng chăm sóc gia đình và cá nhân (HPC) tại Việt Nam đạt 2,7 tỷ USD và dự kiến tăng trưởng với CAGR 6,9% trong giai đoạn 2024-2029, trong đó các sản phẩm có giá trị phù hợp (value-for-money) đóng vai trò quan trọng trong quyết định mua sắm của người tiêu dùng. Mặc dù xu hướng cao cấp hóa đang diễn ra trong một số

phân khúc ngách, đa số người tiêu dùng vẫn nhạy cảm với giá cả và ưu tiên các giải pháp chất lượng cao nhưng có mức giá hợp lý để đáp ứng nhu cầu hàng ngày. Sự tăng trưởng nhanh chóng của ngành hàng nước giặt phổ thông cho thấy người tiêu dùng đang nâng cấp lựa chọn để hưởng lợi các tính năng vượt trội, đồng thời vẫn ưu tiên tính kinh tế và giữ sự nhạy cảm về giá đối với các thương hiệu phổ thông.

Các thương hiệu hàng đầu như Unilever (OMO, Dove, Lifebuoy), P&G (Pantene, Tide) và các doanh nghiệp nội địa như Masan Consumer (Homey, Sopa, Santoso, Net, Chanté) đang tập trung vào các sản phẩm có dung tích lớn, có thể nạp lại (refill) và sản phẩm đa chức năng nhằm tối ưu hóa chi phí cho người tiêu dùng. Sự gia tăng của các thương hiệu nhãn riêng (private-label brands) tại các chuỗi bán lẻ hiện đại cũng đang làm gia tăng cạnh tranh, khi siêu thị và nền tảng thương mại điện tử liên tục tung ra các sản phẩm giá rẻ cạnh tranh trực tiếp với các thương hiệu toàn cầu thuộc các tập đoàn đa quốc gia như Unilever và P&G.

Các sản phẩm chăm sóc nhà cửa thân thiện với môi trường và có nguồn gốc từ thiên nhiên đang ngày càng thu hút sự quan tâm, trong bối cảnh người tiêu dùng đang dần ý thức hơn về môi trường. Chất tẩy rửa sinh học, nước rửa chén chiết xuất từ thực vật và bao bì có thể nạp lại dự kiến sẽ được áp dụng rộng rãi hơn trong những năm tới, đáp ứng xu hướng tiêu dùng bền vững.

Ngành Bán lẻ của Việt Nam

Ngành bán lẻ thực phẩm tại Việt Nam đang trên đà tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2024, được thúc đẩy bởi quá trình đô thị hóa gia tăng, thu nhập khả dụng cao hơn và sự thay đổi trong xu hướng tiêu dùng theo hướng chuộng các mô hình bán lẻ hiện đại. Các siêu thị, đại siêu thị và cửa hàng tiện lợi dự kiến sẽ tiếp tục mở rộng để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về sự tiện lợi, chất lượng và đa dạng sản phẩm.

Theo Euromonitor, kênh bán lẻ hiện đại đã tăng tốc trở lại trong năm 2024 sau một năm 2023 đầy thách thức, nâng tỷ trọng trong tổng giá trị bán lẻ thực phẩm từ 11,7% năm 2023 lên 12,3% năm 2024. Đặc biệt, minimart và các mô hình bán lẻ hiện đại quy mô nhỏ sẽ duy trì mức tăng trưởng mạnh, tận dụng lợi thế về vị trí và mô hình phục vụ nhanh để thu hút người tiêu dùng trẻ, có ít thời gian mua sắm. Tăng trưởng kinh tế sẽ là động lực chính thúc đẩy sự mở rộng của ngành bán lẻ. Dự báo GDP Việt Nam sẽ tăng 6,9% trong

năm 2024 và 7,2% trong năm 2025, tạo môi trường thuận lợi cho chi tiêu bán lẻ gia tăng. Thu nhập hộ gia đình tăng và niềm tin tiêu dùng được cải thiện sẽ góp phần nâng cao mức chi tiêu thực phẩm bình quân đầu người. Đồng thời, sự phục hồi của tiêu dùng nội địa, được hỗ trợ bởi sự phát triển của ngành sản xuất và du lịch, cũng sẽ thúc đẩy hoạt động bán lẻ. Sự mở rộng của các chuỗi bán lẻ thực phẩm hiện đại cũng đóng vai trò quan trọng. Các chuỗi siêu thị và đại siêu thị lớn như WinMart, GO! (Big C) và Co.opmart đang đẩy mạnh mở cửa hàng mới và nâng cấp mô hình kinh doanh để cải thiện trải nghiệm khách hàng. Trong khi đó, các chuỗi cửa hàng tiện lợi và cửa hàng thực phẩm quy mô nhỏ như WinMart+, Bách Hóa Xanh, Circle K, FamilyMart và 7-Eleven đang mở rộng nhanh chóng tại các khu đô thị, kết hợp các giải pháp số hóa để tăng cường tương tác với khách hàng. Các chính sách và ưu đãi của chính phủ dự kiến sẽ tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng trong ngành. Việc tăng chi tiêu công, với kế hoạch tăng 30% đầu tư vào cơ sở hạ tầng vào năm 2025, sẽ giúp cải thiện hệ thống logistics và mạng lưới phân phối, làm cho bán lẻ thực phẩm hiện đại trở nên hiệu quả và dễ tiếp cận hơn. Ngoài ra, các biện pháp hỗ trợ người tiêu dùng, chẳng hạn như giảm thuế VAT và các sự kiện khuyến mãi quy mô lớn như Vietnam Grand Sales 2024, sẽ thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng, khuyến khích tăng chi tiêu trong lĩnh vực bán lẻ. Chuyển đổi số cũng sẽ tái định hình thị trường bán lẻ thực phẩm. Doanh số bán lẻ thực phẩm trực tuyến dự báo sẽ tăng trưởng mạnh mẽ, khi các nhà bán lẻ lớn hợp tác với các nền tảng thương mại điện tử như Shopee, Lazada và Tiki để mở rộng phạm vi tiếp cận khách hàng. Đồng thời, việc áp dụng thanh toán kỹ thuật số đang gia tăng, với các giao dịch qua mã QR và thanh toán di động ngày càng phổ biến, ngay cả trong các cửa hàng tạp hóa nhỏ lẻ. Xu hướng bán lẻ đa kênh (omnichannel retailing)—tích hợp liền mạch trải nghiệm mua sắm trực tuyến và trực tiếp—sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì khả năng cạnh tranh trong một thị trường đang thay đổi nhanh chóng.

Tuy mang triển vọng tăng trưởng mạnh mẽ, các nhà bán lẻ thực phẩm hiện đại sẽ đối mặt với nhiều thách thức. Chợ truyền thống và các cửa hàng tạp hóa nhỏ lẻ vẫn chiếm một tỷ trọng đáng kể trong tổng doanh số bán lẻ thực phẩm, đặc biệt tại các khu vực nông thôn. Sự gia tăng của thương mại điện tử và mô hình quick-commerce, cung cấp dịch vụ giao hàng thực phẩm siêu tốc, cũng có thể tạo áp lực cạnh tranh đối với các nhà bán lẻ truyền thống nếu họ không thích ứng kịp với xu hướng tiêu dùng mới. Ngoài ra,

những bất ổn kinh tế toàn cầu, bao gồm căng thẳng thương mại, áp lực lạm phát và rủi ro địa chính trị, có thể tác động đến chi phí nhập khẩu hàng hóa và ảnh hưởng đến tâm lý tiêu dùng tổng thể. Nhìn về tương lai, ngành bán lẻ thực phẩm hiện đại tại Việt Nam dự kiến sẽ tiếp tục mở rộng mạnh mẽ, vượt xa các mô hình truyền thống. Đầu tư vào logistics, số hóa chuỗi cung ứng và ứng dụng công nghệ trong bán lẻ sẽ là những yếu tố then chốt định hình sự phát triển của ngành. Thị hiếu tiêu dùng sẽ tiếp tục dịch chuyển sang sản phẩm tươi, hữu cơ và nhập khẩu, thúc đẩy siêu thị đa dạng hóa danh mục sản phẩm để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao. Ngoài ra, quá trình hợp nhất thị trường có thể diễn ra mạnh hơn, khi các chuỗi bán lẻ lớn tiến hành mua lại hoặc sáp nhập với các doanh nghiệp nhỏ hơn để củng cố vị thế trên thị trường.

Nhìn tổng quan, thị trường bán lẻ thực phẩm tại Việt Nam đang trải qua một giai đoạn chuyển đổi mạnh mẽ, với các mô hình bán lẻ hiện đại ngày càng giữ vai trò chủ đạo. Khi tốc độ số hóa tăng nhanh và quá trình đô thị hóa tiếp tục diễn ra, các nhà bán lẻ có thể tích hợp hiệu quả giữa mô hình trực tuyến và trực tiếp, đồng thời đáp ứng nhu cầu tiêu dùng đang thay đổi, sẽ có lợi thế cạnh tranh bền vững và hướng đến thành công dài hạn trong thị trường đầy tiềm năng này.

Ngành Trà và Cà phê Việt Nam

Theo Euromonitor, thị trường chuỗi cà phê/quán bar dự kiến đạt 21.250 tỷ đồng vào năm 2024, trong bối cảnh tổng thị trường cà phê/quán bar có giá trị 114.929 tỷ đồng. Thị trường chuỗi cà phê/quán bar được kỳ vọng sẽ tăng lên 33.013 tỷ đồng vào năm 2028.

Sự tăng trưởng của các chuỗi cà phê và trà chuyên biệt được thúc đẩy bởi nhu cầu ngày càng cao đối với trải nghiệm cà phê cao cấp, đặc biệt trong nhóm millennials và Gen Z tại thành thị. Nhiều chuỗi mở rộng mạnh mẽ vào những khu vực trước đây chưa được phục vụ đầy đủ, trong khi các quán cà phê độc lập cũng phát triển ổn định nhờ vào thực đơn độc đáo, phong cách trang trí theo chủ đề và chiến lược tiếp thị trên mạng xã hội.

Mô hình cà phê đa tiện ích (one-stop café) đang ngày càng phổ biến, tích hợp quán cà phê với các yếu tố giải trí như triển lãm, không gian làm việc chung và khu vực bán lẻ. Một ví dụ điển hình là Coffee Village của Trung Nguyên Legend, kết hợp giữa quán cà phê, bảo tàng và cửa hàng bán lẻ, tạo nên trải nghiệm hoàn toàn mới cho khách hàng.

Nhìn về tương lai, thị trường chuỗi cà phê và trà dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh. Số lượng cửa hàng chuỗi cà phê và quán bar dự báo sẽ tăng từ 6.472 vào năm 2024 lên 8.762 vào năm 2028. Một số yếu tố chính thúc đẩy sự phát triển này bao gồm:

Mức giá hợp lý vẫn là lợi thế quan trọng, giúp cà phê và trà trở thành một "xa xỉ phẩm dễ tiếp cận" với nhiều phân khúc khách hàng.

Tiếp thị kỹ thuật số và ảnh hưởng từ mạng xã hội sẽ đóng vai trò quan trọng hơn trong định vị thương hiệu, với TikTok, Facebook và Zalo góp phần định hình xu hướng tiêu dùng.

Dịch vụ giao hàng trực tuyến thông qua các nền tảng như Shopee Food và Grab sẽ tiếp tục mở rộng, giúp nâng cao sức cạnh tranh cho các quán cà phê nhỏ lẻ.

Mặc dù triển vọng tích cực, thị trường vẫn đối mặt với một số thách thức. Áp lực lạm phát và giá hàng hóa tăng cao đã khiến một số chuỗi cà phê lớn phải điều chỉnh chiến lược. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh khốc liệt từ các quán cà phê độc lập và các thương hiệu mới sẽ đòi hỏi các thương hiệu không ngừng đổi mới để duy trì vị thế trên thị trường.

Tính bền vững cũng sẽ trở thành một yếu tố khác biệt quan trọng, với nhiều chuỗi cà phê chuyển sang sử dụng bao bì thân thiện với môi trường và thiết kế cửa hàng xanh, phù hợp với giá trị tiêu dùng đang thay đổi của khách hàng.

Tóm lại, thị trường chuỗi cà phê và trà tại Việt Nam đang trên đà phát triển mạnh mẽ trong năm 2025 và những năm tiếp theo. Đầu tư vào mở rộng cửa hàng, chuyển đổi số và trải nghiệm mua sắm sẽ là động lực tăng trưởng dài hạn. Những thương hiệu khai thác tốt lợi thế về giá cả, tương tác kỹ thuật số và tính bền vững sẽ có cơ hội dẫn đầu trong thị trường sôi động này.

Ngành Thịt Việt Nam

Thị Trường Thịt Tươi (Heo và Gà)

Theo Euromonitor, thị trường thịt tươi tại Việt Nam tiếp tục là một thành phần quan trọng trong ngành thực phẩm quốc gia, với tổng lượng tiêu thụ thịt đạt 4,9 triệu tấn vào năm 2024, tăng 5% so với năm trước. Thịt heo vẫn là loại thịt được tiêu thụ nhiều nhất, chiếm 3,07 triệu tấn, trong khi gia cầm đứng thứ hai với 1,25 triệu tấn, tăng 5,9% so với cùng kỳ năm trước.

Mặc dù thị trường tiếp tục tăng trưởng, ngành chăn nuôi heo đang đối mặt với những thách thức lớn, đặc biệt là dịch tả heo châu Phi (ASF), gây gián đoạn nguồn cung và

khiến giá thịt heo biến động mạnh. Từ đầu năm 2024, ASF đã bùng phát tại 44 tỉnh thành, dẫn đến việc tiêu hủy hơn 39.000 con heo, gấp ba lần so với năm 2023. Những gián đoạn này đã làm giá thịt heo tăng cao và nguồn cung hạn chế, thúc đẩy sự dịch chuyển sang các mô hình chăn nuôi công nghiệp hiện đại, an toàn sinh học.

Các doanh nghiệp chăn nuôi quy mô lớn như CP Việt Nam, Dabaco và Masan MEATLife tiếp tục mở rộng hoạt động, hướng đến mô hình chăn nuôi công nghiệp khép kín. Những công ty này hưởng lợi từ các chính sách của chính phủ ưu tiên chăn nuôi sạch và bền vững, đẩy các trang trại nhỏ lẻ ra khỏi thị trường. Xu hướng này sẽ tăng tốc trong năm 2025, khi các quy định mới cấm chăn nuôi trong khu vực đô thị, củng cố sự thống lĩnh của các doanh nghiệp lớn trong ngành.

Ngược lại, ngành chăn nuôi gia cầm có khả năng chống chịu tốt hơn trước dịch bệnh và ngày càng được ưa chuộng do chi phí thấp hơn và chuỗi cung ứng ổn định hơn.

Dự báo trong tương lai, tổng thị trường thịt Việt Nam sẽ tăng trưởng với CAGR 4%, đạt 6,1 triệu tấn vào năm 2029. Mặc dù thịt heo vẫn duy trì vị thế là loại thịt được tiêu thụ nhiều nhất, gia cầm dự kiến sẽ tăng trưởng nhanh hơn nhờ vào giá cả phải chăng và sự hỗ trợ của chính phủ đối với sản xuất trong nước.

Thị Trường Thịt Chế Biến (xúc xích và đồ ăn nhẹ dành cho trẻ em)

Thị trường thịt chế biến tại Việt Nam đang ghi nhận tăng trưởng ổn định ở mức trung bình, được thúc đẩy bởi nhu cầu ngày càng cao đối với thực phẩm tiện lợi và sự thay đổi trong xu hướng tiêu dùng. Năm 2024, tổng giá trị thị trường thịt chế biến đạt 5.000 tỷ đồng, trong đó thịt chế biến đông lạnh và làm mát có sự tăng trưởng mạnh mẽ, lần lượt đạt 4,5% và 5,8%. Thị trường này hiện đang được dẫn dắt bởi các thương hiệu lớn như Vissan, CP Vietnam và MEATDeli của Masan MEATLife, tất cả đều tận dụng mạng lưới phân phối rộng khắp và sức mạnh thương hiệu để mở rộng thị phần.

Xúc xích và đồ ăn nhẹ từ thịt dành cho trẻ em là một phân khúc tăng trưởng nhanh, đặc biệt phổ biến trong nhóm người tiêu dùng thành thị. Các công ty như Duc Viet (Daesang Corp) và Masan MEATLife đã mở rộng danh mục sản phẩm với các loại thịt chế biến tiện lợi, phù hợp với trẻ em, chẳng hạn như xúc xích Ponnie hot dog giòn và chả bì que, chả cốm theo phong cách Việt Nam. Các sản phẩm này có mức giá hợp lý (~8.000 đồng /cây) và được quảng bá như một món ăn nhẹ giàu protein, tiện lợi cho các gia đình bận rộn.

Phân phối đa kênh là yếu tố quan trọng thúc đẩy tăng trưởng, với các thương hiệu lớn mở rộng sang thương mại điện tử và chuỗi cửa hàng tiện lợi. Ví dụ, Vissan đã củng cố sự hiện diện trên các nền tảng như Lazada, TikTok và trang web của riêng công ty, trong khi các chuỗi tiện lợi như GS25 và Ministop cung cấp các sản phẩm thịt ăn nhẹ được thiết kế riêng cho thế hệ Gen Z.

Dự báo cho năm 2025, thị trường thịt chế biến dự kiến tăng trưởng với CAGR 6%, đạt 17,7 nghìn tỷ đồng vào năm 2029. Xu hướng cao cấp hóa sản phẩm, phát triển bền vững và các giải pháp bữa ăn sẵn sàng sẽ định hình thị trường, với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các thương hiệu trong nước và quốc tế. Tuy nhiên, chi phí sản xuất tăng cao và mức độ nhạy cảm về giá của người tiêu dùng vẫn là những thách thức lớn mà các nhà sản xuất cần giải quyết để duy trì lợi nhuận và mở rộng thị trường.

Ngành Ngân hàng Việt Nam

Ngành ngân hàng Việt Nam năm 2024 tiếp tục hưởng lợi từ sự phục hồi kinh tế, nhu cầu tín dụng cải thiện và sự hỗ trợ từ chính sách điều tiết. Với tốc độ tăng trưởng GDP dự báo đạt 6,9% vào năm 2024 và 7,2% vào năm 2025, ngành ngân hàng dự kiến sẽ mở rộng ổn định, đặc biệt trong các lĩnh vực tín dụng bán lẻ, ngân hàng doanh nghiệp và dịch vụ tài chính số.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng, với kỳ vọng sẽ tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong năm 2025. NHNN có thể tăng trần lãi suất huy động đối với kỳ hạn dưới sáu tháng thêm 25 điểm cơ bản vào cuối năm 2025 nhằm khuyến khích tiết kiệm, đồng thời giữ mức lãi suất cho vay cạnh tranh. Chính sách này sẽ duy trì tăng trưởng tín dụng, dự báo đạt 14% vào năm 2024 và 15-16% vào năm 2025, được thúc đẩy bởi tín dụng doanh nghiệp và tín dụng tiêu dùng.

Sự phục hồi của thị trường bất động sản là một yếu tố quan trọng định hình hiệu suất ngành ngân hàng. Với khối lượng giao dịch phục hồi từ quý 4/2024 và tiếp tục gia tăng trong năm 2025, các ngân hàng có tỷ trọng cho vay bất động sản lớn dự kiến sẽ ghi nhận rủi ro tín dụng giảm và chất lượng khoản vay được cải thiện. Tuy nhiên, nợ xấu (NPLs) vẫn là một vấn đề đáng lo ngại, đặc biệt đối với các ngân hàng có mức độ tiếp xúc cao với các nhà phát triển bất động sản tầm trung và tín dụng tiêu dùng. Để giảm thiểu rủi ro, các ngân hàng đang chuyển hướng sang cho vay có tài sản đảm bảo, tập trung vào

khách hàng chất lượng cao, đồng thời mở rộng tài trợ chuỗi cung ứng và dịch vụ ngân hàng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME banking).

Ngân hàng số đang phát triển nhanh chóng, với giao dịch qua di động tăng hơn 40% so với cùng kỳ năm trước tính đến năm 2024. Các ngân hàng dẫn đầu đang đầu tư mạnh vào các giải pháp ngân hàng số dựa trên AI, trong khi ví điện tử và các công ty fintech tiếp tục tạo ra sự thay đổi trong mô hình ngân hàng truyền thống. Sự thúc đẩy của chính phủ đối với thanh toán không dùng tiền mặt và khung Open Banking sẽ tiếp tục tăng tốc quá trình chuyển đổi số của ngành.

Nhìn về năm 2025, lợi nhuận của ngành ngân hàng dự kiến sẽ cải thiện, được hỗ trợ bởi tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ, chi phí vốn thấp hơn và chất lượng tài sản được nâng cao. Tuy nhiên, rủi ro địa chính trị, áp lực lạm phát và bất ổn kinh tế toàn cầu có thể gây ra những thách thức bên ngoài. Nếu Mỹ tăng thuế đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam, điều này có thể tác động gián tiếp đến dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), vốn đóng vai trò quan trọng trong thanh khoản ngân hàng và tài trợ thương mại.

Nhìn tổng quan, ngành ngân hàng Việt Nam được định vị tốt để tăng trưởng ổn định trong giai đoạn 2024-2025, nhờ vào sự vững vàng của nền kinh tế, sự ổn định của thị trường bất động sản và quá trình chuyển đổi số. Các ngân hàng quản lý rủi ro hiệu quả, đổi mới trong lĩnh vực ngân hàng số và mở rộng tín dụng vào các ngành bền vững nhiều khả năng sẽ dẫn đầu trong bối cảnh tài chính đang thay đổi.

Ngành Công Nghiệp Vonfram Toàn Cầu

Năm 2024, thị trường vonfram toàn cầu ghi nhận biến động đáng kể do hạn chế nguồn cung, căng thẳng địa chính trị và nhu cầu công nghiệp thay đổi. Giá trị thị trường đạt khoảng 5,66 tỷ USD, với dự báo sẽ tăng lên 6,22 tỷ USD vào năm 2025, tương ứng với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) ở mức 9,8%.

Nửa đầu năm 2024, giá vonfram ghi nhận xu hướng tăng ổn định. Tại Trung Quốc, giá tinh quặng vonfram đạt mức cao nhất trong một thập kỷ vào tháng 5, với tinh quặng wolframite 65% WO₃ chạm mức 21.600 USD/tấn. Đợt tăng giá này, tương đương mức tăng 24% so với đầu năm, chủ yếu do tình trạng khan hiếm nguồn cung và hoạt động đầu cơ.

Tại Bắc Mỹ, thị trường vonfram vẫn duy trì sự ổn định, bất chấp những thách thức trong chuỗi cung ứng. Đến tháng 12/2024, giá thanh vonfram W-4 (99,9%) CFR San Diego đạt 87.800 USD/tấn, tăng 0,5% so với quý trước. Sự ổn định này được hỗ trợ bởi chiến lược mua hàng hợp lý và nhu cầu mạnh mẽ từ các ngành hàng không vũ trụ và quốc phòng. Trung Quốc tiếp tục giữ vị thế thống lĩnh trong sản xuất vonfram, chiếm hơn 80% nguồn cung toàn cầu vào năm 2023. Tuy nhiên, đầu năm 2024, chính phủ Trung Quốc đã giảm hạn ngạch khai thác vonfram xuống 1,6%, đánh dấu mức cắt giảm đầu tiên kể từ năm 2019. Chính sách này, cùng với các cuộc thanh tra môi trường nghiêm ngặt dẫn đến việc đóng cửa nhiều mỏ, đã làm trầm trọng thêm tình trạng khan hiếm nguồn cung. Để ứng phó với sự thiếu hụt này, các nhà sản xuất trung nguồn và hạ nguồn đã tìm kiếm nguồn nguyên liệu thay thế. Đáng chú ý, nhập khẩu quặng và tinh quặng vonfram của Trung Quốc trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 5/2024 đã tăng hơn gấp đôi so với cùng kỳ năm trước, cho thấy một sự dịch chuyển chiến lược nhằm giảm thiểu tình trạng thiếu hụt trong nước.

Những căng thẳng địa chính trị đã tác động sâu sắc đến thị trường vonfram trong năm 2024. Vào tháng 12, chính quyền Biden công bố việc tăng mạnh thuế nhập khẩu đối với hàng hóa từ Trung Quốc, nâng thuế suất đối với một số sản phẩm vonfram từ 0% lên 25%, có hiệu lực từ ngày 1/1/2025. Đáp lại, Trung Quốc áp đặt kiểm soát xuất khẩu đối với các khoáng sản quan trọng, bao gồm vonfram, vào tháng 2/2025, khiến nguồn cung toàn cầu tiếp tục thắt chặt. Những thay đổi chính sách này, được thúc đẩy bởi các lo ngại về an ninh quốc gia, dự kiến sẽ tạo ra tình trạng khan hiếm nguồn cung và đẩy giá vonfram toàn cầu tăng cao, định hình lại bối cảnh cạnh tranh cho các ngành công nghiệp chủ chốt phụ thuộc vào vật liệu thiết yếu này.

Ngành ô tô nổi lên như một động lực chính thúc đẩy nhu cầu vonfram. Ứng dụng của vonfram trong sản xuất các bộ phận bền, chẳng hạn như dụng cụ cắt và linh kiện chống mài mòn, phù hợp với xu hướng phát triển của ngành công nghiệp ô tô. Dự báo cho thấy thị trường vonfram sẽ đạt 8,92 tỷ USD vào năm 2029, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) ở mức 9,4%, được hỗ trợ bởi sự tiến bộ trong công nghệ ô tô và phát triển cơ sở hạ tầng.

Bên cạnh đó, ngành hàng không vũ trụ và quốc phòng cũng đóng góp vào nhu cầu tiêu thụ vonfram, tận dụng đặc tính chịu nhiệt và độ bền cao của kim loại này để sản xuất vật

liệu hiệu suất cao. Ngành điện tử cũng duy trì mức tiêu thụ ổn định, nhờ vào tính dẫn điện và độ bền vượt trội của vonfram trong nhiều ứng dụng khác nhau.

Triển vọng thị trường vonfram tiếp tục tăng trưởng, được thúc đẩy bởi công nghệ đổi mới và sự mở rộng ứng dụng trong nhiều ngành công nghiệp. Tuy nhiên, các bên liên quan cần đối mặt với những thách thức từ căng thẳng địa chính trị và rủi ro chuỗi cung ứng. Đa dạng hóa nguồn cung và đầu tư vào các phương pháp sản xuất bền vững sẽ là chiến lược quan trọng để duy trì sự ổn định của thị trường và đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng đối với vonfram trên toàn cầu.

Những Yếu tố ảnh hưởng đến Kinh Doanh và Vận hành

Chúng tôi là một công ty mẹ, với tài sản chính là cổ phần tại các công ty mà chúng tôi sở hữu, chủ yếu bao gồm:

- i) Công ty TNHH The Sherpa ("The Sherpa"), hiện đang nắm giữ lợi ích của chúng tôi tại The CrownX Corporation ("TCX"), Công ty Cổ phần Mobicast ("Mobicast") và Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage ("Phuc Long Heritage").
- ii) The CrownX Corporation, công ty sở hữu nền tảng tiêu dùng - bán lẻ, qua đó gián tiếp nắm giữ lợi ích tại Masan Consumer Holdings, Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Masan ("MCH"), và Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp VCM;
- iii) Masan Consumer Holdings, công ty hiện đang sở hữu lợi ích của chúng tôi trong lĩnh vực thực phẩm và đồ uống có thương hiệu, cũng như ngành hàng chăm sóc gia đình và cá nhân, bao gồm Công ty TNHH Masan Brewery ("MB") và Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Masan ("MCH"), công ty này gián tiếp nắm giữ cổ phần tại Công ty Cổ phần Bột Giặt NET ("NET");
- iv) Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp VCM, công ty sở hữu lợi ích của chúng tôi tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp WinCommerce ("WCM"), đơn vị vận hành chuỗi bán lẻ hiện đại như minimart và siêu thị;

v) Công ty Cổ phần Masan MEATLife ("MML"), một doanh nghiệp sản xuất thịt có thương hiệu tích hợp, sở hữu lợi ích tại MNS Meat, mảng kinh doanh thịt heo có thương hiệu tích hợp, và 3F VIET, mảng kinh doanh thịt gà có thương hiệu tích hợp, đồng thời nắm giữ cổ phần liên kết tại Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản ("VISSAN");

vi) Công ty TNHH Masan Horizon, công ty nắm giữ lợi ích của chúng tôi tại Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials ("MHT"), công ty này sở hữu lợi ích tại Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo ("NPMC");

vii) Công ty liên kết của chúng tôi là Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam ("Techcombank" hoặc "TCB"). Do đó, các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các công ty này cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động và triển vọng của chúng tôi.

Tính đến ngày 31/12/2024, chúng tôi sở hữu 100% lợi ích kinh tế tại The Sherpa. The Sherpa trực tiếp và gián tiếp sở hữu 85% lợi ích kinh tế tại Phúc Long Heritage và 70% lợi ích kinh tế tại Mobicast. Những biến động trong hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động và triển vọng của The Sherpa sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chúng tôi.

The Sherpa sở hữu 72,7% lợi ích kinh tế tại The CrownX tính đến ngày 31/12/2024, trong khi Masan Group gián tiếp sở hữu 12,2% lợi ích kinh tế tại The CrownX, dẫn đến tỷ lệ sở hữu thực tế là 84,9%.

Chúng tôi sở hữu 67,4% lợi ích kinh tế tại MCH tính đến ngày 31/12/2024. Những biến động trong hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động và triển vọng của MCH sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chúng tôi.

Chúng tôi sở hữu 78,7% lợi ích kinh tế tại WCM tính đến ngày 31/12/2024. Những biến động trong hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động và triển vọng của WCM sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chúng tôi.

Chúng tôi sở hữu 94,3% lợi ích kinh tế tại MML tính đến ngày 31/12/2024. Những biến động trong hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động và triển vọng của MML và các công ty con của MML sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chúng tôi.

Chúng tôi sở hữu 94,9% lợi ích kinh tế tại MHT tính đến ngày 31/12/2024. Những biến động trong hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động và triển vọng của MHT sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chúng tôi.

Các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Masan hoạt động trong những ngành có mức độ cạnh tranh cao, và vị thế dẫn đầu thị trường của chúng tôi có thể bị thách thức nếu các đối thủ đạt được bước tiến đáng kể trong việc giành thị phần.

WCM vận hành một trong những hệ thống bán lẻ hiện đại lớn nhất tại Việt Nam và cạnh tranh chủ yếu dựa trên hình ảnh thương hiệu, giá cả, mạng lưới phân phối và danh mục sản phẩm. Mức độ phủ sóng của bán lẻ hiện đại tại Việt Nam vẫn còn thấp so với các nước trong khu vực, do đó WCM không chỉ cạnh tranh với các nhà bán lẻ hiện đại khác mà còn với các cửa hàng tạp hóa truyền thống (general trade), vốn có lợi thế về chi phí vận hành thấp hơn. Tuy nhiên, khi tỷ lệ thâm nhập của bán lẻ hiện đại tăng lên, sự cạnh tranh từ các đối thủ hiện tại và tiềm năng, cả trong và ngoài nước, sẽ ngày càng gia tăng. Điều này có thể khiến các đối thủ đẩy mạnh chi tiêu cho quảng cáo, khuyến mãi, hoặc thậm chí thực hiện chiến lược giá không hợp lý hoặc thậm chí phá giá. Do đó, WCM có thể cần đầu tư lớn hơn đáng kể vào công nghệ, mở rộng mạng lưới và phân phối, xây dựng thương hiệu, cũng như các hoạt động quảng bá và tiếp thị. Những khoản chi này có thể làm giảm biên lợi nhuận và ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả tài chính của công ty. Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Masan (MCH) cạnh tranh chủ yếu dựa trên hình ảnh thương hiệu, giá cả, mạng lưới phân phối và danh mục sản phẩm. Sự tham gia của các thương hiệu và công ty nước ngoài lâu đời đã làm gia tăng mức độ cạnh tranh trong thị trường hàng tiêu dùng thiết yếu tại Việt Nam. Điều này có thể khiến đối thủ tăng cường chi tiêu cho quảng cáo, khuyến mãi, hoặc thậm chí áp dụng chiến lược giá không hợp lý, thậm chí phá giá. Để duy trì vị thế cạnh tranh, MCH có thể cần đầu tư đáng kể hơn vào nghiên cứu & phát triển (R&D), hoạt động khuyến mãi và tiếp thị. Những khoản chi này

có thể làm giảm biên lợi nhuận và ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu suất vận hành của công ty.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (MML) đã chuyển đổi thành một doanh nghiệp thịt có thương hiệu hoàn chỉnh, đối mặt với nhiều cấp độ cạnh tranh trong chuỗi giá trị thịt tích hợp. Mặc dù thị trường protein động vật vẫn còn phân mảnh, sự phát triển của các đối thủ hiện tại và sự gia nhập của các doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước có thể dẫn đến chiến lược giá mang tính cạnh tranh không lành mạnh hoặc phá giá, làm ảnh hưởng đến thị phần của MML. Ngoài ra, MML còn phải cạnh tranh với các sản phẩm thịt nhập khẩu. Dù công ty tiên phong trong việc xây dựng thương hiệu mạnh cho các sản phẩm thịt, đồng thời đã đầu tư vào chăn nuôi và chế biến thịt theo quy mô lớn, đạt tiêu chuẩn hàng đầu, không có gì đảm bảo rằng MML sẽ có thể cạnh tranh hiệu quả với các đối thủ hiện tại hoặc tiềm năng. Trong một thị trường vẫn còn mang tính hàng hóa cao, MML có thể buộc phải cạnh tranh bằng giá để bảo vệ thị phần, dẫn đến biên lợi nhuận giảm và ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả kinh doanh.

Masan High-Tech Materials (MHT), nhà sản xuất sản phẩm vonfram cận sâu (mid-stream) lớn nhất ngoài Trung Quốc, là nhà cung cấp quan trọng trên thị trường toàn cầu. Cả khách hàng và đối thủ cạnh tranh của MHT đều là các doanh nghiệp nước ngoài, do công ty xuất khẩu toàn bộ sản phẩm vonfram chế biến tại Việt Nam. Trung Quốc, với vai trò là một trong những nhà sản xuất và tiêu thụ vonfram lớn nhất thế giới, cũng là nơi đặt trụ sở của nhiều đối thủ cạnh tranh của MHT, bao gồm các doanh nghiệp có quy mô lớn và được chính phủ hỗ trợ ở một mức độ nhất định. Vonfram, dưới dạng quặng tinh và hóa chất, là một sản phẩm mang tính hàng hóa cao với khách hàng nhạy cảm về giá. MHT có lợi thế cạnh tranh với vai trò là nhà sản xuất ổn định, đáng tin cậy, đồng thời là giải pháp thay thế nguồn cung từ Trung Quốc. Tuy nhiên, không có gì đảm bảo rằng các đối thủ của MHT sẽ không thể sản xuất các sản phẩm vonfram có giá trị gia tăng tương tự và hạ giá để giành thị phần, từ đó làm giảm biên lợi nhuận và ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả kinh doanh của công ty.

Mobicast là một nhà mạng di động ảo (MVNO) khởi nghiệp, hoạt động dưới thương hiệu Wintel (trước đây là Reddi). MVNO thường thuê băng thông mạng từ các nhà cung cấp viễn thông truyền thống, do đó bất kỳ gián đoạn nào trong hoạt động của nhà mạng truyền thống đều có thể tác động đến hoạt động của Mobicast. Mobicast cạnh tranh chủ yếu

dựa trên chất lượng mạng, hình ảnh thương hiệu, giá cả, mạng lưới phân phối và các dịch vụ giá trị gia tăng. Sự gia tăng cạnh tranh có thể khiến đối thủ đẩy mạnh chi tiêu quảng cáo và các chương trình khuyến mãi, hoặc thậm chí áp dụng chiến lược giá không hợp lý hoặc phá giá. Mobicast có thể cần đầu tư lớn hơn đáng kể vào nghiên cứu & phát triển (R&D), cũng như các hoạt động quảng bá và tiếp thị. Những khoản chi này có thể làm giảm biên lợi nhuận và ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả kinh doanh.

Techcombank có thể đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt hơn từ cả các tổ chức tài chính trong nước và quốc tế. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng cho phép các ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam thông qua chi nhánh địa phương. Khi Ngân hàng Nhà nước tiếp tục mở cửa và tự do hóa ngành ngân hàng, Techcombank có thể phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng lớn từ các ngân hàng trong nước khác, điều này có thể gây tác động tiêu cực đáng kể đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động và triển vọng phát triển của ngân hàng.

Tập đoàn Masan phụ thuộc vào khả năng tiếp tục tuyển dụng và giữ chân nhân sự có chuyên môn phù hợp cho các vị trí quản lý chủ chốt.

Tuy Tập đoàn Masan không phụ thuộc vào bất kỳ cá nhân nào trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành hoặc đội ngũ quản lý cấp cao, nhưng thành công của công ty phụ thuộc đáng kể vào kỹ năng, năng lực và nỗ lực của họ, cũng như khả năng tuyển dụng và giữ chân nhân sự có chuyên môn phù hợp. Do sự cạnh tranh khốc liệt tại Việt Nam, Masan phải đối mặt với thách thức liên tục trong việc thu hút và giữ chân các chuyên gia có trình độ chuyên môn cao. Việc mất đi nhân sự chủ chốt có thể gây tác động tiêu cực đáng kể đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả vận hành và triển vọng phát triển của công ty.

Triển vọng kinh doanh của Tập đoàn Masan gắn liền với triển vọng kinh tế của Việt Nam và nền kinh tế toàn cầu.

Triển vọng kinh doanh của Tập đoàn Masan gắn liền với triển vọng kinh tế của Việt Nam, vốn chịu ảnh hưởng từ đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và ngành sản xuất định hướng xuất khẩu. Do nền kinh tế Việt Nam có mối liên kết chặt chẽ với kinh tế toàn cầu, bất kỳ suy thoái kinh tế vĩ mô nào cũng có thể tác động tiêu cực đến các mảng kinh doanh tiêu

dùng và bán lẻ của Tập đoàn Masan. Suy thoái kinh tế có thể làm giảm sức mua của người tiêu dùng, từ đó ảnh hưởng không tốt đến kết quả tài chính của công ty.

Kết quả tài chính của Masan High-Tech Materials sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động giá hàng hóa trên thị trường.

Dự án Núi Pháo cung cấp các sản phẩm vonfram giá trị gia tăng, cùng với fluorspar, bismuth và đồng. Giá bán đầu ra sẽ phụ thuộc vào cung - cầu toàn cầu và biến động giá của các sản phẩm này. Bất kỳ sự biến động nào trong giá khoáng sản trên thị trường quốc tế đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh vật liệu công nghệ cao của công ty.

Phân tích và Thảo luận Kết quả Tài chính của ban Điều hành

Trong phần này, chúng tôi thảo luận và phân tích kết quả tài chính hợp nhất năm 2024 của Tập đoàn Masan. Mặc dù các chỉ tiêu tài chính chính dựa trên số liệu đã được kiểm toán, một số số liệu phân khúc và danh mục sản phẩm được tổng hợp từ báo cáo quản trị nội bộ. Để có phân tích chi tiết hơn về các công ty con và công ty liên kết đang niêm yết công khai như Masan Consumer Corporation (HNX-UPCoM: "MCH"), Masan MEATLife Corporation (HNX-UPCoM: "MML"), Masan High-Tech Materials Corporation (HNX-UPCoM: "MSR"), và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam ("Techcombank" hoặc "TCB"; HSX: "TCB"), vui lòng tham khảo báo cáo thường niên chính thức của từng công ty, được công bố công khai trên website của các công ty.

Doanh thu

	2024	2023
Đơn vị: Tỷ đồng	Đã kiểm toán	Đã kiểm toán
Doanh thu theo phân khúc kinh doanh		
Masan Consumer Corporation ("MCH")	30.897	28.241
WinCommerce ("WCM")	32.961	30.054
Masan MEATLife ("MML")	7.650	6.984
Phúc Long Heritage ("PLH")	1.621	1.535
Masan High-Tech Materials ("MHT")	14.336	14.093
Tổng cộng	83.178	78.252

Tập đoàn Masan ghi nhận tổng doanh thu đạt 83.178 tỷ đồng trong năm tài chính 2024, tăng 6,3% so với cùng kỳ năm trước (78.252 tỷ đồng trong năm tài chính 2023). Mức tăng trưởng này chủ yếu được thúc đẩy bởi The CrownX, bao gồm MCH và WCM, với doanh thu đạt 62.408 tỷ đồng, tăng 8,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, MCH tăng trưởng 9,4%, đạt 30.897 tỷ đồng, nhờ vào xu hướng cao cấp hóa, đổi mới sản phẩm và chiến lược "Go Global." WCM cũng ghi nhận kết quả tích cực với mức tăng trưởng 9,7% so với cùng kỳ năm trước, được hỗ trợ bởi tốc độ tăng trưởng doanh số tại cửa hàng hiện hữu và mở rộng mạng lưới hiệu quả.

Masan MEATLife (MML) duy trì đà tăng trưởng tích cực, với doanh thu tăng 9,5% so với cùng kỳ, đạt 7.650 tỷ đồng, nhờ nhu cầu ngày càng tăng đối với thịt tươi và thịt chế biến. Ngược lại, Masan High-Tech Materials (MHT) chỉ đạt mức tăng trưởng khiêm tốn 1,7% so với cùng kỳ năm trước, phản ánh sự ổn định của giá hàng hóa và mức đóng góp hạn chế hơn vào tăng trưởng doanh thu chung.

Lợi nhuận Gộp

	2024	2023
Đơn vị: Tỷ đồng	Đã kiểm toán	Đã kiểm toán
<i>Lợi nhuận gộp theo phân khúc</i>		
Masan Consumer Corporation ("MCH")	14.405	12.974
WinCommerce ("WCM")	8.134	7.240
Masan MEATLife ("MML")	1.962	1.053
Phúc Long Heritage ("PLH")	1.061	993
Masan High-Tech Materials ("MHT")	893	784
Tổng cộng	24.656	22.121

Lợi nhuận gộp năm tài chính 2024 của Tập đoàn Masan tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước, đạt 24.656 tỷ đồng, cao hơn tốc độ tăng trưởng doanh thu, phản ánh biên lợi nhuận gộp cải thiện lên 29,7%, so với 28,3% trong năm 2023. Mức tăng này chủ yếu nhờ vào nâng cao hiệu suất hoạt động và quản lý chi phí hiệu quả hơn. MCH tiếp tục cải thiện biên lợi nhuận gộp nhờ tập trung vào chiến lược cao cấp hóa và quản lý danh mục sản phẩm hợp lý. WCM ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận gộp 12,3% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng doanh thu, nhờ kiểm soát tốt hơn chi phí hao hụt hàng hóa. MML đạt kết quả đặc biệt ấn tượng với lợi nhuận gộp tăng vọt 86,4% so với cùng kỳ năm trước, nhờ cải thiện cơ cấu sản phẩm, giá thịt tăng cao và giá thức ăn chăn nuôi giảm. MHT duy trì biên lợi nhuận ổn định bất chấp thách thức bên ngoài, đóng góp vào tổng lợi nhuận của Tập đoàn.

Chi phí Bán hàng

Chi phí bán hàng tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước, đạt 14.565 tỷ đồng, cho thấy Masan đã tối ưu hóa chi phí tiếp thị và phân phối trong khi vẫn duy trì tăng trưởng doanh thu 6,3%. Hiệu suất này có được chủ yếu nhờ cải thiện chi phí bán hàng tại MCH và nâng cao hiệu suất vận hành của WCM.

Chi phí Quản lý Chung

Chi phí quản lý và hành chính (G&A) đạt 3.917 tỷ đồng, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước từ mức 3.750 tỷ đồng trong năm 2023. Mức tăng này phù hợp với mức tăng trưởng doanh thu 6,3% so với cùng kỳ năm trước.

Thu Nhập Tài Chính

Thu nhập tài chính tăng mạnh 68,1% so với cùng kỳ năm trước, đạt 4.044 tỷ đồng, được thúc đẩy bởi 1.403 tỷ đồng từ việc thoái vốn HCS, lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá và lãi suất tiền gửi tăng cao.

Chi Phí Tài Chính

Chi phí tài chính giảm nhẹ 2,8% so với cùng kỳ năm trước, xuống còn 7.900 tỷ đồng, phản ánh nỗ lực của Masan trong tái cấp vốn nợ và giảm chi phí vay thông qua chiến lược giảm đòn bẩy tài chính.

Lợi Nhuận Từ Công Ty Liên Kết

Lợi nhuận từ các công ty liên kết tăng 14,1% so với cùng kỳ năm trước, đạt 4.444 tỷ đồng, chủ yếu nhờ vào kết quả kinh doanh tích cực của Techcombank. Tuy nhiên, mức lợi nhuận này thấp hơn kỳ vọng do khoản thanh toán một lần liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng với Manulife.

Lợi Nhuận Sau Thuế

Tính đến ngày 31/12/2024 lợi nhuận sau thuế (NPAT) của Tập đoàn Masan tăng mạnh 128% so với cùng kỳ, đạt 4.272 tỷ đồng, trong khi lợi nhuận sau thuế sau lợi ích cổ đông thiểu số (NPAT Post-MI) đạt 1.999 tỷ đồng, ghi nhận mức tăng ấn tượng 377,5% so với cùng kỳ. Kết quả kinh doanh tích cực này được thúc đẩy bởi khả năng sinh lời vững chắc từ mảng tiêu dùng - bán lẻ của Masan, cùng với việc cắt giảm 365 tỷ đồng chi phí tài chính phát sinh từ nợ vay và 89 tỷ đồng lợi nhuận đột biến từ việc bán HCS. Ngoài ra, công ty còn ghi nhận thu nhập điều chỉnh từ chiết khấu bán buôn nguyên liệu thức ăn chăn nuôi trong hoạt động trang trại của MML. Tuy nhiên, kết quả này bị ảnh hưởng bởi một số chi phí phát sinh một lần liên quan đến quá trình tái cấu trúc của MHT và khoản

đóng góp từ thiện 100 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Masan cũng ghi nhận tác động 288 tỷ đồng từ khoản chi phí một lần của Techcombank liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng với Manulife. Với đà tăng trưởng mạnh mẽ từ các mảng kinh doanh cốt lõi, ban lãnh đạo Masan Group tiếp tục tự tin vào quá trình chuyển đổi và mở rộng nền tảng tiêu dùng - bán lẻ của tập đoàn.

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền

Tính đến ngày 31/12/2024, tiền mặt và các khoản tương đương tiền đạt 18.618 tỷ đồng, tăng so với mức 10.125 tỷ đồng vào ngày 31/12/2023. Mức tăng này chủ yếu nhờ vào vốn góp từ Bain Capital và khoản tiền thu được từ việc thoái vốn HCS.

Hàng tồn kho

Tính đến ngày 31/12/2024, hàng tồn kho giảm xuống còn 10.787 tỷ đồng so với mức 13.175 tỷ đồng vào cuối năm 2023. Việc cắt giảm này là một phần trong các sáng kiến chiến lược của công ty nhằm tối ưu hóa vốn lưu động và cải thiện dòng tiền hoạt động.

Tài sản Cố định

Tính đến ngày 31/12/2024, tài sản cố định đạt 37.050 tỷ đồng, giảm so với mức 42.886 tỷ đồng vào ngày 31/12/2023.

Đầu tư vào các Công ty liên kết

Tính đến ngày 31/12/2024, khoản đầu tư của Tập đoàn Masan vào các công ty liên kết, bao gồm quyền lợi kinh tế tại Techcombank, VISSAN, và Cholimex Food JSC, đạt 33.410 tỷ đồng.

Tổng Tài sản

Tổng tài sản tăng nhẹ 0,1% lên 147.585 tỷ đồng tính đến ngày 31/12/2024, so với mức 147.383 tỷ đồng vào ngày 31/12/2023.

Các khoản vay

Tính đến ngày 31/12/2024, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn giảm nhẹ 5,8%, xuống còn 65.549 tỷ đồng so với mức 69.572 tỷ đồng vào ngày 31/12/2023.

Vốn Chủ Sở Hữu

Vốn chủ sở hữu tính đến ngày 31/12/2024 đạt 40.752 tỷ đồng, tăng 6,6% so với mức 38.237 tỷ đồng vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, chủ yếu nhờ lợi nhuận gia tăng.

Triển Vọng Tài Chính 2025

Các tuyên bố định hướng dưới đây phản ánh kỳ vọng của Tập đoàn Masan tính đến ngày công bố báo cáo thường niên này và có thể chịu ảnh hưởng đáng kể từ những yếu tố và thay đổi nằm ngoài tầm kiểm soát. Kết quả tài chính trong tương lai của chúng tôi vốn dĩ khó dự đoán và có thể bị tác động đáng kể bởi các yếu tố ngoài tầm kiểm soát và khả năng dự báo. Ngân sách và kế hoạch kinh doanh cuối cùng do MSN và các công ty con trình lên để phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông (AGM) có thể khác với triển vọng tài chính dự kiến được trình bày dưới đây.

Tùy thuộc vào phê duyệt nội bộ theo quy trình, điều kiện kinh tế vĩ mô và sự phục hồi của thị trường tiêu dùng, Masan dự báo doanh thu thuần hợp nhất năm tài chính 2025 (FY2025) sẽ dao động từ 80.000 tỷ đồng đến 85.500 tỷ đồng, tương ứng với tăng trưởng LFL từ 7% đến 14% so với cùng kỳ năm trước, sau khi điều chỉnh do việc không còn hợp nhất cùng HCS. Trong năm tài chính 2025, tổng doanh thu hợp nhất (không bao gồm MHT) dự kiến nằm trong khoảng 74.013 tỷ đồng đến 78.013 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 8% đến 13% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế trước phân bổ cổ đông thiểu số (NPAT Pre-MI) được dự báo đạt 4.875 tỷ đồng đến 6.500 tỷ đồng, tăng trưởng mạnh từ 14% đến 52%, so với 4.272 tỷ đồng trong năm tài chính 2024.

Trụ cột chiến lược:

- Tiếp tục tập trung vào tăng trưởng hai chữ số về doanh thu và lợi nhuận, thúc đẩy bởi các mảng kinh doanh tiêu dùng cốt lõi.
 - MCH tiếp tục duy trì tăng trưởng doanh thu hai chữ số trong lúc vẫn đảm bảo lợi nhuận cao.

- WCM tập trung vào tăng trưởng lợi nhuận bằng việc đẩy mạnh mở mới cửa hàng (NSO) đồng thời duy trì mức tăng trưởng LFL vững chắc.
- Phát triển hệ thống vận hành One-Tech xuyên suốt (end-to-end) nhằm nâng cao hiệu suất hoạt động và tăng cường sự phối hợp trong nền tảng tiêu dùng - bán lẻ của MSN thông qua hệ sinh thái One-Consumer với chương trình hội viên WiN, đồng thời thúc đẩy hợp tác sâu hơn giữa các thương hiệu của Masan và WinCommerce.
- Tiếp tục giảm đòn bẩy tài chính nhằm cải thiện bảng cân đối kế toán và cắt giảm chi phí tài chính.
- Giảm tỷ lệ sở hữu tại các mảng kinh doanh không cốt lõi sau khi bán H.C. Starck, nhằm đơn giản hóa cơ cấu tập đoàn và tập trung hơn cho nền tảng tiêu dùng - bán lẻ.

MCH đặt mục tiêu đạt tăng trưởng doanh thu hai chữ số từ 10% đến 15% trong năm 2025, nâng tổng doanh thu lên mức 33.500 tỷ đồng đến 35.500 tỷ đồng, bằng cách thực thi các động lực tăng trưởng chiến lược và phát triển chuỗi cung ứng số đầu cuối (end-to-end) "Retail Supreme". Sáng kiến này nhằm số hóa kênh phân phối truyền thống (GT), lập kế hoạch cung - cầu, sản xuất và phân phối, giúp nâng cao hiệu quả quản lý chuỗi cung ứng, năng suất nhân viên bán hàng và tối ưu hóa tỷ suất hoàn vốn (ROI) trong tiếp thị.

- Cao cấp hóa ngành Gia vị & Thực phẩm tiện lợi: Mở rộng vị thế dẫn đầu thị trường trong phân khúc cao cấp bằng cách mở rộng danh mục sản phẩm rộng hơn mì ăn liền, hướng đến các bữa ăn chế biến sẵn như "Lẩu Tự Sôi", "Cơm Tự Chín" và "Lẩu Cẩm Tay". Những đổi mới này trong lĩnh vực thực phẩm tiện lợi nhằm nắm bắt tăng trưởng trong xu hướng tiêu dùng bên ngoài.
- Đổi mới trong ngành Đồ uống & HPC: Mở rộng danh mục Wake-up 247 và gia tăng thị phần trong phân khúc trà đóng chai với các sản phẩm sáng tạo từ Tea365. Tái cơ cấu danh mục sản phẩm để tập trung đổi mới vào các nhãn hàng Chanté và NET, đồng thời mở rộng sang thị trường chăm sóc cá nhân.
- Go Global: Thúc đẩy tăng trưởng mạnh mẽ bằng cách tập trung vào các thị trường trọng điểm như Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản và Liên minh Châu Âu (EU), với danh mục sản phẩm gia vị, thực phẩm tiện lợi và cà phê hòa tan.

WCM dự kiến đạt doanh thu thuần từ 35.600 tỷ đồng đến 36.900 tỷ đồng, tương ứng mức tăng trưởng từ 8% đến 12% so với cùng kỳ năm trước và đạt lợi nhuận sau thuế (NPAT) dương trong cả năm. Mục tiêu này đạt được nhờ mở rộng mạng lưới cửa hàng và tăng tốc tăng trưởng doanh thu trên cùng cửa hàng (LFL).

- Đẩy mạnh mở mới cửa hàng (NSO) với 400-700 siêu thị mini trong năm 2025, tập trung vào chiến lược mở rộng theo khu vực trọng điểm.
- Tăng tốc tăng trưởng doanh thu trên cùng cửa hàng (LFL) cho siêu thị mini bằng cách tối ưu danh mục sản phẩm, mở rộng hợp tác với các thương hiệu của Masan để tạo ra danh mục hàng hóa độc quyền và ra mắt sản phẩm sáng tạo, đồng thời triển khai chương trình khuyến mãi & tiếp thị cá nhân hóa dành cho hội viên chương trình hội viên WIN.
- Đạt mức tăng trưởng LFL một chữ số cao cho siêu thị nhờ chuyển đổi thành công sang mô hình mới: WMT Thành thị và WMT Nông thôn.
- Thử nghiệm phiên bản mới của chương trình Hội viên WIN với chương trình khuyến mãi và ưu đãi dành cho khách hàng thành viên, mở rộng hơn so với mức giá ưu đãi dành cho thành viên mới, triển khai trong nửa đầu năm 2025, sau đó ra mắt trên toàn quốc vào nửa cuối năm 2025.
- Thử nghiệm mô hình ngân hàng đại lý (agent banking) nhằm hiện thực hóa chiến lược Point-of-Life.

MML dự kiến đạt doanh thu từ 8.250 tỷ đồng đến 8.749 tỷ đồng, tương ứng mức tăng trưởng từ 8% đến 14% so với cùng kỳ năm trước. Mục tiêu này được thực hiện thông qua quá trình chuyển đổi thành công ty chế biến thịt và mở rộng hợp tác với WinCommerce.

- Nâng giá trị mỗi con heo thịt lên 10 triệu đồng, tương ứng tăng trưởng ~10% so với cùng kỳ năm trước bằng cách tối ưu hóa giá trị từ phụ phẩm.
- Tiếp tục đầu tư vào mảng thịt chế biến với mục tiêu doanh thu chiếm 36-37% toàn cơ cấu doanh thu của MML.
- Xây dựng "Meat Corner" bên trong WCM, nơi các thương hiệu thịt của MML sẽ có mặt, hướng đến việc nâng tỷ trọng doanh số thịt chế biến tại WCM từ 16,6% lên 20% trong năm tài chính 2025, với mục tiêu dài hạn đạt 40%.

PLH đặt mục tiêu tăng trưởng doanh thu từ 1.910 tỷ đồng đến 2.200 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 18% đến 36% so với cùng kỳ năm trước, thông qua tăng trưởng LFL và cải thiện biên lợi nhuận.

- Cải thiện tăng trưởng doanh thu trên cửa hàng (SSSG) bằng tiếp thị cửa hàng địa phương, khuyến mãi toàn quốc, tham gia chương trình hội viên WiN và các chương trình theo mùa khác.
- Tái định vị thương hiệu và triển khai mô hình cửa hàng mới để xác định lại giá trị cốt lõi và thu hút cả khách hàng hiện tại lẫn khách hàng mới.

MHT dự báo tăng trưởng doanh thu LFL từ 3% đến 19% so với cùng kỳ năm trước sau khi không còn hợp nhất HCS, với doanh thu mục tiêu từ 6.487 tỷ đồng đến 7.487 tỷ đồng, được thúc đẩy bởi cải thiện lợi nhuận nhờ giá hàng hóa tăng.

- Mở rộng quy mô khai thác mỏ và cải thiện tỷ lệ thu hồi.
- Tiếp tục tối ưu hóa chi phí vận hành.
- Tối đa hóa doanh số bán đồng và các sản phẩm phụ.
- Tiếp tục nghiên cứu các phương án chiến lược khác nhằm giảm đòn bẩy tài chính.

Triển vọng bảng cân đối kế toán năm 2025

Tính đến ngày 31/12/2024, tổng nợ hợp nhất của MSN đạt 65.549 tỷ đồng, với số dư tiền mặt và các khoản tương đương tiền là 19.226 tỷ đồng bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn. Tỷ lệ Nợ ròng/EBITDA hợp nhất của Tập đoàn Masan đạt 2,9x vào thời điểm 31/12/2024. Tập đoàn Masan sẽ tiếp tục tập trung củng cố bảng cân đối kế toán và cải thiện các chỉ số đòn bẩy tài chính, đồng thời duy trì mục tiêu tỷ lệ Nợ ròng/EBITDA dưới 3,5x, thông qua các sáng kiến sau:

- Cải thiện các chỉ số tài chính nhờ đóng góp EBITDA cao hơn từ các mảng kinh doanh tiêu dùng - bán lẻ trong năm 2025 so với năm 2024.
- Tìm kiếm các giải pháp chiến lược để giảm mức nợ ròng.





**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	13

66

3 T

4 A

0 A

A

H 6

2

NI

1

P

7

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0303576603

ngày 18 tháng 11 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 5 tháng 7 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Dr Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Thành viên
Bà Chae Rhan Chun	Thành viên
	(đến ngày 8 tháng 10 năm 2024)
Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Thành viên
Ông David Tan Wei Ming	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Danny Le	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Michael Hung Nguyen	Phó Tổng Giám đốc

Ủy ban Kiểm toán

Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Dr Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch
Ông Danny Le	Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

23 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, và các khác biệt trọng yếu nếu có đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo đảm các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo tài chính hợp nhất này được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Danny Le
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2025



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 2 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 85.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-01-01114-25-2



Phạm Thị Hoàng Anh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3434-2022-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Triệu Tích Quyền
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 Triệu VND	1/1/2024 Triệu VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		53.569.663	43.763.477
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	18.617.866	10.124.515
Tiền	111		6.064.564	3.290.554
Các khoản tương đương tiền	112		12.553.302	6.833.961
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	13	607.993	6.794.791
Chứng khoán kinh doanh	121		-	4.183.054
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		607.993	2.611.737
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	21.864.602	11.985.015
Phải thu khách hàng	131		1.302.889	2.309.810
Trả trước cho người bán	132		484.488	725.077
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		81.150	81.150
Phải thu ngắn hạn khác	136		20.067.610	8.898.758
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(85.092)	(34.943)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		13.557	5.163
Hàng tồn kho	140	8	10.787.396	13.174.868
Hàng tồn kho	141		11.001.795	13.496.602
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(214.399)	(321.734)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.691.806	1.684.288
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		342.284	327.933
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.232.869	1.208.789
Thuế và các khoản khác phải thu Ngân sách Nhà nước	153		116.653	147.566

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

TÀI SẢN (tiếp theo)	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 Triệu VND	1/1/2024 Triệu VND
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		94.015.055	103.619.995
Các khoản phải thu dài hạn	210	7	8.524.390	11.210.955
Phải thu về cho vay dài hạn	215		79.200	-
Phải thu dài hạn khác	216		8.445.190	11.210.955
Tài sản cố định	220		37.049.770	42.885.823
Tài sản cố định hữu hình	221	9	27.121.453	30.468.702
Nguyên giá	222		47.629.525	52.985.169
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.508.072)	(22.516.467)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224		222.742	310.884
Nguyên giá	225		345.223	444.649
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(122.481)	(133.765)
Tài sản cố định vô hình	227	10	9.705.575	12.106.237
Nguyên giá	228		13.952.693	16.690.945
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.247.118)	(4.584.708)
Bất động sản đầu tư	230	11	4.166	708.670
Nguyên giá	231		18.628	1.216.349
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(14.462)	(507.679)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.670.868	3.127.230
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.670.868	3.127.230
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	35.318.781	33.219.467
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		33.409.931	30.281.765
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		2.932.523	2.937.702
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.023.673)	-
Tài sản dài hạn khác	260		11.447.080	12.467.850
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	7.170.989	7.418.042
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	15	687.989	676.669
Lợi thế thương mại	269	16	3.588.102	4.373.139
TỔNG TÀI SẢN	270		147.584.718	147.383.472

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 Triệu VND	1/1/2024 Triệu VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		106.832.338	109.146.231
Nợ ngắn hạn	310		58.712.175	50.422.500
Phải trả người bán ngắn hạn	311		7.171.217	6.317.999
Người mua trả tiền trước	312		196.922	861.932
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	17	1.017.379	1.103.204
Phải trả nhân viên	314		251.950	264.300
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18(a)	4.787.142	4.819.044
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		23.075	67.059
Phải trả ngắn hạn khác	319	19(a)	18.489.608	8.919.791
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	26.724.166	28.030.197
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		19.591	7.826
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		31.125	31.148
Nợ dài hạn	330		48.120.163	58.723.731
Phải trả người bán dài hạn	331		16.166	19.289
Chi phí phải trả dài hạn	333	18(b)	102.080	31.186
Phải trả dài hạn khác	337	19(b)	6.212.349	8.199.245
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	38.825.185	41.541.894
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	15	2.476.497	3.406.398
Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	487.886	5.525.719

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

NGUỒN VỐN (tiếp theo)	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 Triệu VND	1/1/2024 Triệu VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		40.752.380	38.237.241
Vốn chủ sở hữu	410	23	40.752.380	38.237.241
Vốn cổ phần	411	24	15.129.281	14.308.434
Thặng dư vốn cổ phần	412	24	14.164.558	8.723.078
Vốn khác của chủ sở hữu	414	26	(8.388.147)	(8.388.147)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		9.470	(224.222)
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	342.381
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.326.870	11.798.056
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		11.798.056	11.381.940
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế năm nay	421b		(2.471.186)	416.116
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10.510.348	11.677.661
TỔNG NGUỒN VỐN	440		147.584.718	147.383.472

Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Huy Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Giám đốc Tài chính



Danny Le
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 02 – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	Mã số	Thuyết minh	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND
Tổng doanh thu	01	28	83.456.446	78.516.999
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	278.726	265.380
Doanh thu thuần	10	28	83.177.720	78.251.619
Giá vốn hàng bán	11	29	58.521.982	56.130.507
Lợi nhuận gộp	20		24.655.738	22.121.112
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	4.043.530	2.405.205
Chi phí tài chính	22	31	7.900.139	8.129.513
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.404.706	6.946.060
Phần lãi từ các công ty liên kết	24		4.443.769	3.895.982
Chi phí bán hàng	25	32	14.565.375	14.192.355
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	3.916.974	3.750.002
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.760.549	2.350.429
Thu nhập khác	31	34	180.026	309.976
Chi phí khác	32	35	915.772	97.431
Kết quả của các hoạt động khác	40		(735.746)	212.545
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.024.803	2.562.974
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	36	1.510.936	1.288.786
Chi phí/(Lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại	52	36	241.483	(595.739)
Lợi nhuận thuần sau thuế	60		4.272.384	1.869.927

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 02 – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
(tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND
Phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Công ty	61		1.999.059	418.695
Cổ đông không kiểm soát	62		2.273.325	1.451.232
			<hr/>	<hr/>
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	70	37	1.345	294
			<hr/>	<hr/>

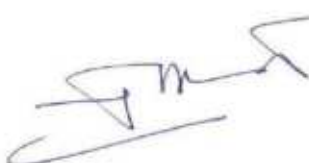
Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Huy Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Giám đốc Tài chính



Danny Le
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 03 – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Phương pháp gián tiếp)

	Mã số	Thuyết minh	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		6.024.803	2.562.974
Điều chỉnh cho				
Khấu hao và phân bổ	02		4.132.955	4.123.663
Lợi thế thương mại âm phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	02		-	(117.107)
Các khoản dự phòng	03		1.362.398	407.345
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		12.608	59.093
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(7.067.273)	(5.870.297)
Chi phí lãi vay và chi phí tài chính khác	06		6.911.415	7.422.409
Lãi từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		11.376.906	8.588.080
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(337.553)	452.139
Biến động hàng tồn kho	10		(98.554)	1.076.401
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		2.143.364	(442.419)
Biến động chi phí trả trước	12		628.346	426.228
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		4.183.054	(880.882)
			17.895.563	9.219.547
Tiền lãi vay và chi phí tài chính khác đã trả	14		(6.961.019)	(7.902.879)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.408.359)	(816.207)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(723)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.525.462	500.461
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(3.099.300)	(2.228.795)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		34.765	17.461
Tiền chi cho vay, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và đầu tư khác	23		(40.732.272)	(28.673.709)
Tiền thu hồi cho vay, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và đầu tư khác	24		32.404.126	20.544.165
Tiền chi cho các khoản đầu tư vốn chủ sở hữu	25		(6.557.257)	-
Hợp nhất kinh doanh, đã trừ đi số dư tiền của công ty con được hợp nhất	25		-	(11.812)
Tiền thu từ việc thanh lý các công ty con (đã trừ đi số dư tiền của các công ty con được thanh lý) và tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư vốn chủ sở hữu khác	26		4.284.306	708.600
Tiền thu từ lãi, cổ tức và thu nhập khác từ hoạt động đầu tư	27		2.972.095	1.820.418
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.693.537)	(7.823.672)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 03 – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành liên quan	31		6.411.786	71.136
Tiền thu từ đi vay, phát hành trái phiếu và khác	33		93.606.481	91.059.079
Tiền trả nợ gốc vay, trái phiếu và khác	34		(88.611.315)	(87.324.894)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(14.108)	(15.289)
Tiền chi trả cổ tức	36		(1.721.291)	(243.821)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		9.671.553	3.546.211
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		8.503.478	(3.777.000)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		10.124.515	13.853.100
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		(10.127)	48.415
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	6	18.617.866	10.124.515

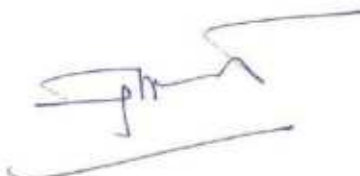
Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Huy Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Giám đốc Tài chính



Danny Le
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1 ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty bao gồm tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán và pháp luật) và thực hiện các hoạt động huy động vốn và đầu tư.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

Các hoạt động chính của các công ty con và các công ty liên kết được mô tả như sau:

Công ty con

STT	Tên công ty	Thuyết minh	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích tại	
				31/12/2024	1/1/2024
Công ty con sở hữu trực tiếp					
1	Công ty TNHH The SHERPA ("SHERPA")		Tư vấn quản lý đầu tư	100,0%	100,0%
2	Công ty TNHH Zenith Investment ("ZENITH")		Tư vấn quản lý đầu tư	100,0%	100,0%
Công ty con sở hữu gián tiếp					
1	Công ty Cổ phần The CrownX ("CrownX")	(v)	Tư vấn quản lý đầu tư	84,9%	84,9%
2	Công ty TNHH MasanConsumerHoldings ("MCH")	(vi)	Tư vấn quản lý đầu tư	72,8%	72,8%
3	Công ty TNHH Masan Brewery ("MB")	(i)	Tư vấn quản lý đầu tư	48,5%	48,5%
4	Công ty TNHH Masan Master Brewer ("MMBr")	(i)	Kinh doanh bia và nước giải khát	48,5%	48,5%
5	Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY ("MBPY")	(i)	Sản xuất bia và nước giải khát	48,5%	48,5%
6	Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery HG ("MBHG")	(i)	Sản xuất bia và nước giải khát	48,5%	48,5%
7	Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution ("MBD")	(i)	Kinh doanh bia và nước giải khát	48,5%	48,5%
8	Công ty TNHH Masan Brewery MB ("MBMB")	(i)	Sản xuất bia và nước giải khát	48,5%	48,5%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

1 ĐƠN VỊ BÁO CÁO (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Thuyết minh	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích tại	
				31/12/2024	1/1/2024
9	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan ("MSC")	(i)/ (a)	Kinh doanh và phân phối	67,4%	68,3%
10	Masan Consumer (Thailand) Limited ("MTH")	(i)/ (a)	Kinh doanh và phân phối	67,4%	68,3%
11	Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan ("MSF")	(i)/ (a)	Kinh doanh và phân phối	67,4%	68,3%
12	Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan ("MSI")	(i)/ (a)	Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	67,4%	68,3%
13	Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến ("VTF")	(i)/ (a)	Sản xuất gia vị	67,4%	68,3%
14	Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD ("MHD")	(i)/ (a)	Sản xuất thực phẩm tiện lợi	67,4%	68,3%
15	Công ty Cổ phần Masan PQ ("MPQ")	(i)/ (a)	Sản xuất gia vị	67,4%	68,3%
16	Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngư Phú Quốc ("NPQ")	(i)/ (a)	Sản xuất gia vị	67,4%	68,3%
17	Công ty TNHH Masan Long An ("MLA")	(i)/ (a)	Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	67,4%	68,3%
18	Công ty TNHH Masan HN ("HNF")	(i)/ (a)	Sản xuất thực phẩm tiện lợi	67,4%	68,3%
19	Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa ("VCF")	(i)/ (a)	Sản xuất và kinh doanh đồ uống	66,6%	67,4%
20	Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo ("VHC")	(i)/ (a)	Sản xuất và kinh doanh đồ uống và bao bì	60,3%	61,1%
21	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha ("KRP")	(i)/ (a)	Sản xuất đồ uống	60,3%	61,6%
22	Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage ("MSB")	(i)/ (a)	Sản xuất và kinh doanh đồ uống	67,4%	68,3%
23	Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB ("MMB")	(i)/ (a)	Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	67,4%	68,3%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

1 ĐƠN VỊ BÁO CÁO (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Thuyết minh	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích tại	
				31/12/2024	1/1/2024
24	Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG ("MHG")	(i)/ (a)	Sản xuất thực phẩm tiện lợi và bao bì	67,4%	68,3%
25	Công ty TNHH Masan HG 2 ("MH2")	(i)/ (a)	Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi, đồ uống và bao bì	67,4%	68,3%
26	Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh ("QNW")	(i)/ (a)	Sản xuất và kinh doanh đồ uống	44,4%	44,9%
27	Công ty TNHH Masan HPC ("HPC")	(i)/ (a)	Kinh doanh và phân phối	67,4%	68,3%
28	Công ty Cổ phần Bột giặt NET ("NET")	(i)/ (a)	Kinh doanh và sản xuất các sản phẩm gia dụng	35,2%	35,7%
29	Công ty TNHH Masan Innovation ("INV")	(i)/ (a)	Kinh doanh và phân phối	67,4%	68,3%
30	Công ty TNHH Hi-Fresh ("HIF")	(i)/ (a)	Kinh doanh và phân phối	67,4%	68,3%
31	Công ty TNHH Tự Giặt Sấy Chanté (trước đây là "Công ty TNHH Giặt ủi Chuyên nghiệp Joints Pro")	(i)/ (a)	Dịch vụ giặt ủi	67,4%	68,3%
32	Công ty TNHH Tầm nhìn Masan ("MH")	(ii)	Tư vấn quản lý đầu tư	100,0%	100,0%
33	Công ty TNHH Plutus Holdings ("PLUTUS")	(ii)/ (f)	Tư vấn quản lý đầu tư	100,0%	
34	Công ty TNHH Mapleleaf ("MPL")	(ii)	Tư vấn quản lý đầu tư	99,9%	99,9%
35	Công ty Cổ phần Masan Blue ("MBL")	(ii)	Kinh doanh và phân phối	99,8%	99,8%
36	Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials ("MHT")	(ii)/ (b)	Tư vấn quản lý đầu tư	94,9%	86,4%
37	Công ty TNHH Một Thành viên Tài nguyên Masan Thái Nguyên ("MRTN")	(ii)/ (b)	Tư vấn quản lý đầu tư	94,9%	86,4%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

1 ĐƠN VỊ BÁO CÁO (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Thuyết minh	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích tại	
				31/12/2024	1/1/2024
38	Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên ("TNTI")	(ii)/ (b)	Tư vấn quản lý đầu tư	94,9%	86,4%
39	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo ("NPM")	(ii)/ (b)	Khai thác và chế biến quặng	94,9%	86,4%
40	Công ty TNHH Vonfram Masan ("MTC")	(ii)/ (b)	Khai thác sâu kim loại màu và kim loại quý (vonfram)	94,9%	86,4%
41	H.C. Starck Holding (Germany) GmbH (Germany) ("HCS")	(ii)/ (c)	Tư vấn quản lý đầu tư	-	86,4%
42	ChemiLytics Beteiligungs GmbH (Germany)	(ii)/ (c)	Tư vấn quản lý đầu tư	-	86,4%
43	H.C. Starck GmbH (Germany)	(ii)/ (c)	Tư vấn quản lý đầu tư	-	86,4%
44	Chemische Fabriken Oker und Braunschweig AG (Germany)	(ii)/ (c)	Sản xuất hóa chất dùng trong sản xuất giấy và phụ gia cho ngành vật liệu hấp thụ	-	86,4%
45	H.C. Starck Infrastructure GmbH & Co. KG (Germany)	(ii)/ (c)	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý (Vonfram)	-	86,4%
46	ChemiLytics GmbH & Co. KG (Germany)	(ii)/ (c)	Phân tích hóa học và dữ liệu đo lường vật lý	-	86,4%
47	H.C. Starck Tungsten GmbH (Germany)	(ii)/ (c)	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý (Vonfram)	-	86,4%
48	H.C. Starck Nonferrous Metals Trading (Shanghai) Co. Ltd. (China)	(ii)/ (c)	Kinh doanh và phân phối	-	86,4%
49	H.C. Starck Canada Inc. (Canada)	(ii)/ (c)	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý (Vonfram)	-	86,4%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

1 ĐƠN VỊ BÁO CÁO (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Thuyết minh	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích tại	
				31/12/2024	1/1/2024
50	H.C. Starck Tungsten GK (Japan)	(ii)/ (c)	Kinh doanh và phân phối	-	86,4%
51	H.C. Starck Tungsten LLC (USA)	(ii)/ (c)	Kinh doanh và phân phối	-	86,4%
52	H.C. Starck Jiangwu Tungsten Specialities (Ganzhou) Co. Ltd. (China)	(ii)/ (c)	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý (Vonfram)	-	51,8%
53	Chemitas GmbH (Germany)	(ii)/ (c)	Cung cấp năng lượng, quản lý chất thải và dịch vụ hậu cần	-	86,4%
54	Công ty Cổ phần Masan MEATLife ("MML")	(v)/ (a)	Tư vấn quản lý đầu tư	94,3%	94,9%
55	Công ty TNHH MNS Meat ("MNS Meat")	(iii)/ (a)(g)	Đạm động vật	94,3%	94,9%
56	Công ty TNHH MML Farm Nghệ An ("Farm Nghệ An")	(iii)/ (a)	Chăn nuôi lợn	94,3%	94,9%
57	Công ty TNHH MNS Farm ("MNS Farm")	(iii)/ (a)(g)	Tư vấn quản lý đầu tư	94,3%	94,9%
58	Công ty TNHH MNS Meat Processing ("MNS Meat Processing")	(iii)/ (a)(g)	Tư vấn quản lý đầu tư	94,3%	94,9%
59	Công ty TNHH MEATDeli HN ("MEATDeli Hà Nam")	(iii)/ (a)	Chế biến thịt	94,3%	94,9%
60	Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn ("MEATDeli Sài Gòn")	(iii)/ (a)	Chế biến thịt	94,3%	94,9%
61	Công ty Cổ phần Masan Jinju ("MSJ")	(iii)/ (a)	Sản xuất và kinh doanh thực phẩm tiện lợi	70,7%	71,1%
62	Công ty Cổ phần 3F VIỆT ("3F VIỆT")	(iii)/ (a)	Chăn nuôi và kinh doanh gà	48,1%	48,4%
63	Công ty TNHH Thực Phẩm 3F VIỆT ("3F VIỆT Food")	(iii)/ (a)	Chế biến và kinh doanh thịt	48,1%	48,4%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

1 ĐƠN VỊ BÁO CÁO (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Thuyết minh	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích tại	
				31/12/2024	1/1/2024
64	Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Dịch vụ VCM ("WCM")	(vi)/ (d)	Tư vấn quản lý đầu tư	78,7%	71,5%
65	Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce ("WinCommerce")	(iv)/ (d)	Kinh doanh và phân phối	78,7%	71,5%
66	Công ty Cổ phần The Supra ("The Supra")	(iv)/ (d)	Dịch vụ kho bãi và lưu trữ hàng hóa	78,7%	71,5%
67	Công ty Cổ phần CX Infra ("CXI")	(iv)/ (d)	Xây dựng	40,1%	36,4%
68	Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp WinEco ("WinEco")	(v)	Nông nghiệp	100,0%	100,0%
69	Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất và Phát triển Nông nghiệp WinEco – Tam Đảo ("WinEco Tam Đảo")	(v)	Nông nghiệp	89,0%	89,0%
70	Công ty TNHH Nông nghiệp Đồng Nai – WinEco ("WinEco Đồng Nai")	(v)	Nông nghiệp	77,5%	77,5%
71	Công ty Cổ phần Dr. Win ("Dr. Win")	(vi)/ (e)	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	64,9%	46,5%
72	Công ty Cổ phần Mobicast ("MOB")	(v)	Viễn thông	70,0%	70,0%
73	Công ty Cổ phần Đầu tư Draco ("DRC")	(v)	Tư vấn quản lý đầu tư	99,9%	99,9%
74	Công ty Cổ phần Đầu tư Fornax ("FOR")	(v)	Tư vấn quản lý đầu tư	99,9%	99,9%
75	Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage ("Phúc Long Heritage")	(v)	Đồ ăn và thức uống	85,0%	85,0%
76	Công ty Cổ phần The O2 ("The O2")	(v)	Nghiên cứu thị trường	50,0%	50,0%
77	Công ty Cổ phần Đầu tư Sagitta ("Sagitta")	(v)	Tư vấn quản lý đầu tư	99,9%	99,9%
78	Công ty TNHH Masan Agri ("Masan Agri")	(v)	Tư vấn quản lý đầu tư	100,0%	100,0%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

1 ĐƠN VỊ BÁO CÁO (tiếp theo)

- (viii) Công ty này là một công ty liên kết sở hữu trực tiếp của MML.
- (ix) Công ty này là một công ty liên kết sở hữu gián tiếp của MHT.
- (a) Trong năm, MSC và MML đã phát hành cổ phiếu cho nhân viên theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên theo phê duyệt của các cổ đông. Do kết quả của các giao dịch này, lợi ích kinh tế của Công ty trong MSC, MML và các công ty con của các công ty này giảm đi.
- (b) Trong tháng 10 năm 2024, MH đã mua 93.979.000 cổ phiếu phổ thông của MHT, tương đương 8,5% lợi ích kinh tế trong MHT với tổng giá trị là 1.457.257 triệu VND. Do kết quả của giao dịch này, lợi ích kinh tế của Công ty trong MHT tăng từ 86,4% lên 94,9%. Việc mua lại thêm 8,5% lợi ích kinh tế trong MHT này tương đương với 1.038.406 triệu VND tài sản thuần của MHT được mua lại tại ngày giao dịch.
- (c) Trong tháng 5 năm 2024, MTC đã ký thỏa thuận thanh lý toàn bộ lợi ích kinh tế trong HCS và các công ty con và công ty liên kết của HCS. Trong tháng 12 năm 2024, giao dịch này đã được hoàn tất. Do đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các công ty này không còn là công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn.
- (d) Trong tháng 9 năm 2024, Eirene đã mua 47.188.730 cổ phiếu phổ thông của WCM, tương đương 7,2% lợi ích kinh tế trong WCM với tổng giá trị là 5.100.000 triệu VND. Do kết quả của giao dịch này, lợi ích kinh tế của Công ty trong WCM tăng từ 71,5% lên 78,7%. Việc mua lại thêm 7,2% lợi ích kinh tế trong WCM này tương đương với 605.651 triệu VND tài sản thuần của WCM được mua lại tại ngày giao dịch.
- (e) Như là một phần của quá trình tái cấu trúc nội bộ, trong tháng 6 năm 2024, WinCommerce đã chuyển nhượng toàn bộ quyền kiểm soát trong Dr. Win sang SHERPA. Do kết quả của giao dịch này, lợi ích kinh tế của Công ty trong Dr. Win đã tăng từ 46,5% lên 64,9%.
- (f) Trong tháng 9 năm 2024 và tháng 12 năm 2024, PLUTUS và WinX, các công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty, lần lượt được thành lập.
- (g) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, các công ty này đang trong quá trình giải thể.

Tỷ lệ lợi ích kinh tế trong các công ty con phản ánh tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp của Công ty trong các công ty con, được xác định căn cứ vào tỷ lệ sở hữu vốn (trực tiếp và gián tiếp) trong các công ty con, trừ khi có thỏa thuận khác (nếu có). Tỷ lệ lợi ích kinh tế trong các công ty liên kết phản ánh tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn có 34.835 nhân viên (1/1/2024: 35.895 nhân viên).

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"). Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập và trình bày bằng triệu Đồng Việt Nam ("Triệu VND").

(e) Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông ("Cổ đông Kiểm soát") trước và sau khi hợp nhất phù hợp với định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nổi tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 *Hợp nhất kinh doanh* và trong sự chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập ("nguyên tắc mang sang toàn bộ"). Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện tại dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Chênh lệch giữa giá phí mua và giá trị của tài sản thuần được mua được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của các công ty được hợp nhất từ ngày mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****(a) Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)****(ii) Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung**

Hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà sự kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi xem xét sự kiểm soát, Tập đoàn cũng xem xét quyền biểu quyết tiềm năng mà có thể thực hiện được ở hiện tại. Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của công ty được mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) bao gồm tổng giá trị hợp lý tại ngày trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn chủ sở hữu đã phát hành bởi Tập đoàn và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm, được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn, mà Tập đoàn phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong năm.

(iii) Các công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát này tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại cũng được xem xét. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(iv) Các công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có sự ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Sự ảnh hưởng đáng kể này được giả định tồn tại khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết của một công ty khác. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu) trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm chi phí giao dịch. Sau khi ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi được điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...). Khi Tập đoàn chia sẻ khoản lỗ trong đơn vị nhận đầu tư theo phần sở hữu của Tập đoàn vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm các khoản đầu tư tài chính dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm về không và Tập đoàn không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó trừ khi Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán hay đã thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư. Lãi hoặc lỗ do thanh lý lợi ích trong một công ty liên kết mà không không dẫn đến việc mất ảnh hưởng đáng kể, bao gồm cả sự suy giảm lợi ích trong công ty liên kết (được xem như là thanh lý một phần vốn chủ sở hữu), được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****(a) Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)****(v) Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”)**

NCI được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến việc mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số tiền thanh toán hoặc nhận được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu, ngoại trừ trong trường hợp chênh lệch phát sinh từ các giao dịch liên đới ràng buộc bởi việc phải phát hành cổ phiếu hoặc tăng vốn góp có thặng dư thì khoản chênh lệch được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu.

(vi) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch, số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến các khoản mục tiền tệ trong nội bộ tập đoàn, bao gồm cả ngắn hạn và dài hạn, được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(vii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cầu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(b) Ngoại tệ**(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản vay có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND đã được dự phòng rủi ro hối đoái bằng các công cụ tài chính, được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****(b) Ngoại tệ (tiếp theo)****(ii) Hoạt động ở nước ngoài**

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND như sau:

- Các tài sản và nợ phải trả, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh tại ngày mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với tài sản) và bán chuyển khoản (đối với nợ phải trả) tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi các công ty con thường xuyên có giao dịch;
- Doanh thu, thu nhập, chi phí và lưu chuyển tiền tệ của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch; và
- Vốn góp được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Lỗ lũy kế/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ và dự phòng được lấy từ lợi nhuận/lỗ thuần và các biến động đã được quy đổi.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do quy đổi báo cáo tài chính của các hoạt động ở nước ngoài sang VND được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc vốn chủ sở hữu. Khi chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến một hoạt động kinh doanh ở nước ngoài được hợp nhất nhưng không được sở hữu toàn bộ bởi Tập đoàn, chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế phát sinh do quy đổi được phân bổ cho và ghi nhận là một phần của khoản mục cổ đông không kiểm soát trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư**(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi liên quan đến giai đoạn trước khi mua chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****(d) Các khoản đầu tư (tiếp theo)****(iii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là những đơn vị mà Công ty hoặc các công ty con không có quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Khoản dự phòng không được lập khi Tập đoàn không có khả năng mất vốn. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Bao thanh toán

Theo các điều khoản thị trường và yêu cầu về thanh khoản, Tập đoàn ký kết các thỏa thuận bao thanh toán để chuyển giao khoản phải thu khách hàng. Đối với các giao dịch bao thanh toán, Tập đoàn đánh giá có ghi giảm toàn bộ khoản phải thu hay không dựa trên mức độ chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của khoản phải thu.

Nếu Tập đoàn:

- chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của khoản phải thu, Tập đoàn sẽ ghi giảm khoản phải thu và ghi nhận riêng rẽ tài sản hoặc nợ phải trả đối với các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ việc chuyển giao khoản phải thu;
- còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của khoản phải thu, Tập đoàn sẽ tiếp tục ghi nhận khoản phải thu; và
- không chuyển giao cũng như không nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của khoản phải thu thì Tập đoàn xác định xem liệu có nắm giữ quyền kiểm soát đối với khoản phải thu không. Nếu Tập đoàn không nắm giữ quyền kiểm soát thì Tập đoàn sẽ ghi giảm khoản phải thu và ghi nhận riêng rẽ tài sản hoặc nợ phải trả đối với các quyền và nghĩa vụ phát sinh hoặc còn nắm giữ từ việc chuyển giao khoản phải thu. Nếu Tập đoàn nắm giữ quyền kiểm soát thì Tập đoàn sẽ tiếp tục ghi nhận khoản phải thu đến giá trị còn tiếp tục liên quan đến tài sản được chuyển giao.

Mức độ còn tiếp tục liên quan đến tài sản được chuyển giao là mức độ Tập đoàn bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về giá trị của tài sản chuyển giao và được xác định bằng giá trị thấp hơn giữa giá trị ghi sổ của khoản phải thu và số tiền cao nhất mà Tập đoàn phải trả ("số tiền bảo lãnh").

Khi Tập đoàn tiếp tục ghi nhận tài sản chuyển giao đến giá trị còn tiếp tục liên quan đến tài sản được chuyển giao, Tập đoàn đồng thời ghi nhận nghĩa vụ liên quan. Nghĩa vụ liên quan ban đầu được ghi nhận bằng số tiền bảo lãnh cộng với giá trị hợp lý của bảo lãnh. Sau đó, giá trị hợp lý của bảo lãnh được phân bổ dần theo thời gian vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****(g) Tài sản cố định hữu hình****(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, hoặc chi phí xây dựng, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình. Trong trường hợp tài sản cố định hữu hình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng nguyên giá chưa được quyết toán, các tài sản cố định này sẽ được ghi nhận theo nguyên giá tạm tính và nguyên giá này sẽ được điều chỉnh sau khi quyết toán được phê duyệt. Tài sản cố định hữu hình cũng bao gồm giá trị hợp lý của các tài sản cố định hữu hình khác từ hợp nhất kinh doanh.

Sau khi hoàn thành giai đoạn xây dựng mỏ, tài sản được chuyển thành "nhà cửa và vật kiến trúc", "máy móc và thiết bị" hoặc "tài sản khai khoáng khác" trong tài sản cố định hữu hình. Tài sản khai khoáng khác bao gồm chi phí phục hồi mỏ và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản và tài nguyên khoáng sản phát sinh từ hợp nhất kinh doanh.

(ii) Khấu hao

Máy móc, thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản phát sinh từ hợp nhất kinh doanh

Máy móc, thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được khấu hao theo phương pháp khấu hao theo sản lượng. Theo phương pháp này, cơ sở khấu hao là trữ lượng khoáng sản đã xác định được là khối lượng quặng (tấn) mà Tập đoàn có thể khai thác kinh tế và hợp pháp từ tài nguyên khoáng sản của Tập đoàn, và một phần tài nguyên khoáng sản dự kiến chuyển đổi thành trữ lượng. Cơ sở khấu hao cho tài sản liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản dựa trên:

- ước tính tài nguyên khoáng sản dự kiến chuyển đổi thành trữ lượng theo đánh giá của các chuyên gia mỏ cho dự án Núi Pháo; và
- ước tính tài nguyên khoáng sản dự kiến có thể được tái chế từ quặng đuôi ô-xít ("OTC").

Cơ sở khấu hao áp dụng cho các loại tài sản khai khoáng như sau:

	Cơ sở khấu hao
Máy móc, thiết bị chỉ liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản	(a)
Máy móc, thiết bị liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản và được sử dụng trong quá trình tái chế OTC	(a) và (b)
Giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	(a) và (b)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****(g) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)****(ii) Khấu hao (tiếp theo)**

Máy móc, thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động chế biến khoáng sản

Máy móc và thiết bị liên quan trực tiếp đến quá trình chế biến chuyên sâu các sản phẩm vonfram của MTC được khấu hao theo phương pháp khấu hao theo sản lượng. Tổng sản lượng sản xuất ước tính mà tài sản cố định hữu hình được khấu hao trên cơ sở sản lượng như sau:

	Tấn vonfram
Nhà máy ST	171.865
Nhà máy APT	166.990

Tài sản khác

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa và vật kiến trúc 3 – 50 năm
- nâng cấp tài sản thuê 3 – 5 năm
- máy móc và thiết bị 2 – 25 năm
- phương tiện vận chuyển 3 – 25 năm
- thiết bị văn phòng và khác 3 – 25 năm
- tài sản khai khoáng khác 26 năm

Tài sản cố định đã hoàn thành và đưa vào sử dụng trước khi quyết toán chi phí xây dựng được ghi nhận theo nguyên giá tạm tính. Khi các chi phí xây dựng được quyết toán và phê duyệt, nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo chi phí quyết toán và khấu hao lũy kế sẽ không được điều chỉnh. Khấu hao sau đó được tính theo nguyên giá được duyệt trừ đi giá trị hao mòn lũy kế cho giai đoạn trước khi quyết toán tài sản cố định được duyệt, chia cho thời gian khấu hao còn lại của tài sản cố định theo các quy định có liên quan.

(h) Tài sản cố định vô hình**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất lâu dài được phản ánh theo nguyên giá và không tính khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính từ 10 đến 50 năm. Giá trị hợp lý của quyền sử dụng đất phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được xác định theo phương pháp so sánh trực tiếp bằng cách so sánh giá tham khảo/giá giao dịch gần nhất của bất động sản tương tự trong cùng khu vực.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Nguyên giá của phần mềm máy vi tính bao gồm:

- giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính từ 2 đến 10 năm; và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(h) Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

(ii) Phần mềm máy vi tính (tiếp theo)

- chi phí tự phát triển phần mềm máy vi tính được vốn hóa trong giai đoạn phát triển phần mềm nếu thỏa mãn các tiêu chí sau:
 - các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc hình thành phần mềm trong giai đoạn phát triển;
 - Tập đoàn có dự kiến hoàn thành phần mềm được xây dựng rõ ràng từ chương trình thiết kế, mô hình liệt kê các hoạt động cần thiết cho việc hoàn thành giai đoạn phát triển và dự định hoàn thành dự án sau giai đoạn phát triển;
 - Tập đoàn có khả năng triển khai và sử dụng phần mềm sau giai đoạn phát triển;
 - Tập đoàn có đầy đủ nguồn lực về kỹ thuật, tài chính và nhân sự để hoàn tất các giai đoạn phát triển phần mềm; và
 - Tập đoàn có thể xác định được chi phí phát sinh liên quan đến giai đoạn phát triển phần mềm một cách đáng tin cậy.

Phần mềm tự phát triển được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian đến 4 năm kể từ khi mỗi phần của phần mềm được hoàn thành.

(iii) Chi phí triển khai

Chi phí triển khai bao gồm:

- Chi phí cho các hoạt động triển khai mà thông qua các hoạt động này các kết quả nghiên cứu được áp dụng vào việc lập kế hoạch hoặc thiết kế các quy trình sản xuất và sản xuất các sản phẩm mới hoặc được cải tiến đáng kể, sẽ được vốn hóa nếu sản phẩm hoặc quy trình sản xuất đó khả thi về mặt kỹ thuật và thương mại và Tập đoàn có đủ nguồn lực để hoàn tất việc triển khai. Các chi phí triển khai được vốn hóa bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và một phần chi phí chung được phân bổ thích hợp. Các chi phí triển khai khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh.
- Các hoạt động triển khai mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của các hoạt động triển khai có được từ hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của các hoạt động triển khai được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính từ 10 đến 16 năm.

(iv) Thương hiệu

Thương hiệu mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của thương hiệu phát sinh khi hợp nhất kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 9 đến 30 năm.

Giá trị hợp lý của thương hiệu có được từ việc hợp nhất kinh doanh được tính bằng việc chiết khấu các khoản tiền bản quyền mà doanh nghiệp tiết kiệm được từ việc sở hữu thương hiệu đó.

(v) Quan hệ khách hàng

Quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con, được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 5 đến 36 năm.

Giá trị hợp lý của quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó.

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(h) Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

(vi) Tài nguyên nước khoáng

Tài nguyên nước khoáng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 10 đến 37 năm.

Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng cách sử dụng phương pháp so sánh trực tiếp hoặc phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn. Phương pháp so sánh trực tiếp ước tính giá trị của tài nguyên nước khoáng bằng cách so sánh với giá tham khảo/giao dịch gần nhất của tài nguyên nước khoáng tương tự trong cùng một vùng. Đối với phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, giá trị của tài nguyên nước khoáng được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó.

(vii) Quyền khai thác khoáng sản

Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với đơn giá do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công bố theo Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 ("Nghị định 67") có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2019, thay thế cho Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013. Nguyên giá của quyền khai thác khoáng sản được phản ánh theo giá trị hiện tại của tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Quyền khai thác khoáng sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên vòng đời kinh tế của trữ lượng khoáng sản của mỏ và phần tài nguyên có khả năng trở thành trữ lượng mỏ.

(viii) Công nghệ

Công nghệ mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của công nghệ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 5 đến 31 năm.

Giá trị hợp lý của công nghệ có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định dựa vào phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó.

(ix) Quyền khai thác nguồn tài nguyên nước khoáng

Chi phí để có được quyền khai thác nguồn tài nguyên nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của quyền khai thác nguồn tài nguyên nước khoáng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính từ 4 đến 30 năm.

(x) Giấy phép

Giấy phép mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của giấy phép được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 12 năm.

Giá trị hợp lý của giấy phép có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****(i) Bất động sản đầu tư****(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con. Các chi phí phát sinh sau khi bắt động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Không tính khấu hao đối với quyền sử dụng đất lâu dài. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 20 – 60 năm
- cơ sở hạ tầng 5 – 20 năm

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí heo giống, chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và tài sản khoáng sản chưa khai thác. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình nuôi heo giống, xây dựng, lắp đặt và thử nghiệm.

Tài sản khoáng sản chưa khai thác bao gồm giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản, các chi phí liên quan đến việc triển khai trữ lượng này đã phát sinh trong hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai phát sinh sau này. Những tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Những tài sản này ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý như một phần của giao dịch hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai liên quan đến việc khai thác sau đó sẽ được vốn hóa sau khi cần trừ tiền thu về từ việc bán khoáng sản khai thác trong giai đoạn triển khai. Sau khi hoàn tất công tác triển khai, mà thời điểm xác định là khi sản phẩm có thể bán bắt đầu được khai thác từ mỏ, tất cả các tài sản này được phân loại thành “máy móc và thiết bị” và “tài sản khai khoáng khác” trong tài sản cố định hữu hình hoặc chi phí trả trước dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí khai thác khoáng sản khác

Căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 12727/BTC-TCĐN ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc ghi nhận các chi phí liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản là chi phí trả trước dài hạn thuộc tài sản dài hạn.

Chi phí khai thác khoáng sản khác bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá và phát triển mỏ (bao gồm chi phí bóc đất đá phát triển mỏ); và
- Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất (như được nêu dưới đây trong phần “Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ”).

Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ

Hoạt động khai thác mỏ lộ thiên đòi hỏi phải bóc lớp đất đá phủ bên trên và các loại phế liệu khác để tiếp cận thân quặng cần khai thác. Chi phí bóc đất đá phát sinh trong quá trình phát triển mỏ (chi phí bóc đất đá phát triển mỏ) được ghi nhận vào chi phí xây dựng mỏ. Toàn bộ chi phí bóc đất đá phát triển mỏ phát sinh trong giai đoạn xây dựng được kết chuyển vào chi phí khai thác khoáng sản khác.

Chi phí loại bỏ đất đá trong giai đoạn sản xuất của mỏ (chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất) được giữ lại chờ phân bổ khi chi phí này làm phát sinh lợi ích trong tương lai:

- a) Khi Tập đoàn chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- b) Khi có thể xác định được thành phần của phần thân quặng mà khả năng tiếp cận đã được cải thiện; và
- c) Khi các chi phí phát sinh có thể được tính toán được một cách đáng tin cậy.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được phân bổ giữa hàng tồn kho và chi phí trả trước dài hạn dựa trên tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời mỏ của các thành phần xác định được của thân quặng.

Tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ là tỷ lệ giữa tổng lượng đất đá và phế liệu ước tính phải bóc trên tổng lượng quặng ước tính có thể thu hồi được lợi ích kinh tế trong suốt vòng đời mỏ của các thành phần xác định được của thân quặng. Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được ghi nhận thành chi phí trả trước dài hạn khi tỷ lệ bóc đất đá thực tế của kỳ hiện tại cao hơn tỷ lệ bóc đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình phát triển mỏ và sản xuất được phân bổ một cách có hệ thống dựa trên trữ lượng khoáng sản và tài nguyên dự kiến có thể chuyển đổi thành trữ lượng khoáng sản của các thành phần của phần thân quặng có liên quan.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(k) Chi phí trả trước dài hạn (tiếp theo)

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo quy định và pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 35 đến 50 năm.

(iii) Chi phí bồi thường đất

Chi phí bồi thường đất bao gồm các chi phí phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iv) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành.

Công cụ và dụng cụ được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hữu dụng ước tính là từ trên 1 đến 3 năm.

(v) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước bao gồm giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển. Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 5 năm (bao gồm chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty, xây dựng trang web). Giá trị tiềm năng phát triển được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu).

(vi) Heo giống

Heo giống với nguyên giá mỗi con thấp hơn 30 triệu VND được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính từ trên 1 đến 3 năm. Chi phí phân bổ heo giống có liên quan trực tiếp đến việc chăn nuôi heo thịt trong sản phẩm dở dang được vốn hóa vào giá gốc của sản phẩm dở dang.

(vii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí trước hoạt động và các chi phí trả trước khác được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung do mua lại công ty con và công ty liên kết.

Lợi thế thương mại được phản ánh theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được phân bổ.

(m) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(n) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc nghĩa vụ liên đới có thể ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro cụ thể với khoản nợ phải trả đó.

(i) Quyền khai thác mỏ

Theo quy định của Luật khoáng sản năm 2010, NPM, một công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty, có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước tiền cấp quyền khai thác mỏ. Tiền cấp quyền khai thác được tính trên cơ sở trữ lượng còn lại có thể khai thác và giá tính tiền cấp quyền khai thác, được xác định theo giá tính thuế tài nguyên theo các văn bản pháp luật về thuế tài nguyên tại thời điểm xác định tiền cấp quyền khai thác là Nghị định 67.

Giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công bố. Phương pháp quy đổi dựa vào các thông số khác nhau của hệ số quy đổi theo hướng dẫn của Nghị định 67.

(ii) Phục hồi môi trường mỏ

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Tập đoàn làm phát sinh nghĩa vụ đóng cửa mỏ hoặc phục hồi môi trường mỏ. Hoạt động đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ có thể bao gồm việc giải bán mỏ và tháo dỡ thiết bị; phục hồi mặt bằng đất và khu vực khai thác. Phạm vi công việc phải thực hiện và các chi phí liên quan tùy thuộc vào các quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường ("Bộ TNMT") và các chính sách môi trường của Tập đoàn theo Báo cáo Tác động Môi trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(n) Dự phòng (tiếp theo)

(ii) Phục hồi môi trường mỏ (tiếp theo)

Dự phòng chi phí của mỗi chương trình đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận tại thời điểm xảy ra ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Khi mức độ ảnh hưởng tiêu cực tăng lên trong suốt thời gian hoạt động, thì khoản dự phòng sẽ tăng lên tương ứng. Chi phí được tính vào khoản dự phòng bao gồm tất cả chi phí liên quan đến các hoạt động đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ dự kiến và dự phòng sẽ được trích lập trong suốt thời gian khai thác, chế biến khoáng sản tương ứng với mức độ ảnh hưởng đến môi trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Trong trường hợp hoạt động phục hồi môi trường mỏ được tiến hành một cách có hệ thống trong suốt thời gian hoạt động, chứ không phải tại thời điểm đóng cửa, dự phòng được trích lập cho công việc phục hồi liên tục còn tồn đọng ước tính tại ngày báo cáo và chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chi phí vận hành thông thường có thể ảnh hưởng đến các hoạt động đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ sau này, như xử lý chất thải được tiến hành như một phần không thể tách rời của quá trình khai thác hoặc sản xuất, không được bao gồm trong dự phòng. Chi phí phát sinh từ các trường hợp không dự kiến trước được, như ô nhiễm do chất thải ngoài kế hoạch, được ghi nhận là chi phí và nợ phải trả khi sự kiện làm phát sinh nghĩa vụ có thể xảy ra và chi phí có khả năng ước tính đáng tin cậy.

Thời gian đóng cửa thực tế và chi phí phục hồi môi trường mỏ phụ thuộc vào vòng đời của mỏ. Dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến trong tương lai về giá trị hiện tại và được xác định theo xác suất ước tính của các dòng có thể tiền phát sinh đối với mỗi hoạt động khai thác. Các xét đoán và ước tính trọng yếu được sử dụng để hình thành dự kiến về các hoạt động trong tương lai và giá trị và thời gian của dòng tiền liên quan. Những dự kiến này được hình thành dựa trên yêu cầu về môi trường và pháp lý hiện hành làm phát sinh một nghĩa vụ liên đới.

Khi dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận lần đầu, chi phí tương ứng được vốn hóa như một tài sản nếu nghĩa vụ về đóng cửa và phục hồi môi trường là không thể tránh khỏi đối với việc xây dựng tài sản. Chi phí đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ đã vốn hóa được ghi nhận vào tài sản khai thác khoáng sản khác và được khấu hao sau đó. Chênh lệch về giá trị của khoản dự phòng tăng lên theo thời gian do ảnh hưởng của việc chiết khấu đến giá trị hiện tại, được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ sẽ được điều chỉnh theo các thay đổi về ước tính. Các điều chỉnh này sẽ được hạch toán như là thay đổi trong chi phí được vốn hóa tương ứng, trừ trường hợp số giảm dự phòng cao hơn chi phí được vốn hóa chưa được trích khấu hao của các tài sản liên quan, khi đó chi phí được vốn hóa được giảm xuống bằng không và phần chênh lệch còn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các thay đổi về chi phí được vốn hóa dẫn đến thay đổi về chi phí khấu hao trong tương lai. Các thay đổi về giá trị và thời gian ước tính của các dòng tiền trong tương lai đối với hoạt động đóng cửa và phục hồi mỏ là một sự kiện bình thường phù hợp với các xét đoán và ước tính quan trọng liên quan.

(iii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chỉ trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****(n) Dự phòng (tiếp theo)****(iv) Trợ cấp hưu trí**

Trợ cấp hưu trí là các khoản phúc lợi khi nghỉ hưu và được phân loại thành quỹ với mức đóng góp xác định hoặc quỹ với mức trợ cấp xác định.

Với quỹ với mức đóng góp xác định, Tập đoàn sẽ phải đóng góp một khoản tiền cố định vào một quỹ riêng. Nhân viên sẽ nhận được khoản tiền trợ cấp hưu trí trong tương lai dựa trên số tiền đã đóng và thu nhập mang lại từ việc đầu tư của quỹ riêng này. Tập đoàn không có nghĩa vụ pháp lý hay nghĩa vụ liên đới phải chi trả thêm khoản đóng góp nào nếu quỹ đó không có đủ tài sản để chi trả cho tất cả nhân viên khoản trợ cấp liên quan đến thời gian làm việc của nhân viên trong năm hiện tại và trước đó. Các khoản đóng góp của Tập đoàn cho quỹ với mức đóng góp xác định sẽ được ghi nhận là chi phí trong năm được chi trả.

Với quỹ với mức trợ cấp xác định, nhân viên sẽ nhận được một khoản trợ cấp hưu trí xác định khi nghỉ hưu, khoản trợ cấp thường phụ thuộc vào một hoặc nhiều yếu tố như tuổi tác, số năm làm việc và lương thường tại thời điểm nghỉ hưu. Dự phòng phải trả cho quỹ với mức trợ cấp xác định được xác định bằng giá trị hiện tại của nghĩa vụ với mức trợ cấp xác định tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Nghĩa vụ với mức trợ cấp xác định được tính toán hàng năm bởi các chuyên gia độc lập. Giá trị hiện tại của nghĩa vụ với mức trợ cấp xác định được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền phải trả ước tính trong tương lai sử dụng lãi suất của trái phiếu doanh nghiệp chất lượng cao AA với thời hạn tương tự thời hạn phải trả các khoản trợ cấp này, thể hiện bằng đơn vị tiền tệ mà khoản trợ cấp sẽ được thanh toán. Tập đoàn xác định chi phí lãi thuần trên nợ phải trả/(tài sản) phúc lợi thuần xác định trong năm bằng cách áp dụng tỷ lệ chiết khấu được sử dụng để đo lường nghĩa vụ phúc lợi xác định vào đầu kỳ kế toán năm đối với nợ phải trả phúc lợi thuần xác định, có tính đến bất kỳ những thay đổi trong nghĩa vụ phúc lợi thuần được xác định trong năm do các khoản đóng góp. Chi phí lãi thuần và các chi phí khác liên quan đến các quỹ lợi ích xác định được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Việc xác định nghĩa vụ với mức trợ cấp xác định còn bao gồm ước tính dòng tiền tương lai, tỷ lệ nghỉ việc của nhân viên, tỷ lệ tử vong và tỷ lệ tăng lương trong tương lai.

Tái đánh giá nợ phải trả phúc lợi hưu trí, bao gồm chênh lệch tăng giảm do định giá thống kê và thuế thu nhập hoãn lại liên quan, được ghi nhận trong chỉ tiêu "Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu" theo một công văn trả lời của Bộ Tài chính.

Vào ngày Tập đoàn mất quyền kiểm soát đối với công ty con có quỹ với mức trợ cấp xác định, số dư "Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu" liên quan được phân loại lại vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo một công văn trả lời của Bộ Tài chính.

(o) Trái phiếu phát hành***Trái phiếu thường***

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****(p) Thuế (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bằng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Vốn chủ sở hữu**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu.

(ii) Cổ phiếu ưu đãi không được đơn vị mua lại

Cổ phiếu ưu đãi không được đơn vị mua lại được phân loại là vốn chủ sở hữu do cổ phiếu này có mức cổ tức tùy theo quyết định của Công ty, không có nghĩa vụ chuyển giao tiền hay tài sản tài chính khác và không có yêu cầu phải thanh toán bằng một số lượng có thể thay đổi công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty. Do đó cổ tức tùy theo quyết định của Công ty được ghi nhận là phân phối vốn chủ sở hữu theo nghị quyết của các cổ đông của Công ty.

(iii) Thặng dư vốn cổ phần

Phần chênh lệch tăng do giá phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

(iv) Vốn khác của chủ sở hữu

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.

(r) Doanh thu**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Đối với doanh thu bán khoáng sản, giá bán thường được xác định sơ bộ tại ngày ghi nhận doanh thu và ngày điều chỉnh giá bán phát sinh sau đó dựa trên biến động giá niêm yết trên thị trường hoặc giá theo hợp đồng cho đến ngày định giá chính thức. Khoảng thời gian giữa thời điểm ghi nhận doanh thu sơ bộ và thời điểm định giá chính thức thường là từ 30 đến 60 ngày, tuy nhiên một số trường hợp có thể lên đến 90 ngày. Doanh thu ghi nhận sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu. Trong trường hợp các điều kiện trong hợp đồng mua bán cho phép điều chỉnh giá bán dựa trên bản khảo sát hàng hóa của khách hàng, kết quả phân tích được lập bởi một bên thứ ba sẽ được sử dụng, trừ khi bản khảo sát của khách hàng nằm trong phạm vi sai sót đã được quy định trong hợp đồng, khi đó doanh thu được ghi nhận dựa trên bản phân tích chất lượng sản phẩm gần nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****(r) Doanh thu (tiếp theo)****(i) Doanh thu bán hàng (tiếp theo)**

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi khấu trừ chiết khấu bán hàng đã tính trên hóa đơn.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản trong hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

(s) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**(i) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi từ các khoản cho vay và chứng khoán kinh doanh; lãi từ thanh lý các khoản đầu tư; lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái và các thu nhập tài chính khác. Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay, trái phiếu và các khoản đặt cọc; chi phí vay và phát hành trái phiếu được phân bổ (sau đây được gọi chung là "chi phí đi vay"); lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và các chi phí tài chính khác. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Thuê tài sản**(i) Tài sản thuê**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn, với tư cách là bên đi thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong Thuyết minh 3(g).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(t) Thuê tài sản (tiếp theo)

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc thuê tài chính. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ gốc còn lại.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu ("EPS") cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

Trong năm, Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy Công ty không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn khi tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và thứ yếu của Tập đoàn được lập lần lượt theo hoạt động kinh doanh và theo khu vực địa lý.

(w) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(x) Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên được phát hành theo giá quy định trong Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

4 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Tập đoàn có năm (5) bộ phận, như được trình bày dưới đây, là các hoạt động kinh doanh chiến lược của Tập đoàn. Các hoạt động kinh doanh chiến lược này đem đến các dịch vụ và sản phẩm khác nhau, và được quản lý theo phương pháp riêng vì các hoạt động này đòi hỏi các chiến lược tiếp thị và công nghệ khác nhau. Đối với từng hoạt động kinh doanh chiến lược, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn soát xét các báo cáo quản lý nội bộ định kỳ.

Tập đoàn nắm giữ các bộ phận kinh doanh sau đây thông qua nhóm công ty con riêng:

- Sản phẩm tiêu dùng có thương hiệu
- MEATLife: chuỗi giá trị thịt
- Vật liệu công nghệ cao
- Bán lẻ tiêu dùng
- Khác: dịch vụ tài chính, dịch vụ viễn thông, chuỗi bán lẻ đồ ăn và thức uống và các dịch vụ khác



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

4 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

(a) Báo cáo theo bộ phận kinh doanh

	Sản phẩm tiêu dùng có thương hiệu		MEATLife		Vật liệu công nghệ cao		Bán lẻ tiêu dùng		Khác		Loại trừ		Tổng	
	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	29.290.408	27.500.834	5.018.270	5.001.712	14.336.329	14.093.253	32.711.724	29.894.724	1.820.989	1.761.096	-	-	83.177.720	78.251.619
Doanh thu giữa các bộ phận	2.174.221	1.565.647	2.631.446	1.982.731	-	-	252.251	159.503	897.272	689.147	(5.955.190)	(4.397.028)	-	-
Lợi nhuận gộp của bộ phận	13.750.358	12.993.895	1.552.074	846.188	908.604	784.276	8.027.722	6.869.451	416.960	627.302	-	-	24.655.738	22.121.112
Kết quả kinh doanh của bộ phận	7.405.081	6.589.010	153.684	(234.245)	125.887	(82.726)	108.931	(655.186)	3.236.467	2.788.280	-	-	11.030.050	8.405.133
Chi phí không phân bổ thuần													(6.757.606)	(6.535.206)
Lợi nhuận thuần													4.272.384	1.869.927

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

4 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

(a) Báo cáo theo bộ phận kinh doanh (tiếp theo)

	Sản phẩm tiêu dùng có thương hiệu		MEATLife		Vật liệu công nghệ cao		Bán lẻ tiêu dùng		Khác		Tổng	
	31/12/2024	1/1/2024	31/12/2024	1/1/2024	31/12/2024	1/1/2024	31/12/2024	1/1/2024	31/12/2024	1/1/2024	31/12/2024	1/1/2024
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản của bộ phận	24.091.011	37.198.492	8.706.635	9.223.291	26.462.822	39.946.461	18.867.002	21.432.683	40.982.981	33.191.308	119.110.451	140.802.236
Tài sản không phân bổ											29.474.267	6.491.230
Tổng tài sản											147.584.718	147.293.472
Nợ phải trả của bộ phận	16.949.748	14.641.011	6.732.496	7.254.785	9.903.938	21.724.716	11.884.886	12.801.432	2.970.496	3.216.018	48.241.363	58.639.962
Nợ phải trả không phân bổ											58.590.975	49.505.259
Tổng nợ phải trả											106.832.338	108.145.221
	2024	2023	2024	2023	2024	2023	2024	2023	2024	2023	2024	2023
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Chi tiêu vốn	479.422	589.598	118.678	257.285	536.014	642.029	51.892	246.472	320.280	266.422	1.500.290	2.226.800
Chi tiêu vốn không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	1.503.004	1.990	1.503.004	1.990
Chi phí khấu hao	676.127	633.041	363.717	371.973	1.121.121	1.064.475	319.599	338.347	301.955	209.393	2.732.519	2.090.229
Chi phí khấu hao không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	22.519	4.506	22.519	4.506
Chi phí phân bổ	177.023	217.339	115.860	116.281	538.153	518.090	1.061.700	985.156	571.673	716.458	2.434.409	2.561.330
Chi phí phân bổ không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	14.418	3.420	14.418	3.420

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**4 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)****(b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Dựa trên thông tin về vị trí địa lý của khách hàng và tài sản là ở Việt Nam ("Trong nước") hay ở các nước khác ngoài Việt Nam ("Nước ngoài"), Tập đoàn nắm giữ các bộ phận theo khu vực địa lý sau đây thông qua từng nhóm công ty con:

	Nước ngoài		Trong nước		Tổng	
	2024	2023	2024	2023	2024	2023
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	14.375.771	13.207.381	68.801.949	65.044.238	83.177.720	78.251.619
Chi tiêu vốn	247.778	125.430	2.851.522	2.103.366	3.099.300	2.228.796
	Nước ngoài		Trong nước		Tổng	
	31/12/2024	1/1/2024	31/12/2024	1/1/2024	31/12/2024	1/1/2024
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tổng tài sản	32.435	12.251.735	147.552.283	135.131.737	147.584.718	147.383.472

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

5 GIAO DỊCH THANH LÝ CHỦ YẾU TRONG NĂM

Mất quyền kiểm soát trong H.C. Starck Holding (Germany) GmbH (Germany) (“HCS”)

Trong tháng 12 năm 2024, Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”), một công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty, đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ lợi ích kinh tế của mình trong HCS và các công ty con và công ty liên kết của HCS cho Mitsubishi Materials Corporation Group với tổng giá trị là 134,5 triệu USD (trước chi phí giao dịch).

Tại ngày thanh lý, HCS có các công ty con sở hữu trực tiếp và gián tiếp và công ty liên kết sau:

- ChemiLytics Beteiligungs GmbH (Germany)
- H.C. Starck GmbH (Germany)
- Chemische Fabriken Oker und Braunschweig AG (Germany)
- H.C. Starck Infrastructure GmbH & Co. KG (Germany)
- ChemiLytics GmbH & Co. KG (Germany)
- H.C. Starck Tungsten GmbH (Germany)
- H.C. Starck Nonferrous Metals Trading (Shanghai) Co. Ltd. (China)
- H.C. Starck Canada Inc. (Canada)
- H.C. Starck Tungsten GK (Japan)
- H.C. Starck Tungsten LLC (USA)
- H.C. Starck Jiangwu Tungsten Specialities (Ganzhou) Co. Ltd. (China)
- Chemitas GmbH (Germany)
- Jiangwu H.C. Starck Tungsten Products Co., Ltd. (China)

Liên quan đến giao dịch này, trước ngày thanh lý, HCS đã chuyển nhượng một khoản đầu tư dài hạn khác, Nyobolt Limited (“Nyobolt”), một công ty có trụ sở tại Vương quốc Anh chuyên cung cấp giải pháp pin sạc nhanh sử dụng vonfram và niobium, cho Công ty TNHH The SHERPA, một công ty con sở hữu trực tiếp của Công ty, với tổng giá trị là 19,8 triệu USD (“Giá giao dịch Nyobolt”).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**5 GIAO DỊCH THANH LÝ CHỦ YẾU TRONG NĂM (tiếp theo)**

Giao dịch này ảnh hưởng đến tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn vào ngày thanh lý như sau:

		Giá trị ghi sổ Triệu VND
Tiền và các khoản tương đương tiền		373.362
Các khoản phải thu ngắn hạn		934.808
Hàng tồn kho – thuần		2.325.915
Tài sản ngắn hạn khác		166.412
Các khoản phải thu dài hạn		132.207
Tài sản cố định hữu hình – thuần		2.769.690
Tài sản cố định vô hình – thuần		2.691.190
Bất động sản đầu tư – thuần		630.722
Xây dựng cơ bản dở dang		250.782
Đầu tư tài chính dài hạn, không bao gồm khoản đầu tư vào Nyobolt		239.674
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		6.731
Vay ngắn hạn		(365.520)
Phải trả ngắn hạn khác		(3.261.181)
Vay dài hạn		(152.420)
Dự phòng phải trả dài hạn		(4.730.223)
Phải trả dài hạn khác		(1.140.541)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát		(271.319)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		213.176
Tài sản thuần có thể xác định được	[1]	813.465
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào Nyobolt	[2]	1.421.243
Tiền chi mua lại khoản đầu tư vào Nyobolt từ HCS	[3]	(502.326)
Dự phòng đầu tư vào Nyobolt được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn (Thuyết minh 13(c))	[4] = [2] + [3]	918.917
Điều chỉnh tài sản thuần có thể xác định được	[5] = [1] + [4]	1.732.382
Tổng số tiền nhận được trừ đi chi phí giao dịch	[6]	3.135.668
Lãi từ việc thanh lý HCS sau khi tính đến khoản dự phòng đầu tư vào Nyobolt (Thuyết minh 30)	[7] = [6] - [5]	1.403.286
Xóa sổ tài sản thuế thu nhập hoãn lại trên lỗ tính thuế của HCS do mất quyền kiểm soát HCS		(442.502)
Lãi thuần từ việc thanh lý HCS		960.784
Tổng số tiền nhận được trừ đi chi phí giao dịch		3.135.668
Tiền và các khoản tương đương tiền của các công ty con đã thanh lý		(373.362)
Tiền thuần nhận được		2.762.306

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**6 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2024 Triệu VND	1/1/2024 Triệu VND
Tiền mặt	38.606	50.183
Tiền gửi ngân hàng	5.968.425	3.089.519
Tiền đang chuyển	57.533	150.852
Các khoản tương đương tiền	12.553.302	6.833.961
	<u>18.617.866</u>	<u>10.124.515</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tiền và các khoản tương đương tiền với giá trị ghi sổ là 508.991 triệu VND (1/1/2024: 641.542 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 20).

7 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, một phần của khoản phải thu ngắn hạn được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của một công ty con (Thuyết minh 20).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, trong khoản trả trước cho người bán của Tập đoàn bao gồm 314.872 triệu VND (1/1/2024: 341.797 triệu VND) liên quan đến các khoản trả trước mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác.

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2024 Triệu VND	1/1/2024 Triệu VND
Các khoản cho vay nhân sự quản lý chủ chốt của một công ty con sở hữu gián tiếp	<u>81.150</u>	<u>81.150</u>

Các khoản cho vay cấp cho các cổ đông sáng lập và đồng thời cũng là các nhân sự quản lý chủ chốt của một công ty con sở hữu gián tiếp được đảm bảo bằng 7.170.640 cổ phần của công ty con nắm giữ bởi các cổ đông này, hưởng lãi suất là 12% một năm (1/1/2024: 12% một năm) và đáo hạn vào ngày 31 tháng 10 năm 2024.

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2024 Triệu VND	1/1/2024 Triệu VND
Khoản cho vay bên thứ ba	<u>79.200</u>	<u>-</u>

Khoản cho vay này không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho vay tương ứng. Khoản cho vay này sẽ đáo hạn sau 23 tháng kể từ ngày giải ngân và lãi sẽ được nhận vào ngày đáo hạn của nợ gốc cho vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**7 CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)****(c) Phải thu khác**

Phải thu khác bao gồm:

	31/12/2024 Triệu VND	1/1/2024 Triệu VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Đặt cọc ngắn hạn (*)	18.800.621	5.738.314
Lãi phải thu	151.919	326.146
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư	84.669	1.606.669
Tạm ứng cho nhân viên	14.831	15.218
Phải thu khác (**)	1.015.570	1.212.411
	<u>20.067.610</u>	<u>8.898.758</u>
Phải thu dài hạn khác		
Đặt cọc dài hạn (*)	6.889.899	9.538.896
Phải thu khác (***)	1.555.291	1.672.059
	<u>8.445.190</u>	<u>11.210.955</u>

(*) Đặt cọc ngắn hạn và dài hạn lần lượt bao gồm 18.611.000 triệu VND và 6.531.500 triệu VND liên quan đến khoản đặt cọc trả cho các đối tác để đầu tư như một phần của hoạt động quản lý nguồn vốn của Tập đoàn (1/1/2024: lần lượt là 5.510.000 triệu VND và 9.086.740 triệu VND). Theo các hợp đồng này, Tập đoàn sẽ nhận được lợi tức đầu tư trên số tiền đặt cọc theo mức được quy định trong các hợp đồng tương ứng.

(**) Trong khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm 980.846 triệu VND phải thu liên quan đến tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ("TCQKTKS") của dự án khai thác mỏ Núi Pháo (1/1/2024: 788.003 triệu VND). Phải thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 thể hiện tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bổ sung của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo ("NPM") – một công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty cho giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2024 và phí hành chính liên quan mà NPM đã nộp cho cơ quan có thẩm quyền dựa trên tính toán tạm thời của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam ("TCĐCKSVN") theo Công văn số 3724/ĐCKS-KTĐCKS ngày 28 tháng 12 năm 2018 ("Công văn 3724") và sau đó là tính toán của Bộ Tài nguyên và Môi trường ("Bộ TNMT") theo Quyết định số 1640/QĐ-BTNMT ban hành ngày 23 tháng 8 năm 2021 ("Quyết định 1640").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**7 CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)****(c) Phải thu khác (tiếp theo)**

- (**) NPM không đồng ý với khoản tiền bổ sung này và cơ sở của Công văn 3724 vì Ban Giám đốc của NPM cho rằng công văn này là không hợp lý và không theo đúng các quy định hiện hành, bởi vì giá được sử dụng để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ("Giá tính TCQKTKS") được dựa trên giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm tài nguyên khoáng sản thay vì giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp. Theo quy định tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 2 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính về Thuế tài nguyên, nếu tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra, thì giá tính thuế tài nguyên là (=) giá bán sản phẩm công nghiệp trừ đi (-) chi phí chế biến phát sinh của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp nhưng không thấp hơn giá tính thuế do Ủy ban Nhân dân ("UBND") cấp tỉnh quy định. Sản phẩm của NPM là sản phẩm công nghiệp mà giá để tính thuế tài nguyên được xác định theo giá cao hơn giữa giá bán trừ (-) chi phí chế biến và giá tính thuế do UBND tỉnh quy định. TCĐCKSVN đã không sử dụng giá tính thuế được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp; mà sử dụng giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm tài nguyên khoáng sản – quặng vonfram (hàm lượng: $0,1\% < \text{WO}_3 < 0,3\%$). Trước ngày hiệu lực của Công văn 3724, NPM đã thanh toán TCQKTKS sử dụng ước tính giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp, theo Quyết định số 500/QĐ-BTNMT ("Quyết định 500") do Bộ TNMT ban hành ngày 4 tháng 3 năm 2015.

Vào ngày 23 tháng 8 năm 2021, Bộ TNMT ban hành Quyết định 1640 để phê duyệt TCQKTKS cho Dự án Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo, thay thế phê duyệt tạm thu TCQKTKS theo Quyết định 500 và Công văn 3724 mặc dù giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của NPM chưa được xác định. Khi ban hành Quyết định 1640 này, Bộ TNMT tiếp tục sử dụng giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho quặng vonfram (hàm lượng $0,1\% < \text{WO}_3 < 0,3\%$) thay vì sử dụng giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp mà bất cập của việc sử dụng giá này đã được NPM nêu rõ trước đây. Theo Điểm 3 Điều 15 Nghị định 67, đối với những trường hợp đang tạm thu TCQKTKS, khi giá tính thuế tài nguyên do UBND cấp tỉnh ban hành đang có hiệu lực và đúng quy định về giá khoáng sản nguyên khai để tính TCQKTKS thì được áp dụng chính thức, thay thế giá tính TCQKTKS tạm thu trước đây. Ban Giám đốc của NPM đánh giá rằng vì giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của NPM chưa được xác định bởi UBND Tỉnh Thái Nguyên, Giá tính TCQKTKS làm căn cứ xác định TCQKTKS theo Quyết định 1640 chưa phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

NPM cũng đã có nhiều công văn gửi các cấp có thẩm quyền nêu rõ vấn đề và tìm hướng giải quyết phù hợp cho vấn đề TCQKTKS của NPM. Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 978/VPCP-KTTH ngày 8 tháng 2 năm 2021, Công văn số 5987/VPCP-KTTH ngày 28 tháng 8 năm 2021 và tiếp đó là chỉ đạo bổ sung của Phó Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 226/TB-VPCP ngày 16 tháng 6 năm 2023 ("Thông báo 226"), vấn đề TCQKTKS của NPM đang được Bộ Tài chính, Bộ TNMT và UBND Tỉnh Thái Nguyên xem xét. Theo đó, TCQKTKS cho Dự án Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo sẽ được Bộ TNMT xác định lại sau khi (1) giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của NPM được ấn định và được UBND Tỉnh Thái Nguyên ban hành chính thức; và (2) khung giá tính thuế tài nguyên đối với quặng vonfram mỏ Núi Pháo do Bộ Tài chính ban hành và giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho quặng vonfram của NPM do UBND Tỉnh Thái Nguyên ban hành.

Như đề cập tại Thuyết minh 38 của báo cáo tài chính hợp nhất này, UBND Tỉnh Thái Nguyên, Sở Tài chính Tỉnh Thái Nguyên và các cơ quan chức năng có liên quan hiện đang phối hợp làm việc để xác định giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho các sản phẩm công nghiệp của NPM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**7 CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)****(c) Phải thu khác (tiếp theo)**

(**) Ban Giám đốc của NPM cho rằng bằng việc áp dụng giá được xác định trong Quyết định 500, NPM đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản nợ phải trả về TCQKTKS và khoản tiền tạm nộp trên đây sẽ được hoàn lại hoặc bù trừ cho các khoản nợ phải trả về TCQKTKS trong tương lai dựa trên diễn giải của NPM về quy định pháp luật liên quan, bao gồm các quy định về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và quy định về thuế tài nguyên. Do đó, Tập đoàn đã ghi nhận khoản TCQKTKS nộp bổ sung và các khoản phí hành chính liên quan là khoản phải thu và chưa ghi nhận TCQKTKS tăng thêm theo Quyết định 1640 là nợ phải trả. Ban Giám đốc của NPM tin rằng khoản phải thu này sẽ được thu hồi khi giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của NPM được xác định chính thức.

(***) Phải thu dài hạn khác bao gồm khoản phải thu 1.103.197 triệu VND từ Ngân sách Nhà nước đối với chi phí bồi thường đất của Dự án Khai thác Khoáng sản Núi Pháo tại Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên (1/1/2024: 1.228.947 triệu VND). Khoản này sẽ được cần trừ với phí thuê đất hàng năm trong tương lai.

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND
Số dư đầu năm	34.943	47.369
Dự phòng trích lập trong năm	50.967	733
Dự phòng sử dụng trong năm	(478)	(3.254)
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(340)	(9.905)
Số dư cuối năm	85.092	34.943

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

8 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc Triệu VND	Dự phòng Triệu VND	Giá gốc Triệu VND	Dự phòng Triệu VND
Hàng mua đang đi đường	186.540	-	256.960	-
Nguyên vật liệu	1.622.832	(54.823)	1.989.099	(87.084)
Công cụ và dụng cụ	690.667	(7.138)	1.098.721	(28.422)
Sản phẩm dở dang	842.361	(15.521)	1.517.776	(69.288)
Thành phẩm	3.172.416	(99.641)	4.545.610	(104.637)
Hàng hóa	4.333.260	(27.112)	4.048.146	(31.575)
Hàng gửi đi bán	153.719	(10.164)	40.290	(728)
	<u>11.001.795</u>	<u>(214.399)</u>	<u>13.496.602</u>	<u>(321.734)</u>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND
Số dư đầu năm	321.734	188.936
Dự phòng trích lập trong năm	160.753	271.985
Dự phòng sử dụng trong năm	(133.806)	(103.587)
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(65.799)	(35.600)
Thanh lý các công ty con	(68.483)	-
Số dư cuối năm	<u>214.399</u>	<u>321.734</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, một phần hàng tồn kho được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của một công ty con (Thuyết minh 20).

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có 68.175 triệu VND (1/1/2024: 43.971 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có 822.014 triệu VND (1/1/2024: 3.041.609 triệu VND) hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc Triệu VND	Nâng cấp tài sản thuê Triệu VND	Máy móc và thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận chuyển Triệu VND	Thiết bị văn phòng và khác Triệu VND	Tài sản khai khoáng khác Triệu VND	Tổng Triệu VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	17.413.517	55.267	29.807.456	170.829	442.173	5.095.927	52.985.169
Tăng trong năm/Điều chỉnh sau quyết toán	11.289	-	110.513	1.648	28.182	-	151.632
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	614.838	-	1.303.030	11.528	197.230	-	2.126.626
Chuyển từ/(sang) chi phí trả trước dài hạn	-	-	(925)	-	45	-	(880)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	(124)	-	(233)	-	(357)
Chuyển từ hàng tồn kho	-	-	65.157	-	-	-	65.157
Thanh lý/Xóa sổ	(117.185)	(1.067)	(235.681)	(21.247)	(50.483)	-	(425.663)
Phân loại lại	7.426	-	(1.951)	(919)	(4.556)	-	-
Thanh lý các công ty con	(1.639.788)	-	(5.516.828)	-	-	-	(7.156.616)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	(61.438)	-	(54.105)	-	-	-	(115.543)
Số dư cuối năm	16.228.659	54.200	25.476.542	161.839	612.358	5.095.927	47.629.525

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)

	Nhà cửa và vật kiến trúc Triệu VND	Nâng cấp tài sản thuê Triệu VND	Máy móc và thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận chuyển Triệu VND	Thiết bị văn phòng và khác Triệu VND	Tài sản khai khoáng khác Triệu VND	Tổng Triệu VND
Khấu hao lũy kế							
Số dư đầu năm	5.073.370	52.759	15.343.960	80.919	200.275	1.765.184	22.516.467
Khấu hao trong năm	827.468	1.445	1.701.786	19.913	53.640	111.934	2.716.186
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	(1.022)	-	(1.192)	-	(2.214)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	(119)	-	(3)	-	(122)
Thanh lý/Xóa sổ	(64.328)	(1.067)	(180.944)	(17.342)	(26.545)	-	(290.226)
Phân loại lại	6.302	-	(33)	(612)	(5.657)	-	-
Thanh lý các công ty con	(578.885)	-	(3.808.041)	-	-	-	(4.386.926)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	(4.821)	-	(40.272)	-	-	-	(45.093)
Số dư cuối năm	5.259.106	53.137	13.015.315	82.878	220.518	1.877.118	20.508.072
Giá trị còn lại							
Số dư đầu năm	12.340.147	2.508	14.463.496	89.910	241.898	3.330.743	30.468.702
Số dư cuối năm	10.969.553	1.063	12.461.227	78.961	391.840	3.218.809	27.121.453

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 3.564.177 triệu VND (1/1/2024: 3.609.635 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 12.585.988 triệu VND (1/1/2024: 12.956.782 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay và trái phiếu phát hành của các công ty con (Thuyết minh 20 và Thuyết minh 21).



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Phần mềm máy vi tính Triệu VND	Chi phí triển khai Triệu VND	Thương hiệu Triệu VND	Quan hệ khách hàng Triệu VND	Tài nguyên nước khoáng Triệu VND	Quyền khai thác khoáng sản Triệu VND	Công nghệ Triệu VND	Quyền khai thác nguồn tài nguyên nước khoáng Triệu VND	Giấy phép và khác Triệu VND	Tổng Triệu VND
Nguyên giá											
Số dư đầu năm	3.829.899	1.061.737	750.735	3.649.931	3.755.597	412.698	792.657	2.214.789	76.235	146.667	16.690.945
Tăng trong năm	-	4.583	-	556	-	-	-	-	-	-	5.139
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.049.202	18.637	-	-	-	-	-	-	-	-	1.067.839
Thanh lý/Xóa sổ	-	(170.272)	-	-	-	-	-	-	-	-	(170.272)
Thanh lý các công ty con	(40.340)	(175.311)	(639.078)	(1.044.093)	(214.430)	-	-	(1.440.222)	-	(52.157)	(3.605.631)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	(589)	2.743	(7.157)	(11.693)	(2.401)	-	-	(16.130)	-	(100)	(35.327)
Số dư cuối năm	4.838.172	742.117	104.500	2.594.701	3.538.766	412.698	792.657	758.437	76.235	94.410	13.952.693
Giá trị hao mòn lũy kế											
Số dư đầu năm	570.996	941.772	204.243	1.024.476	869.373	180.685	320.564	408.450	33.039	31.110	4.584.708
Khấu hao trong năm	161.956	52.799	36.988	139.020	125.565	19.331	37.767	166.923	2.782	13.414	756.545
Thanh lý/Xóa sổ	-	(170.257)	-	-	-	-	-	-	-	-	(170.257)
Thanh lý các công ty con	-	(159.250)	(232.379)	(160.744)	(27.654)	-	-	(321.483)	-	(12.931)	(914.441)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	-	2.827	(3.627)	(2.812)	(484)	-	-	(5.624)	-	283	(9.437)
Số dư cuối năm	732.952	667.891	5.225	999.940	966.800	200.016	358.331	248.266	35.821	31.876	4.247.118
Giá trị còn lại											
Số dư đầu năm	3.258.903	119.965	546.492	2.625.455	2.886.224	232.013	472.093	1.806.339	43.196	115.557	12.106.237
Số dư cuối năm	4.105.220	74.226	99.275	1.594.761	2.571.966	212.682	434.326	510.171	40.414	62.534	9.705.575

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (tiếp theo)

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản cố nguyên giá 1.712.066 triệu VND (1/1/2024: 1.589.727 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại là 1.486.671 triệu VND (1/1/2024: 515.313 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay và trái phiếu phát hành của các công ty con (Thuyết minh 20 và Thuyết minh 21).

11 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm:

	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Nhà cửa và cơ sở hạ tầng Triệu VND	Tổng Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	35.370	1.180.979	1.216.349
Thanh lý các công ty con	(34.977)	(1.145.663)	(1.180.640)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	(393)	(16.688)	(17.081)
Số dư cuối năm	-	18.628	18.628
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	507.679	507.679
Khấu hao trong năm	-	66.994	66.994
Thanh lý các công ty con	-	(549.918)	(549.918)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	-	(10.293)	(10.293)
Số dư cuối năm	-	14.462	14.462
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	35.370	673.300	708.670
Số dư cuối năm	-	4.166	4.166

Trong bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản cố nguyên giá 10.814 triệu VND (1/1/2024: 9.447 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có bất động sản đầu tư được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay và trái phiếu phát hành của các công ty con (1/1/2024: giá trị còn lại là 627.808 triệu VND) (Thuyết minh 20 và Thuyết minh 21).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì Tập đoàn chưa thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

12 XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND
Số dư đầu năm	3.127.230	3.324.848
Tăng trong năm	2.997.229	2.013.622
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	21.071
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.126.626)	(1.767.449)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.067.839)	(32.283)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(445.241)	(428.521)
Thanh lý/Xóa sổ	(558.190)	(11.171)
Thanh lý các công ty con	(250.782)	-
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	(4.913)	7.113
Số dư cuối năm	<u>1.670.868</u>	<u>3.127.230</u>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2024 Triệu VND	1/1/2024 Triệu VND
Nhà cửa và vật kiến trúc	307.129	515.461
Chi phí bồi thường đất	388.640	412.261
Máy móc và thiết bị	445.324	1.693.552
Phần mềm máy vi tính	59.728	17.437
Tài sản khác	470.047	488.519
	<u>1.670.868</u>	<u>3.127.230</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 1.089.973 triệu VND (1/1/2024: 2.241.466 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay và trái phiếu phát hành của các công ty con (Thuyết minh 20 và Thuyết minh 21).

Trong năm, chi phí đi vay với giá trị là 15.221 triệu VND được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang (2023: 129.114 triệu VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**13 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2024 Triệu VND	1/1/2024 Triệu VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Chứng khoán kinh doanh	-	4.183.054
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (a)	607.993	2.611.737
	<u>607.993</u>	<u>6.794.791</u>
Đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư vào các công ty liên kết (b)	33.409.931	30.281.765
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (c)	2.932.523	2.937.702
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (c)	(1.023.673)	-
	<u>35.318.781</u>	<u>33.219.467</u>

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng VND tại ngân hàng với kỳ hạn gốc trên 3 tháng và dưới 12 tháng kể từ ngày giao dịch. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, khoản tiền gửi có kỳ hạn với giá trị ghi sổ là 176.318 triệu VND (1/1/2024: 100.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay và trái phiếu phát hành của Tập đoàn (Thuyết minh 20 và Thuyết minh 21).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

13 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào các công ty liên kết

	31/12/2024				1/1/2024			
	% sở hữu trên vốn điều lệ	% quyền biểu quyết trên vốn điều lệ	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND	% sở hữu trên vốn điều lệ	% quyền biểu quyết trên vốn điều lệ	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
• Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Techcombank") (i)	19,8%	19,8%	30.949.350	34.455.093	19,9%	19,9%	27.649.293	22.224.583
• Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex ("Cholimex") (ii)	32,8%	32,8%	346.526	(*)	32,8%	32,8%	294.757	(*)
• Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản ("Vissan") (iii)	24,9%	24,9%	2.114.055	(*)	24,9%	24,9%	2.126.163	(*)
• Jiangwu H.C. Starck Tungsten Products Co., Ltd. (China) ("Jiangwu")	-	-	-	-	30,0%	30,0%	211.552	(*)
			<u>33.409.931</u>				<u>30.281.765</u>	

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty liên kết này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Cho mục đích thuyết minh thông tin, giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Techcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 được xác định bằng cách tham khảo giá niêm yết tại các ngày tương ứng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

13 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**(b) Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)**

- (i) Tập đoàn nắm giữ 19,8% lợi ích vốn chủ sở hữu của Techcombank. Trong năm, Techcombank đã phát hành cổ phiếu cho nhân viên theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên. Do kết quả của giao dịch này, lợi ích kinh tế của Tập đoàn trong Techcombank giảm từ 19,9% xuống 19,8%.
- (ii) MSC nắm giữ 32,8% lợi ích vốn chủ sở hữu của Cholimex.
- (iii) MML nắm giữ 24,9% lợi ích vốn chủ sở hữu của Vissan.

Biến động các khoản đầu tư vào các công ty liên kết trong năm như sau:

	Techcombank Triệu VND	Cholimex Triệu VND	Vissan Triệu VND	Jiangwu Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư đầu năm	27.649.293	294.757	2.126.163	211.552	30.281.765
Phần lợi nhuận phát sinh trong năm của các công ty liên kết	4.348.387	65.065	-	30.317	4.443.769
Cổ tức đã công bố	(1.048.330)	(13.296)	(12.108)	-	(1.073.734)
Giảm do thanh lý các công ty con	-	-	-	(239.674)	(239.674)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	-	-	-	(2.195)	(2.195)
Số dư cuối năm	30.949.350	346.526	2.114.055	-	33.409.931

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

13 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Chi tiết đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác của Tập đoàn như sau:

	31/12/2024				1/1/2024			
	% sở hữu trên vốn điều lệ	% quyền biểu quyết trên vốn điều lệ	Giá gốc Triệu VND	Dự phòng giảm giá Triệu VND	% sở hữu trên vốn điều lệ	% quyền biểu quyết trên vốn điều lệ	Giá gốc Triệu VND	Dự phòng giảm giá Triệu VND
• Công ty Cổ phần Trusting Social ("TSVN") (i)	25,1%	25,1%	1.511.280	(104.756)	25,1%	25,1%	1.511.280	-
• Nyobolt Limited ("Nyobolt") (ii)	15,5%	15,5%	1.421.243	(918.917)	15,5%	15,5%	1.426.422	-
			<u>2.932.523</u>	<u>(1.023.673)</u>			<u>2.937.702</u>	<u>-</u>

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

- (i) Trong tháng 4 năm 2022, SHERPA, một công ty con sở hữu trực tiếp của Công ty, đã đầu tư 65 triệu USD cho 25,1% lợi ích vốn chủ sở hữu của TSVN. Theo thỏa thuận giữa SHERPA và Trust IQ Pte. Ltd. ("TSSG") (công ty mẹ của TSVN) và TSVN, SHERPA có một số quyền nhất định đối với TSVN và TSSG.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

13 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (tiếp theo)

- (ii) Khoản đầu tư này phản ánh 21,5% lợi ích vốn chủ sở hữu hay 15,5% lợi ích vốn chủ sở hữu trên cơ sở pha loãng hoàn toàn. Biến động trong năm của khoản đầu tư này là do chênh lệch quy đổi tiền tệ.

Trong tháng 6 năm 2024, SHERPA đã ký một thỏa thuận với HCS để mua lại toàn bộ lợi ích vốn chủ sở hữu mà HCS nắm giữ tại Nyobolt. Giao dịch đã được hoàn tất trong tháng 12 năm 2024 (Thuyết minh 5).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể đối với TSVN và Nyobolt, do đó các khoản đầu tư này được hạch toán là khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được xác định và trích lập theo chính sách kế toán được mô tả trong Thuyết minh 3(d)(iii). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định là suy giảm, do đó Tập đoàn đã trích lập dự phòng giảm giá với số tiền là 1.023.673 triệu VND (1/1/2024: Không). Số dư dự phòng tại thời điểm cuối năm thể hiện khoản dự phòng đã trích lập trong năm.

(d) Các giao dịch trọng yếu với cổ đông không kiểm soát cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Các giao dịch với cổ đông không kiểm soát trong Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Dịch vụ VCM ("WCM")

Do kết quả của giao dịch được mô tả trong Thuyết minh 1(d), lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Tập đoàn giảm đi 4.494.349 triệu VND.

Các giao dịch với cổ đông không kiểm soát trong Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials ("MHT")

Do kết quả của giao dịch được mô tả trong Thuyết minh 1(b), lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Tập đoàn giảm đi 418.851 triệu VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**13 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****(e) Các giao dịch trọng yếu với cổ đông không kiểm soát trong các công ty con trong các năm trước*****Các giao dịch với cổ đông không kiểm soát trong Công ty Cổ phần The CrownX (“CrownX”)***

Liên quan đến các giao dịch phát hành 7.611.593 cổ phiếu phổ thông của CrownX trong tháng 6 và tháng 12 năm 2021, Công ty, SHERPA và CrownX đã ký thỏa thuận (“Thỏa thuận Cổ đông”) với Alibaba.Com Singapore E-Commerce Private Limited, Thunbergia Pte. Limited, Credit Suisse AG, Chi nhánh Singapore, TCX Madrid Holdings Pte.Ltd và Seatown Master Fund (sau đây được gọi chung là “Nhà đầu tư”), theo đó, Tập đoàn cam kết với Nhà đầu tư sẽ nỗ lực tối đa để thực hiện phát hành lần đầu ra công chúng (“IPO”) cổ phiếu của CrownX trước ngày 11 tháng 6 năm 2026 (có thể được gia hạn tối đa một năm theo quyết định của Tập đoàn) (“Thời hạn IPO”). Trong trường hợp CrownX không thực hiện được IPO theo các điều kiện đã thỏa thuận, mỗi Nhà đầu tư sẽ có quyền chọn được yêu cầu SHERPA, công ty mẹ của CrownX hoặc bên được chỉ định bởi SHERPA, mua cổ phiếu mà Nhà đầu tư đó đã mua trong vòng gọi vốn này với mức giá đã được đồng ý trong thỏa thuận. Quyền chọn này có thể được thực hiện sau Thời hạn IPO và tiếp tục có hiệu lực cho đến ngày tròn 9 năm 1 tháng kể từ ngày hoàn tất giao dịch – ngày 11 tháng 6 năm 2021. Quyền chọn này chỉ có thể được thực hiện một lần đối với tất cả các cổ phiếu nói trên.

SK Investment Vina Pte. Ltd (“SK”) cũng ký kết Thỏa thuận Cổ đông nêu trên và được hưởng quyền lợi như các Nhà đầu tư trên đối với 3.636.521 cổ phiếu phổ thông CrownX mà SK mua lại từ một bên thứ ba trong tháng 12 năm 2021.

Trong năm 2022, Hội đồng Quản trị của CrownX đã phê duyệt chương trình quyền chọn cổ phiếu cho nhân viên của CrownX, các công ty con của CrownX và nhân viên của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và các công ty con, những người đã có đóng góp cho sự phát triển của CrownX (“ESOP”). Tổng số cổ phiếu ESOP được phê duyệt theo ESOP cấp cho nhân viên tối đa là 7.743.652 cổ phiếu CrownX (sẽ được điều chỉnh tương ứng trong trường hợp hợp nhất, chia tách, chia nhỏ, phát hành cổ phiếu thưởng, phân loại lại hoặc các sự kiện tương tự khác). Trong năm, chương trình ESOP này đã được hủy. Tại ngày ESOP này được hủy, sự kiện phát hành chưa xảy ra và không có cổ phiếu ESOP nào được phát hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

14 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Chi phí khai thác khoáng sản khác Triệu VND	Chi phí đất trả trước Triệu VND	Chi phí bồi thường đất Triệu VND	Công cụ và dụng cụ Triệu VND	Lợi thế thương mại từ cổ phần hóa Triệu VND	Heo giống Triệu VND	Khác Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư đầu năm	1.774.963	1.404.009	1.273.048	1.529.064	6.269	46.246	1.384.443	7.418.042
Tăng trong năm	132.048	181.866	68.797	163.806	-	-	202.329	748.846
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	-	-	(1.334)	-	-	-	(1.334)
Chuyển từ/(sang) xây dựng cơ bản dở dang	-	(8.587)	-	277.306	-	34.041	142.481	445.241
Chuyển từ chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	3.365	-	-	26	3.391
Phân bổ trong năm	(171.357)	(37.406)	(75.119)	(593.529)	(3.134)	(25.306)	(492.423)	(1.398.274)
Thanh lý/Xóa sổ	-	(5.831)	-	(24.970)	-	(12.406)	(1.716)	(44.923)
Số dư cuối năm	<u>1.735.654</u>	<u>1.534.051</u>	<u>1.266.726</u>	<u>1.353.708</u>	<u>3.135</u>	<u>42.575</u>	<u>1.235.140</u>	<u>7.170.989</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ là 565.667 triệu VND (1/1/2024: 437.407 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của các công ty con (Thuyết minh 20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**15 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ****(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận**

	31/12/2024 Triệu VND	1/1/2024 Triệu VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Chi phí phải trả và dự phòng (*)	372.813	404.706
Tái đánh giá nợ phải trả phúc lợi hưu trí (**)	-	297.826
Lãi chưa thực hiện đối với các giao dịch nội bộ	83.500	84.173
Lỗ tính thuế mang sang	208.719	633.907
Tài sản cố định hữu hình	215	52
Cần trừ (*)	-	(773.893)
Khác	22.742	29.898
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	687.989	676.669
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Tài sản cố định hữu hình và tài sản dài hạn khác (*)	(247.170)	(851.159)
Tài sản cố định vô hình	(2.016.866)	(2.944.381)
Lỗ chưa thực hiện đối với các giao dịch nội bộ	(9.815)	(52.546)
Dự phòng và các khoản khác	-	(3.289)
Đầu tư vào các công ty liên kết	(297.477)	(350.749)
Cần trừ (*)	-	796.165
Khác	94.831	(439)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(2.476.497)	(3.406.398)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần	(1.788.508)	(2.729.729)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**15 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ (tiếp theo)****(b) Biến động của các chênh lệch tạm thời trong năm**

	1/1/2024 Triệu VND	Thanh lý các công ty con Triệu VND	Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Triệu VND	Ghi nhận trong vốn chủ sở hữu Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Chi phí phải trả, dự phòng và các khoản khác	453.148	(50.145)	114.420	(27.037)	490.386
Tái đánh giá nợ phải trả phúc lợi hưu trí (**)	297.826	(178.622)	(171.710)	52.506	-
Lãi/(lỗ) chưa thực hiện đối với các giao dịch nội bộ	31.627	-	42.058	-	73.685
Lỗ tính thuế mang sang	633.907	(87.767)	(346.628)	9.207	208.719
Tài sản cố định hữu hình và tài sản dài hạn khác	(851.107)	612.708	(19.290)	10.734	(246.955)
Tài sản cố định vô hình	(2.944.381)	775.696	147.246	4.573	(2.016.866)
Đầu tư vào các công ty liên kết	(350.749)	60.804	(7.579)	47	(297.477)
	<u>(2.729.729)</u>	<u>1.132.674</u>	<u>(241.483)</u>	<u>50.030</u>	<u>(1.788.508)</u>

- (*) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ HCS và các công ty con được trình bày trên cơ sở thuần bởi vì các công ty con có quyền hợp pháp để cản trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả do cùng một cơ quan thuế quản lý và trên cùng một đơn vị chịu thuế.
- (**) Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu bao gồm thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến tái đánh giá nợ phải trả phúc lợi hưu trí – dự phòng trợ cấp hưu trí. Như đã đề cập ở Thuyết minh 3(n), các khoản mục này được ghi nhận trong chỉ tiêu “Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu” theo một công văn trả lời của Bộ Tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

16 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Triệu VND
Giá gốc	
Số dư đầu năm	7.446.614
Điều chỉnh khác	(213.665)
Số dư cuối năm	<u>7.232.949</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	3.073.475
Phân bổ trong năm	571.372
Số dư cuối năm	<u>3.644.847</u>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	4.373.139
Số dư cuối năm	<u><u>3.588.102</u></u>

17 THUẾ PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	1/1/2024 Triệu VND	Phát sinh Triệu VND	Nộp Triệu VND	Cần trừ/ Phân loại lại/Hoàn lại Triệu VND	Thanh lý các công ty con Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	747.424	1.510.936	(1.408.359)	(11.794)	(82.610)	755.597
Thuế giá trị gia tăng	174.196	9.702.501	(1.766.493)	(7.964.722)	-	145.482
Thuế tiêu thụ đặc biệt	36.841	337.820	(333.921)	-	-	40.740
Thuế xuất nhập khẩu	1.191	266.904	(265.628)	(423)	-	2.044
Thuế thu nhập cá nhân	34.747	436.977	(395.386)	(31.318)	-	45.020
Các loại thuế khác	108.805	650.837	(633.690)	(1.097)	(96.359)	28.496
	<u>1.103.204</u>	<u>12.905.975</u>	<u>(4.803.477)</u>	<u>(8.009.354)</u>	<u>(178.969)</u>	<u>1.017.379</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

18 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

(a) Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 Triệu VND	1/1/2024 Triệu VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mại	1.688.022	1.568.282
Thưởng và lương tháng 13	677.538	722.727
Chi phí lãi vay	508.405	741.680
Phải trả cho xây dựng công trình	268.410	420.473
Chi phí kho vận	240.626	251.074
Chi phí trưng bày và nghiên cứu thị trường	163.655	131.975
Chiết khấu thương mại và chi phí hỗ trợ khách hàng	142.929	45.922
Mua hàng chưa nhận hóa đơn	137.673	167.715
Thuế và lệ phí tài nguyên môi trường	97.997	15.690
Chi phí tư vấn	11.718	23.924
Chi phí khác	850.169	729.582
	<u>4.787.142</u>	<u>4.819.044</u>

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2024 Triệu VND	1/1/2024 Triệu VND
Chi phí lãi vay	<u>102.080</u>	<u>31.186</u>

19 PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 Triệu VND	1/1/2024 Triệu VND
Đặt cọc đầu tư ngắn hạn nhận từ bên thứ ba (*)	18.282.304	8.008.238
Lãi vay phải trả (*)	-	9.712
Phải trả cho các ngân hàng trong nước theo thỏa thuận thư tín dụng (**)	21.250	499.635
Cổ tức phải trả	31.446	11.995
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	10.739	11.462
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được	22.995	14.175
Phải trả khác	120.874	364.574
	<u>18.489.608</u>	<u>8.919.791</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

19 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2024 Triệu VND	1/1/2024 Triệu VND
Đặt cọc đầu tư dài hạn nhận từ bên thứ ba (*)	5.912.186	7.803.740
Ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được	50.436	36.660
Phải trả khác	249.727	358.845
	<u>6.212.349</u>	<u>8.199.245</u>

(*) Theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh, Tập đoàn cam kết cung cấp lợi tức đầu tư trên số tiền đặt cọc nhận được cho các bên thứ ba theo mức được quy định trong hợp đồng hợp tác kinh doanh tương ứng.

(**) Khoản này phản ánh các khoản phải trả cho các ngân hàng trong nước theo các thỏa thuận thu tín dụng. Khoản chưa thanh toán chịu mức phí cố định từ 7,9% đến 8,3% một năm (1/1/2024: 2,9% đến 12% một năm) trên số dư chưa thanh toán trong thời gian trả chậm từ 3 đến 9 tháng và được đảm bảo bằng 110 triệu cổ phiếu của một công ty con sở hữu gián tiếp (1/1/2024: 110 triệu cổ phiếu của một công ty con sở hữu gián tiếp). Trong trường hợp Tập đoàn chậm thanh toán khi đến hạn, các khoản phải trả này sẽ được chuyển thành các khoản vay.

Biến động khoản phải trả này trong năm như sau:

	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND
Số dư đầu năm	499.635	936.287
Tăng trong năm	64.147	780.896
Thanh toán trong năm	(542.532)	(1.217.548)
Số dư cuối năm	<u>21.250</u>	<u>499.635</u>

20 VAY, TRÁI PHIẾU VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2024 Triệu VND	1/1/2024 Triệu VND
Vay ngắn hạn	17.999.105	19.067.526
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 21)	8.725.061	8.962.671
	<u>26.724.166</u>	<u>28.030.197</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

20 VAY, TRÁI PHIẾU VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

	1/1/2024 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ Triệu VND		Biến động trong năm			31/12/2024 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ Triệu VND
		Tăng Triệu VND	Hoàn trả Triệu VND	Đánh giá lại Triệu VND	Thanh lý các công ty con Triệu VND	
Vay ngắn hạn	19.067.526	52.602.107	(53.307.438)	2.430	(365.520)	17.999.105
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 21)	8.962.671	8.899.956	(9.140.078)	2.512	-	8.725.061
	<u>28.030.197</u>	<u>61.502.063</u>	<u>(62.447.516)</u>	<u>4.942</u>	<u>(365.520)</u>	<u>26.724.166</u>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn sổ dư như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	31/12/2024 Triệu VND	1/1/2024 Triệu VND
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	4,0% - 8,1%	1.886.497	973.637
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	USD	5,9% - 8,2%	2.366.144	2.346.388
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	EUR	-	-	274.300
Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	VND	3,8% - 5,9%	13.306.768	15.049.973
Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	USD	5,8% - 8,4%	439.696	335.881
Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	CNY	-	-	87.347
			<u>17.999.105</u>	<u>19.067.526</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**20 VAY, TRÁI PHIẾU VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)**

Các khoản vay ngân hàng có đảm bảo được đảm bảo bằng các tài sản sau của Tập đoàn:

- (i) một số cổ phiếu của các công ty con sở hữu gián tiếp;
- (ii) một số tài sản cố định và bất động sản đầu tư của các công ty con;
- (iii) một số hàng tồn kho và phải thu ngắn hạn của một công ty con;
- (iv) một số tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn; và
- (v) bảo lãnh bởi Công ty và một số công ty con.

21 VAY, TRÁI PHIẾU VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2024 Triệu VND	1/1/2024 Triệu VND
Vay dài hạn ngân hàng	34.503.851	33.725.965
Trái phiếu thường	12.799.172	16.435.049
Nợ thuê tài chính	247.223	343.551
	<u>47.550.246</u>	<u>50.504.565</u>
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 20)	(8.725.061)	(8.962.671)
	<u>38.825.185</u>	<u>41.541.894</u>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2024 Triệu VND	1/1/2024 Triệu VND
Vay dài hạn (*)					
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	4,8% - 12,0%	2025 - 2028	3.939.501	3.421.131
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	USD	6,5% - 9,3%	2027 - 2028	28.799.950	29.870.500
Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	USD	6,8% - 7,2%	2029	1.764.400	-
Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	CNY	-	-	-	94.334
Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	VND	-	-	-	340.000
				<u>34.503.851</u>	<u>33.725.965</u>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(5.717.309)	(3.467.128)
				<u>28.786.542</u>	<u>30.258.837</u>
Trái phiếu thường (**)	VND	4,1% - 9,2%	2025 - 2028	12.966.934	16.574.230
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ				(167.762)	(139.181)
				<u>12.799.172</u>	<u>16.435.049</u>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(2.995.494)	(5.479.909)
				<u>9.803.678</u>	<u>10.955.140</u>
Nợ thuê tài chính (***)	VND	8,6% - 11,2%	2035	247.223	343.551
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(12.258)	(15.634)
				<u>234.965</u>	<u>327.917</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

21 VAY, TRÁI PHIẾU VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(*) Vay dài hạn

Các khoản vay dài hạn được đảm bảo bằng các tài sản sau của Tập đoàn:

- (i) một số tài sản cố định và bất động sản đầu tư của các công ty con;
- (ii) một số xây dựng cơ bản dở dang của các công ty con;
- (iii) một số chi phí trả trước dài hạn của các công ty con;
- (iv) một số cổ phiếu của một công ty con sở hữu gián tiếp;
- (v) một số vốn cổ phần đã phát hành của một công ty con sở hữu gián tiếp và toàn bộ các lợi ích liên quan; và
- (vi) bảo lãnh bởi Công ty và một số công ty con.

Trong năm, Tập đoàn đã tuân thủ các điều khoản trong các hợp đồng vay trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

21 VAY, TRÁI PHIẾU VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(**) Trái phiếu thường

Bảo lãnh phát hành	31/12/2024 Triệu VND	1/1/2024 Triệu VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương					
▪ Trái phiếu được đảm bảo	3.193.704	5.284.000	2027	Từ 9% đến 11% một năm trong năm đầu tiên, và từ 3,3% đến 5,1% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại	(i), (iii), (iv), (v)
▪ Trái phiếu không đảm bảo	4.522.980	4.899.980	2026 - 2028	9,5% một năm trong năm đầu tiên, và từ 3,9% đến 4,0% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại	Không
Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS					
▪ Trái phiếu được đảm bảo	3.000.000	3.000.000	2025	9,9% một năm trong năm đầu tiên, 10,9% một năm trong năm thứ 2 và 3,9% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại	(ii), (v)
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB					
▪ Trái phiếu được đảm bảo	-	1.140.000	2026	9,2% một năm trong năm đầu tiên và 3,2% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại	(i), (v)
▪ Trái phiếu không đảm bảo	50.250	50.250	2028	Từ 11,45% đến 11,65% một năm trong năm đầu tiên và 4,1% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại	Không
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam					
▪ Trái phiếu không đảm bảo	1.700.000	1.700.000	2027	4,1% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại	Không
Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank					
▪ Trái phiếu được đảm bảo	500.000	500.000	2027	9,3% một năm trong năm đầu tiên và 4,24% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại	(iii), (vi)
Tổng trái phiếu thường dài hạn theo mệnh giá	12.966.934	16.574.230			
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(2.995.494)	(5.479.909)			
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	(167.762)	(139.181)			
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	9.803.678	10.955.140			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**21 VAY, TRÁI PHIẾU VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)****(**) Trái phiếu thường (tiếp theo)**

Các khoản trái phiếu được đảm bảo bằng các tài sản sau của Tập đoàn:

- (i) một số cổ phiếu của các công ty con sở hữu gián tiếp;
- (ii) một số cổ phiếu của một công ty con sở hữu trực tiếp;
- (iii) một số tài sản dài hạn của các công ty con;
- (iv) tiền gửi có kỳ hạn của một công ty con;
- (v) bảo lãnh bởi Credit Guarantee and Investment Facility; và
- (vi) bảo lãnh bởi Công ty.

Trong năm, Tập đoàn đã tuân thủ các điều khoản trong các thỏa thuận phát hành trái phiếu trên.

(*) Nợ thuê tài chính**

Các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai, bao gồm cả tiền gốc và lãi, theo các hợp đồng thuê tài chính không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024 Triệu VND	1/1/2024 Triệu VND
Trong vòng 1 năm	33.220	48.795
Từ 2 đến 5 năm	132.882	177.368
Sau 5 năm	231.344	349.531
	<u>397.446</u>	<u>575.694</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

22 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31/12/2024 Triệu VND	1/1/2024 Triệu VND
Trợ cấp hưu trí	-	5.009.184
Quyền khai thác mỏ	340.459	379.259
Chi phí phục hồi môi trường mỏ	124.830	119.203
Trợ cấp thôi việc	22.597	18.073
	<u>487.886</u>	<u>5.525.719</u>

Biến động các khoản dự phòng trong năm như sau:

	Trợ cấp hưu trí Triệu VND	Quyền khai thác mỏ Triệu VND	Chi phí phục hồi môi trường mỏ Triệu VND	Trợ cấp thôi việc Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư đầu năm	5.009.184	379.259	119.203	18.073	5.525.719
Dự phòng trích lập trong năm	163.037	7.491	5.627	5.224	181.379
Tái đánh giá nợ phải trả phúc lợi hưu trí (*)	(111.520)	-	-	-	(111.520)
Dự phòng sử dụng trong năm	(252.918)	(46.291)	-	(700)	(299.909)
Thanh lý các công ty con	(4.730.223)	-	-	-	(4.730.223)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	(77.560)	-	-	-	(77.560)
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>340.459</u>	<u>124.830</u>	<u>22.597</u>	<u>487.886</u>

- (*) Như đã đề cập ở Thuyết minh 3(n), tái đánh giá nợ phải trả phúc lợi hưu trí – dự phòng trợ cấp hưu trí và thuế thu nhập hoãn lại liên quan, được ghi nhận trong chỉ tiêu "Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu" theo một công văn trả lời của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

23 BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái Triệu VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu Triệu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Triệu VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông của Công ty Triệu VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	14.237.248	8.723.128	(8.388.147)	(385.158)	583.625	11.381.940	26.152.636	10.484.103	36.636.739
Phát hành cổ phiếu phổ thông	71.186	(50)	-	-	-	-	71.136	-	71.136
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	418.695	418.695	1.451.232	1.869.927
Cổ tức được công bố bởi công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(245.072)	(245.072)
Tái đánh giá nợ phải trả phức lợi hưu trí, trừ đi ảnh hưởng thuế	-	-	-	-	(241.244)	-	(241.244)	(37.995)	(279.239)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	-	-	-	160.936	-	-	160.936	25.868	186.804
Biến động khác	-	-	-	-	-	(2.579)	(2.579)	(475)	(3.054)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	14.308.434	8.723.078	(8.388.147)	(224.222)	342.381	11.798.056	26.559.580	11.677.661	38.237.241

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

23 BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

	Vốn cổ phần Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái Triệu VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu Triệu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Triệu VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông của Công ty Triệu VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	14.308.434	8.723.078	(8.388.147)	(224.222)	342.381	11.798.056	26.559.580	11.677.661	38.237.241
Phát hành cổ phiếu ưu đãi cổ tức có quyền chuyển đổi (Thuyết minh 24)	745.765	5.441.530	-	-	-	-	6.187.295	-	6.187.295
Phát hành cổ phiếu phổ thông (Thuyết minh 25)	75.082	(50)	-	-	-	-	75.032	-	75.032
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1.999.059	1.999.059	2.273.325	4.272.384
Cổ tức được công bố bởi công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(1.740.742)	(1.740.742)
Giao dịch với cổ đông không kiểm soát của WCM (Thuyết minh 13(d))	-	-	-	-	-	(4.494.349)	(4.494.349)	(605.651)	(5.100.000)
Giao dịch với cổ đông không kiểm soát của MHT (Thuyết minh 13(d))	-	-	-	-	-	(418.851)	(418.851)	(1.038.406)	(1.457.257)
Giao dịch với cổ đông không kiểm soát – khác	-	-	-	-	-	(81.773)	(81.773)	232.237	150.464
Tái đánh giá nợ phải trả phức lợi hưu trí, trừ đi ảnh hưởng thuế	-	-	-	-	182.347	-	182.347	(13.988)	168.359
Thanh lý các công ty con (Thuyết minh 5)	-	-	-	213.176	(524.728)	524.728	213.176	(271.319)	(58.143)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	-	-	-	20.516	-	-	20.516	(2.769)	17.747
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	15.129.281	14.164.558	(8.388.147)	9.470	-	9.326.870	30.242.032	10.510.348	40.752.380

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**24 VỐN CỔ PHẦN VÀ THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.512.928.087	15.129.281	1.430.843.406	14.308.434
Vốn cổ phần đã phát hành	1.512.928.087	15.129.281	1.430.843.406	14.308.434
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.438.351.617</i>	<i>14.383.516</i>	<i>1.430.843.406</i>	<i>14.308.434</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>74.576.470</i>	<i>745.765</i>	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	1.512.928.087	15.129.281	1.430.843.406	14.308.434
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.438.351.617</i>	<i>14.383.516</i>	<i>1.430.843.406</i>	<i>14.308.434</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>74.576.470</i>	<i>745.765</i>	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	-	14.164.558	-	8.723.078

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Trong tháng 4 năm 2024 ("Ngày hoàn tất"), Công ty đã phát hành 74.576.470 cổ phiếu ưu đãi cổ tức có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông ("CDPS") cho BCC Meerkat, LLC và BCC Meerkat II, LLC (sau đây được gọi chung là "Nhà đầu tư") với giá 85.000 VND/cổ phiếu, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty vào bất kỳ thời điểm nào kể từ Ngày hoàn tất đến ngày chuyển đổi bắt buộc là 10 năm kể từ Ngày hoàn tất và theo tỷ lệ chuyển đổi 1:1. Cổ tức ưu đãi sẽ không được trả trong 5 năm đầu tiên, mỗi năm kể từ năm thứ sáu trở đi cổ tức ưu đãi được chi trả bằng 10% mệnh giá của mỗi CDPS còn lại của Nhà đầu tư. Liên quan đến việc phát hành CDPS, Công ty đã ký kết thỏa thuận với Nhà đầu tư, theo đó, Công ty cũng cam kết với Nhà đầu tư rằng Công ty sẽ nỗ lực hết sức để tìm người mua để Nhà đầu tư bán CDPS còn lại của mình với giá đã thỏa thuận trong hợp đồng khi xảy ra một số sự kiện nhất định hoặc vào thời điểm 5 năm rưỡi kể từ Ngày hoàn tất. Nhà đầu tư có thể chọn bán CDPS còn lại của Nhà đầu tư cho bất kỳ bên thứ ba nào. Trong trường hợp Nhà đầu tư không đạt được tổng số tiền thu được như đã thỏa thuận trong hợp đồng sau khi trừ đi việc bán các cổ phiếu CDPS không đủ điều kiện như đã thỏa thuận trong hợp đồng, Công ty sẽ bổ sung tiền mặt để Nhà đầu tư đạt được số tiền mục tiêu như đã thỏa thuận trong hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**24 VỐN CỔ PHẦN VÀ THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN (tiếp theo)**

Trong năm 2018, Công ty đã ký một thỏa thuận cấp cho SK Investment Vina I Pte. Ltd. ("SK"), một cổ đông, một quyền chọn bán ("Thỏa thuận Quyền chọn Ban đầu"). Trong trường hợp Công ty và SK không thực hiện được việc tạo ra giá trị và sự cộng hưởng từ mối quan hệ đối tác hoặc không đồng ý với các định hướng chiến lược của Công ty ("Sự kiện Kích hoạt"), SK có một quyền chọn không thể hủy ngang để yêu cầu Công ty hoặc người được chỉ định bởi Công ty mua lại toàn bộ 109.899.932 cổ phiếu của Công ty đã phát hành vào ngày 2 tháng 10 năm 2018 ("Ngày hoàn tất") với giá mỗi cổ phiếu là 100.000 VND, giá này sẽ được trừ đi các khoản chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và các khoản phân phối bằng cổ phiếu mà Công ty đã trả cũng như các sự kiện gộp hay chia tách cổ phiếu và các sự kiện tương tự. Quyền chọn này sẽ được thực hiện sau năm thứ 5 kể từ Ngày hoàn tất và trong năm thứ 6 kể từ Ngày hoàn tất. Quyền chọn này chỉ có thể được thực hiện một lần đối với toàn bộ số cổ phiếu trên và sẽ vô hiệu nếu SK bán bất kỳ cổ phiếu nào trong số đó.

Vào ngày 4 tháng 9 năm 2024, Công ty và SK đã ký một sửa đổi đối với Thỏa thuận Quyền chọn Ban đầu, trong đó:

- thời hạn thực hiện quyền chọn được gia hạn đến ngày 2 tháng 10 năm 2029; và
- nếu Sự kiện Kích hoạt xảy ra, quyền chọn có thể được thực hiện trong một hoặc nhiều lần và đối với tất cả các cổ phiếu hoặc với số lượng cổ phiếu ít hơn do SK xác định; và giá mua sẽ được xác định theo các điều khoản và điều kiện của Thỏa thuận Quyền chọn Ban đầu và các sửa đổi.

Vào ngày 31 tháng 10 năm 2024, SK đã đưa ra thông báo rằng SK không còn là cổ đông lớn của Công ty sau khi bán đi một số lượng cổ phiếu của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2024		2023	
	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá Triệu VND
Số dư đầu năm	1.430.843.406	14.308.434	1.423.724.783	14.237.248
Phát hành CDPS	74.576.470	745.765	-	-
Phát hành cổ phiếu phổ thông (Thuyết minh 25)	7.508.211	75.082	7.118.623	71.186
Số dư cuối năm	1.512.928.087	15.129.281	1.430.843.406	14.308.434

25 KẾ HOẠCH VỀ QUYỀN CHỌN MUA CỔ PHẦN CHO NHÂN VIÊN

Công ty có kế hoạch sở hữu cổ phiếu cho nhân viên dựa trên việc đánh giá hiệu quả làm việc của nhân viên. Việc phát hành cổ phiếu trong tương lai theo phương án phải được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

Trong tháng 6 năm 2024, Công ty đã phát hành 7.508.211 cổ phiếu (2023: 7.118.623 cổ phiếu) cho nhân viên theo giá đã được phê duyệt trong Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**26 VỐN KHÁC CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.

27 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**(a) Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024 Triệu VND	1/1/2024 Triệu VND
Trong vòng 1 năm	3.344.372	2.341.100
Từ 2 đến 5 năm	4.148.421	3.957.083
Sau 5 năm	1.372.465	1.397.539
	<u>8.865.258</u>	<u>7.695.722</u>

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2024 Triệu VND	1/1/2024 Triệu VND
Đã được duyệt và đã ký hợp đồng	791.450	393.426
Đã được duyệt nhưng chưa ký hợp đồng	841.864	3.388.042
	<u>1.633.314</u>	<u>3.781.468</u>

(c) Ngoại tệ

	31/12/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương Triệu VND	Nguyên tệ	Tương đương Triệu VND
USD	55.137.691	1.395.994	30.171.762	727.156
EUR	181	5	5.043.261	133.419
JPY	-	-	272.215.588	46.157
THB	38.371.038	27.666	58.898.301	40.286
CNY	-	-	7.473.826	25.120
CAD	-	-	1.810.973	32.684
AUD	1.971	31	3.606	59
		<u>1.423.696</u>		<u>1.004.881</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**28 TỔNG DOANH THU**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp	83.456.446	78.516.999
Các khoản giảm trừ:		
▪ Chiết khấu hàng bán	162.997	214.346
▪ Hàng bán bị trả lại	115.729	51.034
	278.726	265.380
Doanh thu thuần	83.177.720	78.251.619

29 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm và hàng hóa đã bán và dịch vụ cung cấp	58.427.028	55.894.122
▪ Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	94.954	236.385
	58.521.982	56.130.507

30 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND
Thu nhập lãi từ tiền gửi, cho vay và hoạt động đầu tư khác	1.879.095	1.733.905
Lãi từ thanh lý các công ty con (Thuyết minh 5)	1.403.286	-
Lãi từ chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh và đầu tư khác	110.698	233.526
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	543.077	347.874
Thu nhập khác	107.374	89.900
	4.043.530	2.405.205

42
H
T
M
10

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

31 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND
Chi phí lãi từ đi vay, trái phiếu phát hành và hoạt động đầu tư khác	6.404.706	6.946.060
Chi phí đi vay và phát hành trái phiếu	506.709	476.349
Chi phí thư tín dụng UPAS	6.025	36.605
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	613.364	384.444
Chi phí khác	369.335	286.055
	<u>7.900.139</u>	<u>8.129.513</u>

32 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	5.251.886	4.492.698
Chi phí nhân viên	3.466.365	3.315.216
Chi phí kho vận	1.715.031	1.525.334
Chi phí trưng bày	234.442	169.218
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.332.121	2.998.056
Chi phí khác	1.565.530	1.691.833
	<u>14.565.375</u>	<u>14.192.355</u>

33 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND
Chi phí nhân viên	1.812.341	1.730.505
Phân bổ lợi thế thương mại	571.372	695.338
Phân bổ giá trị hợp lý của tài sản từ hợp nhất kinh doanh	98.645	116.252
Chi phí khấu hao và phân bổ	227.064	209.997
Chi phí nghiên cứu phát triển	84.067	86.119
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	65.946	76.393
Chi phí thuê văn phòng	184.958	97.521
Chi phí dịch vụ mua ngoài	508.888	499.403
Chi phí khác	363.693	238.474
	<u>3.916.974</u>	<u>3.750.002</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

34 THU NHẬP KHÁC

	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND
Lãi từ thanh lý và xóa sổ tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	16.143	5.967
Lợi thể thương mại âm phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	-	117.107
Thu nhập khác	163.883	186.902
	<u>180.026</u>	<u>309.976</u>

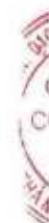
35 CHI PHÍ KHÁC

	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND
Lỗ từ thanh lý và xóa sổ tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	675.021	22.409
Chi phí khác	240.751	75.022
	<u>915.772</u>	<u>97.431</u>

36 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	1.508.671	1.286.462
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.265	2.324
	<u>1.510.936</u>	<u>1.288.786</u>
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(194.371)	(250.551)
Lợi ích của các khoản lỗ tính thuế được ghi nhận	-	(334.188)
Ghi giảm/(hoàn nhập việc ghi giảm) tài sản thuế thu nhập hoãn lại và khác	435.854	(11.000)
	<u>241.483</u>	<u>(595.739)</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>1.752.419</u>	<u>693.047</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**36 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)****(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	%	2024 Triệu VND	%	2023 Triệu VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	100,0%	6.024.803	100,0%	2.562.974
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	20,0%	1.204.961	20,0%	512.595
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng cho các công ty con	-9,1%	(546.289)	-25,4%	(649.971)
Ảnh hưởng của các giao dịch hợp nhất	3,0%	178.509	-7,0%	(179.121)
Chi phí không được khấu trừ thuế	2,0%	121.214	1,2%	31.144
Ảnh hưởng của phần lãi trong các công ty liên kết, trừ đi ảnh hưởng thuế	-14,8%	(888.754)	-30,4%	(779.196)
Biến động của các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	10,0%	602.911	30,7%	787.633
Dự phòng thiếu trong những năm trước	0,0%	2.265	0,1%	2.324
Lỗi tính thuế đã sử dụng	-1,4%	(86.576)	-0,6%	(15.005)
Thu nhập được miễn thuế	-	-	-0,1%	(2.333)
Chi phí lãi vay theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	12,1%	728.324	40,5%	1.038.949
Ghi giảm/(hoàn nhập việc ghi giảm) tài sản thuế thu nhập hoãn lại và khác	7,2%	435.854	-2,1%	(53.972)
	29,0%	1.752.419	26,9%	693.047

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Một số công ty con của Công ty hưởng các mức ưu đãi miễn giảm thuế suất khác nhau.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại các quốc gia nơi Công ty và các công ty con phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ cục thuế này đến cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền khác nhau và các cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm phát sinh rủi ro về thuế cho Công ty và các công ty con. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của Ban Tổng Giám đốc, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá, ưu đãi thuế và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan có thẩm quyền liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và ảnh hưởng (nếu có) có thể là đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**37 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được dựa trên lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông trong năm là 1.999.059 triệu VND (2023: lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông trong năm là 418.695 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm là 1.486.639.966 cổ phiếu (2023: 1.425.987.140 cổ phiếu).

Cho mục đích tính lãi cơ bản trên cổ phiếu, cổ phiếu có thể được phát hành sau một thời gian xác định được coi là cổ phiếu phổ thông đang lưu hành kể từ ngày phát sinh quyền đối với các cổ phiếu này, được tính như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	1.999.059	418.695

(b) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành

	2024	2023
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	1.430.843.406	1.423.724.783
Ảnh hưởng của CDPS được phát hành sẽ được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông (Thuyết minh 24)	51.755.255	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu đã phát hành bằng tiền	4.041.305	2.262.357
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm	1.486.639.966	1.425.987.140

(c) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2024 VND	2023 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.345	294

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**38 NỢ TIỀM TÀNG**

Như được trình bày ở Thuyết minh 7(c)(**), vào ngày 23 tháng 8 năm 2021, Bộ TNMT ban hành Quyết định 1640 để phê duyệt TCQKTKS cho Dự án Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo, thay thế phê duyệt tạm thu TCQKTKS theo Quyết định 500 và Công văn 3724 mặc dù giá tính thuế tài nguyên được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của NPM chưa được xác định. Khi ban hành Quyết định 1640 này, Bộ TNMT tiếp tục sử dụng giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho tài nguyên khoáng sản – quặng vonfram (hàm lượng: $0,1\% < WO_3 < 0,3\%$) thay vì sử dụng giá tính thuế tài nguyên được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp mà vấn đề này đã được NPM nêu rõ trước đây. Giá tính TCQKTKS chính thức theo Quyết định 1640 là 1.831.085 VND/tấn, trong khi Giá tính TCQKTKS tạm thu theo Quyết định 500 là 775.026 VND/tấn. Vào ngày 6 tháng 10 năm 2021, NPM nhận được Thông báo số 3937/TB-CTTNG về việc nộp TCQKTKS của Cục Thuế Tỉnh Thái Nguyên. Thông báo này nhằm thông báo cho NPM về TCQKTKS phải nộp thêm theo Quyết định 1640, trong đó TCQKTKS phải nộp thêm do áp dụng các mức giá tính TCQKTKS khác nhau trong giai đoạn từ 2015 đến 2021 là 394,5 tỷ VND. Vào ngày 8 tháng 12 năm 2021, Cục Thuế Tỉnh Thái Nguyên đã có Công văn số 4883/CTTNG-QLN yêu cầu NPM nộp TCQKTKS là 125,8 tỷ VND tương ứng với số TCQKTKS phải nộp còn thiếu cho năm 2021, kèm theo lãi chậm nộp là 4,1 tỷ VND.

Sau khi Quyết định 1640 được ban hành, NPM đã gửi nhiều công văn đến Thủ tướng Chính phủ và Bộ TNMT để đề xuất tạm thời chưa thực hiện thu bổ sung thu TCQKTKS theo Quyết định 1640 và yêu cầu xác định lại TCQKTKS áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của NPM.

Ban Giám đốc của NPM tin rằng NPM đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản nợ phải trả về TCQKTKS dựa trên diễn giải của NPM về quy định pháp luật liên quan, bao gồm các quy định về TCQKTKS và quy định về thuế tài nguyên. Do đó, Ban Giám đốc của NPM đã gửi công văn lên cơ quan quản lý các cấp để nêu rõ vấn đề và xin giải quyết phù hợp cho việc xác định TCQKTKS của NPM.

Trong năm 2021, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 978/VPCP-KTTH ngày 8 tháng 2 năm 2021 và Công văn số 5987/VPCP-KTTH ngày 28 tháng 8 năm 2021, vụ việc đang được Bộ Tài chính, Bộ TNMT, UBND Tỉnh Thái Nguyên và Sở Tài chính Tỉnh Thái Nguyên xem xét để báo cáo cho Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban Kinh tế của Quốc hội. Trong năm 2022, các cơ quan ban ngành có liên quan cấp Trung ương và địa phương, thông qua buổi họp do TCĐCKS chủ trì, đã thống nhất xác định có bất cập về giá tính thuế tài nguyên làm căn cứ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho Dự án khai thác khoáng sản Núi Pháo. Trên cơ sở đó, UBND Tỉnh Thái Nguyên đã và đang làm việc với Bộ Tài chính và Bộ TNMT để tìm kiếm đơn vị tư vấn kỹ thuật, đồng thời chỉ đạo Sở Tài chính Tỉnh Thái Nguyên phối hợp với các sở, ngành liên quan của địa phương hoàn thiện thủ tục lựa chọn đơn vị tư vấn kỹ thuật phù hợp để xây dựng cơ chế xác định giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của NPM. Sau đó, NPM đã nhận được thêm chỉ đạo từ Phó Thủ tướng Chính phủ theo Thông báo 226, theo đó, TCQKTKS cho Dự án khai thác khoáng sản Núi Pháo sẽ được Bộ TNMT xác định lại sau khi (1) giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho các sản phẩm công nghiệp của NPM được UBND Tỉnh Thái Nguyên ấn định và ban hành chính thức; và (2) khung giá tính thuế tài nguyên đối với quặng vonfram mỏ Núi Pháo do Bộ Tài chính ban hành và giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho quặng vonfram của NPM do UBND Tỉnh Thái Nguyên ban hành. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, UBND Tỉnh Thái Nguyên, Sở Tài chính Tỉnh Thái Nguyên và các cơ quan chức năng các cấp có liên quan vẫn đang phối hợp làm việc để xác định giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho các sản phẩm công nghiệp của NPM.

Ban Giám đốc của NPM đánh giá vì giá tính thuế tài nguyên cho sản phẩm công nghiệp của NPM chưa được UBND Tỉnh Thái Nguyên xác định, cho nên giá tính TCQKTKS làm căn cứ xác định TCQKTKS theo Quyết định 1640 chưa phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. Do đó, NPM tin rằng khi giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của NPM được ban hành, TCQKTKS chính thức của Dự án Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo cho giai đoạn từ 2015 đến năm 2024 sẽ được xác định, và thay thế số TCQKTKS như đã phê duyệt tại Quyết định 1640.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)**38 NỢ TIỀM TANG (tiếp theo)**

Kết quả cuối cùng của vấn đề TCQKTKS này hiện nay vẫn chưa có và phụ thuộc vào việc giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của NPM được xác định và Bộ TNMT có chấp thuận tính toán lại TCQKTKS tại Quyết định 1640 theo giá tính thuế tài nguyên đó khi được xác định. Do đó, Tập đoàn chưa ghi nhận TCQKTKS bổ sung theo Quyết định 1640 là nợ phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

39 CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

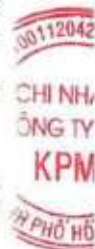
Ngoài các số dư và giao dịch với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam trong năm như sau:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND
Công ty liên kết			
Techcombank và các công ty con	Khoản vay đã nhận	3.403.590	3.027.246
	Khoản vay đã hoàn trả	3.728.101	2.868.121
	Khoản cho vay đã cấp	6.137.600	-
	Khoản cho vay đã thu hồi	6.137.600	-
	Trái phiếu phát hành (đại lý phát hành)	-	7.300.000
	Chi phí phát hành trái phiếu	119.210	32.085
	Mua chứng khoán kinh doanh	2.455.799	11.000.658
	Bán chứng khoán kinh doanh	7.278.708	7.868.014
	Chi phí lãi từ vay và trái phiếu	308.697	384.726
	Thu nhập lãi cho vay	48.448	-
	Thu nhập cổ tức	1.048.330	-
	Mua tài sản cố định	1.507.664	-
	Chia sẻ chi phí	12.928	-
Các bên liên quan khác			
Thành viên quản lý chủ chốt	Thủ lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt (*)	162.865	173.122

Tại ngày và cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 2023, Tập đoàn có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản vay và số dư phải trả và phí dịch vụ đại lý tại Techcombank và các công ty con của Techcombank theo các điều khoản giao dịch thông thường.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các công ty liên kết của Tập đoàn sở hữu 730.921 triệu VND (1/1/2024: 1.698.097 triệu VND) trái phiếu đã phát hành của Tập đoàn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, 9.033.045 triệu VND (1/1/2024: 12.065.750 triệu VND) trái phiếu phát hành được sở hữu bởi Công ty và các công ty con và được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 (tiếp theo)

39 CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(*) Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty và Ủy ban Kiểm toán Công ty không hưởng thù lao cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 2023.

Bao gồm trong thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt, thù lao, lương và tiền thưởng khác của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị Công ty và Ủy ban Kiểm toán Công ty và Tổng Giám đốc Công ty trong năm là:

Tên	Chức vụ	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND
Hội đồng Quản trị			
Dr Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch	-	-
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Thành viên	-	-
Bà Chae Rhan Chun	Thành viên (đến ngày 8 tháng 10 năm 2024)	-	-
Ông Nguyễn Đoan Hùng	Thành viên	-	-
Ông David Tan Wei Ming	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	-	-
Ủy ban kiểm toán			
Ông Nguyễn Đoan Hùng	Chủ tịch	-	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	-	-
Tổng Giám đốc			
Ông Danny Le			
<i>Lương, thưởng và các phúc lợi khác</i>		21.789	14.686

40 CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ngày 28 tháng 2 năm 2025

Người lập:

Nguyễn Huy Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Đoàn Thị Mỹ Duyên
Giám đốc Tài chính



Danny Le
Tổng Giám đốc

